

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP



BẢN CÁO BẠCH **TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM** **- CÔNG TY CỔ PHẦN**

(Giấy Chứng nhận ĐKKD số 0301266564 do Sở KH&ĐT TP. HCM cấp lần đầu ngày 30/06/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 01/6/2018, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 30/7/2019)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

(Quyết định đăng ký niêm yết số: 584/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 12 năm 2019)

TỔ CHỨC **NIÊM YẾT**

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM **- CÔNG TY CỔ PHẦN**



Địa chỉ: Số 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, TP.HCM

Địa chỉ giao dịch: 177 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3932 5235

Fax: (028) 3932 7341

Website: www.vnrubbergroup.com

Email: vrg@rubbergroup.com

TỔ CHỨC **TƯ VẤN**

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB



Địa chỉ: Số 41 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (84. 28) 3823 4160

Fax: (84. 28) 3823 5060

Website: www.acbs.com.vn

Email: acbs@acbs.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông Phạm Văn Hồi Em

Chức vụ: Phụ trách Kế toán, Phụ trách
Ban TCKT Tập đoàn

Điện thoại:

(028) 3932 5235

TP. Hồ Chí Minh, Tháng 12 năm 2019

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM - CTCP

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số **0301266564** do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày **30/06/2010**, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày **01/6/2018**, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 30/7/2019)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
Mã chứng khoán	GVR
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/Cổ phiếu
Tổng khối lượng niêm yết	4.000.000.000 Cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá)	40.000.000.000.000 đồng (Bốn mươi nghìn tỷ đồng)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)

Địa chỉ: Số 41 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (84. 28) 3823 4160

Fax: (84. 28) 3823 5060

Website: www.acbs.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

1. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

- Điện thoại: 024 3824 1990

Fax: 024 3825 3973

- Website: www.aasc.com.vn

2. Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam AVA

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 14, Tòa nhà Sudico, Đường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

- Điện thoại: 024 3868 9566

Fax: 024 3868 6248

- Website: www.kiemtoanava.com.vn

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU	4
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	6
1. Rủi ro về kinh tế	6
1.1. Tăng trưởng kinh tế.....	6
1.2. Lạm phát	6
1.3. Lãi suất.....	7
1.4. Tỷ giá.....	8
2. Rủi ro về pháp luật.....	8
3. Rủi ro đặc thù.....	9
3.1. Rủi ro đối với ngành cao su:.....	9
3.2. Rủi ro đối với ngành khai thác và chế biến gỗ	10
3.3. Rủi ro đối với lĩnh vực cho thuê khu công nghiệp	11
3.4. Rủi ro đặc thù của doanh nghiệp cổ phần hóa	12
4. Rủi ro biến động giá chứng khoán.....	12
5. Rủi ro khác.....	13
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	14
1. Tổ chức niêm yết	14
2. Tổ chức tư vấn	14
III. CÁC KHÁI NIỆM	15
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	16
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	16
1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký niêm yết	16
1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	20
1.3. Thành tích, giải thưởng đạt được	21
1.4. Chương trình phát triển cao su bền vững.....	25
1.5. Quá trình tăng vốn điều lệ.....	26
2. Cơ cấu tổ chức Tập đoàn	26
3. Cơ cấu bộ máy quản lý	27
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông	35
5. Danh sách Văn phòng đại diện, những công ty mẹ và công ty con của Tổ chức Đăng ký Niêm yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức Đăng ký Niêm yết, những công ty mà Tổ chức Đăng ký Niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.....	36

5.1. Danh sách Văn phòng đại diện:	36
5.2. Danh sách Công ty mẹ của Tổ chức Đăng ký Niêm yết	37
5.3. Danh sách những Công ty con của Tổ chức Đăng ký Niêm yết	37
5.4. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết của Công ty mẹ Tập đoàn	46
6. Hoạt động kinh doanh	50
6.1. Giới thiệu về hoạt động kinh doanh và sản phẩm của Tập đoàn	50
6.2. Trình độ công nghệ	56
6.3. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ	57
6.4. Hoạt động Marketing	58
6.5. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	58
6.6. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã ký kết	58
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	59
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh 2 năm 2017 – 2018 và 9 tháng 2019	59
7.2. Ý kiến kiểm toán đối với các Báo cáo tài chính đến thời điểm đăng ký niêm yết	63
7.3. Những thuận lợi và khó khăn trong hoạt động kinh doanh của Tập đoàn	65
7.4. Tình hình hoạt động kinh doanh của ngành cao su trong những năm qua	66
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	69
8.1. Triển vọng phát triển của ngành	69
8.2. Vị thế của VRG trong ngành	70
8.3. Sự phù hợp định hướng phát triển của Tập đoàn với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới	71
9. Chính sách đối với người lao động	73
10. Chính sách cổ tức	73
11. Tình hình hoạt động tài chính	74
11.1. Các chỉ tiêu cơ bản	74
11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	85
12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	88
12.1. Hội đồng quản trị	88
12.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát	101
12.3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc	105
12.4. Phụ trách Kế toán, Phụ trách Ban Tài chính Kế toán	110
13. Tài sản	111
13.1. Tài sản cố định	111
13.2. Tình hình sử dụng đất đai	113

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo.....	114
14.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2019 - 2020	114
14.2. Một số giải pháp để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 2020	115
15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....	118
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	118
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	119
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	119
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	120
1. Loại chứng khoán:	120
2. Mệnh giá:	120
3. Tổng số chứng khoán niêm yết:.....	120
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng.....	120
5. Phương pháp tính giá.....	122
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	124
7. Các loại thuế có liên quan.....	124
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT.....	126
VII. GIỚI THIỆU DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN	127
VIII. PHỤ LỤC	128

DANH MỤC BẢNG BIỂU

STT	Tên bảng biểu	Trang
1.	Bảng 1 - Cơ cấu cổ đông	35
2.	Bảng 2 - Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ	36
3.	Bảng 3 - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (Hợp nhất)	59
4.	Bảng 4 - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (Công ty mẹ)	60
5.	Bảng 5 - Doanh thu và thu nhập trước thuế theo bộ phận (Hợp nhất)	61
6.	Bảng 6 – Các loại thuế phải nộp của Tập đoàn (Hợp nhất)	75
7.	Bảng 7 - Các loại thuế phải nộp của Tập đoàn (Công ty mẹ)	76
8.	Bảng 8 - Số dư các quỹ của Tập đoàn (Hợp nhất)	77
9.	Bảng 9 - Số dư các quỹ của Tập đoàn (Công ty mẹ)	77
10.	Bảng 10 – Tổng dư nợ vay của Tập đoàn (Hợp nhất)	78
11.	Bảng 11 - Tổng dư nợ vay của Tập đoàn (Công ty mẹ)	78
12.	Bảng 12 -Số dư các khoản phải thu (Hợp nhất)	79
13.	Bảng 13 - Số dư các khoản phải thu (Công ty mẹ)	80
14.	Bảng 14 – Số dư các khoản phải trả (Hợp nhất)	82
15.	Bảng 15 - Số dư các khoản phải trả (Công ty mẹ)	84
16.	Bảng 16 - Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Tập đoàn (Hợp nhất)	85

17.	Bảng 17 - Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Tập đoàn (Công ty mẹ)	86
18.	Bảng 18 - Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 30/9/2019 (Hợp nhất)	111
19.	Bảng 19 - Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 30/9/2019 Công ty mẹ)	112
20.	Bảng 20 - Quỹ đất toàn Tập đoàn quản lý, sử dụng sau cổ phần hóa	113
21.	Bảng 21 - Quỹ đất của các Công ty cổ phần, Công ty TNHH quản lý chia theo nhóm ngành	113
22.	Bảng 22 - Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2019 - 2020	114
23.	Bảng 23 – Danh sách cam kết nắm giữ cổ phiếu	121

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro về kinh tế là loại rủi ro hệ thống thông qua những biến động như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, ... có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung. Vì vậy, sự biến động của các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

1.1. Tăng trưởng kinh tế

Trong nền kinh tế thị trường, nên hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung và Tập đoàn nói riêng luôn gắn liền với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Sự tăng trưởng của nền kinh tế sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp phát triển. Ngược lại, khi nền kinh tế phát triển chậm lại, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

Theo Tổng cục thống kê, tăng trưởng kinh tế của cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở lại đây. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,8%, đóng góp 8,7% vào mức tăng trưởng chung; khu vực dịch vụ tăng 7,0%, đóng góp 42,7%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,9%, đóng góp 48,6%.

Trong phiên họp thường kỳ Chính phủ, theo Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 và 11 tháng năm 2019, tăng trưởng kinh tế tiếp tục có những chuyển biến tích cực, duy trì triển vọng đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế cả năm, với GDP đạt 6,8%. Các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, du lịch, tiêu dùng, xuất khẩu, đầu tư, doanh nghiệp... trong tháng đều có mức tăng khá, tạo đà thuận lợi cho việc hoàn thành các nhiệm vụ, mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển sản xuất, tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội... trong tháng cuối cùng của năm 2019.

Khi nền kinh tế đi vào quỹ đạo tăng trưởng ổn định sẽ có tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, các doanh nghiệp sẽ gặp không ít thách thức do phải đối mặt với áp lực cạnh tranh, thâm nhập và mở rộng thị trường mới. Triển vọng phát triển kinh tế luôn chịu tác động của nhiều yếu tố biến động khó dự báo mà khi xảy ra sẽ nhanh chóng tác động đến trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, Tập đoàn luôn chủ động và theo dõi những sự thay đổi từ nền kinh tế để có những giải pháp điều chỉnh phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh, nhằm đảm bảo các mục tiêu đề ra.

1.2. Lạm phát

Sự tăng trưởng của nền kinh tế sẽ tác động đến tỷ lệ lạm phát của nền kinh tế và ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp và các chủ thể trong nền kinh tế. Trong những năm gần đây, Chính phủ đã triển khai quyết liệt các biện pháp kiềm chế lạm phát và ổn định vĩ mô, nhờ đó mà lạm phát trong giai đoạn 2012 - 2014 đã giảm mạnh từ 9,21% xuống còn 0,63% năm 2015. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2015 tăng 0,63% so với bình quân cùng kỳ năm 2014 là mức thấp nhất kể từ năm 2001 đến nay. Tuy nhiên, lạm phát đã tăng trở lại từ năm 2016 với mức tăng CPI các năm 2016, 2017 lần lượt là 2,66%, 3,53%.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11 năm 2019 ghi nhận mức tăng 0,96% so với tháng 10/2019, chủ yếu do giá của các thực phẩm chế biến tăng cao. Ban Chi đạo điều hành giá đã có những chỉ đạo kịp thời các giải pháp, nhờ đó, tính chung 11 tháng năm 2019, chỉ số giá tiêu dùng bình quân chỉ tăng 2,57% so với cùng kỳ, là mức tăng bình quân 11 tháng thấp nhất trong 3 năm gần đây. CPI tháng 11/2019 tăng 3,78% so với tháng 12/2018 và tăng 3,52% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản tháng 11/2019 tăng 0,3% so với tháng trước và tăng 2,18% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 11 tháng năm 2019 tăng 1,94% so với bình quân cùng kỳ năm 2018.

Mặc dù tỷ lệ lạm phát những năm gần đây được duy trì khá ổn định, với áp lực không quá lớn nhưng không thể đảm bảo rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không tiếp tục lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai. Đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang có mức tăng trưởng khá tốt và được dự báo đang tăng trưởng nhanh trở lại.

1.3. Lãi suất

Lãi suất là một trong những yếu tố tác động mạnh tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Lãi suất ngân hàng tăng cao sẽ gây áp lực lên chi phí tài chính và ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế.

Từ đầu năm đến nay, lãi suất huy động đã có nhiều đợt tăng dù mức tăng không đột biến. Những tháng cuối năm được cho là giai đoạn “về đích” doanh thu và lợi nhuận của các tổ chức tín dụng, cần nhu cầu vốn ngắn hạn, do đó, xu hướng lãi suất của những tháng cuối năm được dự báo là có xu hướng tăng. Mặt khác, nhiều ngân hàng vẫn cần vốn trung và dài hạn để đáp ứng yêu cầu về giảm tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn của Ngân hàng Nhà nước, dự kiến tỷ lệ này sẽ còn tiếp tục giảm trong thời gian tới. Do đó, lãi suất huy động ngắn hạn, trung hạn và dài hạn nhiều khả năng sẽ còn tăng tiếp trong thời gian tới.

Nhìn chung trong năm 2019, có thể có những đợt sóng tăng lãi suất huy động nhưng mức

tăng nhẹ, vì về cơ bản, thanh khoản của các ngân hàng thương mại khá tốt, hiện tượng tăng lãi suất chủ yếu chỉ diễn ra ở một vài ngân hàng nhỏ, trong khi lãi suất cho vay có thể được kiềm giữ theo chủ trương của Chính phủ.

Về lãi suất cho vay, động thái giảm lãi suất điều hành của Ngân hàng Nhà nước sẽ không tác động nhiều đến lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại. Lãi suất điều hành của Ngân hàng Nhà nước chủ yếu chỉ tác động trên thị trường liên ngân hàng mà thị trường đó không liên thông với thị trường tiền tệ cho vay. Mặt khác, các động thái chính sách như vậy thường có độ trễ nên mức độ tác động gián tiếp sẽ không quá lớn. Sự biến động lãi suất ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, do đó, Tập đoàn luôn có những biện pháp cân đối nguồn vốn và khai thác tối đa nguồn vốn chủ sở hữu sẵn có để giảm thiểu sự phụ thuộc bởi các nguồn vốn vay từ bên ngoài.

1.4. Tỷ giá

Trong hoạt động kinh doanh của Tập đoàn có hoạt động xuất khẩu các sản phẩm cho các đối tác nước ngoài, do đó chính sách tỷ giá sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Tập đoàn. Hiện chính sách điều hành tỷ giá được điều hành theo hướng linh hoạt nhằm đáp ứng những yêu cầu từ bối cảnh thương mại và đầu tư quốc tế, tăng cường ký kết các hiệp định thương mại tự do. Năm 2018, tỷ giá USD/VND có nhiều biến động lớn. Sự ổn định của tỷ giá hối đoái được duy trì nhờ các yếu tố hỗ trợ như: Cơ chế tỷ giá trung tâm và các công cụ điều tiết thị trường ngoại hối đang dần phát huy được hiệu quả, hạn chế hành vi đầu cơ, găm giữ ngoại tệ; Nguồn cung ngoại tệ tương đối dồi dào do cán cân thương mại tiếp tục thặng dư, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI tăng trưởng khả quan; Hầu hết các đồng tiền trong rổ tính tỷ giá trung tâm của Ngân hàng Nhà nước đều lên giá so với đồng USD đã giúp giải tỏa sức ép lên tỷ giá USD/VND.

Tính chung cả năm 2018, đồng Việt Nam (VND) đã mất giá khoảng 2,2-2,3% so với đô la Mỹ (USD). Đến tháng 11/2019, chỉ số giá đô la Mỹ giảm 0,13% so với tháng trước và giảm 0,58% so với tháng 12/2018 và giảm 0,66% so với cùng kỳ năm trước. Với các hoạt động xuất khẩu đến các thị trường nước ngoài, Tập đoàn luôn có sự chủ động trong việc quản trị rủi ro, quản trị dòng tiền và kiểm soát rủi ro hiệu quả để giảm thiểu sự ảnh hưởng bởi biến động của tỷ giá.

2. Rủi ro về pháp luật

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chịu ảnh hưởng bởi các quy định của pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Chứng khoán, các luật về thuế... và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Đồng thời, là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần,

hoạt động của Tập đoàn còn chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp và khi đó sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Tập đoàn trên thị trường.

Hiện nay, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của nước ta đã dần hoàn thiện và luôn được thay đổi cho phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, hệ thống văn bản này còn phải tiếp tục điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Do vậy, việc nâng cao tính ổn định về các chính sách pháp luật của Nhà nước là hết sức cần thiết cho các doanh nghiệp, đặc biệt khi nền kinh tế Việt Nam đang từng bước hòa nhập với sự vận động và phát triển không ngừng của nền kinh tế thế giới. Để hạn chế những tác động của rủi ro liên quan đến luật pháp, Tập đoàn luôn chủ động, thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật để có những điều chỉnh phù hợp trong quá trình hoạt động của Tập đoàn.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro đối với ngành cao su:

Rủi ro biến động giá đầu vào

Do đặc thù cao su trong nhóm ngành nông nghiệp, nên chịu ảnh hưởng lớn từ điều kiện tự nhiên như: thời tiết, đặc điểm đất đai... Ngoài ra, chi phí đầu vào như: chi phí nhân công (chăm sóc, cạo và chế biến mủ cao su), chi phí phân bón, chi phí trồng và chăm sóc trong giai đoạn kiến thiết vườn cây cao su, chi phí các nguyên phụ liệu trong quá trình khai thác và chế biến mủ cao su ... cũng bị tác động bởi các yếu tố khách quan. Trong những chi phí trên, yếu tố tác động lớn đến giá đầu vào là chi phí nhân công và giá mua phân bón. Do thu nhập công nhân chiếm tỷ trọng khoảng 40% trên giá bán, nên khi thị trường thuận lợi, giá cao su tăng thì thu nhập của người lao động cũng tăng làm gia tăng giá vốn hàng bán. Giá mua phân bón cũng chịu ảnh hưởng nhiều bởi yếu tố khách quan như: giá phân bón và giá dầu trên thị trường thế giới, nhu cầu sử dụng trong nước, năng lực cung ứng của các nhà thầu... Nên rủi ro về yếu tố giá đầu vào là đáng kể đối với hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Rủi ro biến động giá đầu ra

Giá cao su Việt Nam chịu ảnh hưởng từ thị trường cao su thế giới và có mối tương quan cùng chiều khá lớn với giá dầu thế giới. Trong dài hạn, khi giá dầu đi lên và nhu cầu tiêu thụ cao su tự nhiên trên toàn cầu tăng, sẽ hỗ trợ cho giá cao su có cơ hội tăng. Tuy nhiên, diễn biến giá cao su thế giới còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh

doanh của toàn Tập đoàn.

Hiện nay, thế giới sử dụng cùng lúc hai loại cao su: cao su thiên nhiên (cao su khai thác từ cây cao su) và cao su tổng hợp (cao su được chiết xuất từ dầu mỏ). Hai loại sản phẩm này là sản phẩm thay thế cho nhau trong các ngành công nghiệp, vì thế, khi giá dầu giảm, giá cao su tổng hợp sẽ giảm so với giá cao su tự nhiên, tạo ra lợi thế cạnh tranh cho giá cao su tổng hợp. Các nhà sản xuất sẽ chuyển sang sử dụng cao su tổng hợp, nhu cầu cao su thiên nhiên giảm dẫn đến giá cao su thiên nhiên giảm. Và ngược lại, khi giá dầu tăng, giá cao su tổng hợp sẽ tăng so với giá cao su tự nhiên, tạo ra lợi thế cạnh tranh cho giá cao su thiên nhiên. Các nhà sản xuất sẽ chuyển sang sử dụng cao su thiên nhiên, nhu cầu cao su thiên nhiên tăng dẫn đến giá cao su thiên nhiên tăng.

Do vậy, biến động giá dầu ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của ngành cao su, trong đó có Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP. Vì thế rủi ro biến động giá dầu là đáng kể và Tập đoàn đã luôn điều hành linh hoạt giá sản, liên tục cập nhật tình hình thị trường để có những ứng phó phù hợp theo từng hoàn cảnh, từng thời điểm.

Rủi ro về đồng tiền thanh toán

Là doanh nghiệp sản xuất với phần lớn tổng sản lượng xuất khẩu và ủy thác xuất khẩu nên nguồn thu của các công ty thành viên của Tập đoàn đa phần là ngoại tệ bằng đồng USD. Vì thế, khi tỷ giá hối đoái biến động có tác động trực tiếp đến doanh thu của các Công ty: nếu tỷ giá tăng, doanh thu của doanh nghiệp khi chuyển đổi từ ngoại tệ sang VNĐ sẽ có phần tăng từ chênh lệch tỷ giá và ngược lại, nếu tỷ giá giảm, doanh thu của doanh nghiệp chuyển đổi ngoại tệ sang VNĐ sẽ có phần giảm từ chênh lệch tỷ giá. Bên cạnh đó, nhiều công ty thành viên của Tập đoàn có đầu tư trồng Cao su tại Campuchia và Lào, các khoản chi phí và đầu tư đều thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ. Vì vậy, sự biến động của tỷ giá hối đoái cũng ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn.

3.2. Rủi ro đối với ngành khai thác và chế biến gỗ

Rủi ro về nguyên vật liệu

Hoạt động khai thác gỗ của các công ty thành viên của Tập đoàn chủ yếu là gỗ cao su. Gỗ cao su chỉ khai thác sau khi cây cao su già cỗi và kết thúc chu trình sản sinh nhựa mủ. Hiện nay, giá gỗ cây cao su vẫn tương đối bấp bênh, phụ thuộc nhiều vào nhu cầu thị trường mỗi năm và còn gặp các trường hợp bị thương lái ép giá.

Đối với hoạt động chế biến gỗ khác, vì nguyên liệu chiếm tỷ trọng từ 40% đến 60% trong

giá thành sản phẩm nên sự biến động giá cả nguyên liệu này sẽ tác động đến lợi nhuận của các công ty thành viên của Tập đoàn. Rủi ro tăng giá nguyên liệu bao gồm:

- Vì đặc tính là chu kỳ đầu tư khá dài. Vì vậy trong những năm qua, khi nền kinh tế Việt Nam còn nhiều khó khăn về vốn đầu tư trung, dài hạn, ngành trồng rừng của Việt Nam chưa đủ sức thu hút các doanh nghiệp đầu tư, thường xuyên gặp phải tình trạng khai thác non để bán cho ngành công nghiệp giấy, dẫn đến việc thiếu gỗ địa phương cho ngành chế biến và xuất khẩu sản phẩm gỗ Việt Nam.
- Đối với một số gỗ ôn đới, các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu đồ gỗ phải nhập khẩu. Do đó, khi thu mua với cự ly vận chuyển xa, sẽ có rủi ro về cước vận chuyển tăng cao và đặc biệt với thời gian vận chuyển dài sẽ gây áp lực đến dòng tiền và vốn lưu động.
- Do đó, hoạt động kinh doanh của các Công ty thành viên Tập đoàn chịu ảnh hưởng của những rủi ro về giá nguyên liệu.

Rủi ro về thị trường

Việt Nam hiện là nước xuất khẩu đồ gỗ lớn nhất ASEAN và thứ 6 trên thế giới. Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu năm 2018 của ngành gỗ đạt khoảng 8,909 tỷ USD, tăng 15,7% so với năm 2017. Hiện nay, sản phẩm đồ gỗ của Việt Nam đã có mặt trên 150 thị trường nước ngoài. Những thị trường nhập khẩu lớn của Việt Nam (chiếm trên 70% tổng kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ) là Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc và Nhật Bản.

Trong bối cảnh nền kinh tế đang âm dần tại các nước như Mỹ, EU, Nhật Bản... khiến cho nhu cầu nhập khẩu gỗ tăng cao. Bên cạnh đó, Trung Quốc là quốc gia sản xuất nhiều đồ gỗ nhất thế giới nhưng bị áp lực về thuế chống bán phá giá của Hoa Kỳ. Đây là những ưu thế thuận lợi mà nếu biết tận dụng cơ hội thì Việt Nam có thể gia tăng giá trị xuất khẩu của mình trong những năm tới. Tuy nhiên, việc phụ thuộc vào các thị trường tiêu thụ này cũng có thể dẫn đến rủi ro không tiêu thụ được sản phẩm khi có sự biến động lớn ở các thị trường đó.

3.3. Rủi ro đối với lĩnh vực cho thuê khu công nghiệp

Hoạt động chuyển đổi một phần diện tích đất nông trường cao su sang đất khu công nghiệp của các công ty thành viên Tập đoàn sẽ giúp các công ty tránh được tính chu kỳ của ngành và duy trì phát triển bền vững. Tuy vậy, hoạt động đầu tư và kinh doanh hạ tầng khu

công nghiệp chịu ảnh hưởng bởi tác động của kinh tế vĩ mô. Khi kinh tế tăng trưởng, cùng với chính sách hội nhập và thu hút đầu tư của Việt Nam như hiện nay sẽ kéo theo nhu cầu đầu tư về cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng, đây là tiền đề cho những doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực cho thuê khu công nghiệp phát triển. Ngược lại, trong giai đoạn kinh tế suy giảm, quy mô đầu tư giảm, tăng trưởng ở khu vực công nghiệp sẽ bị tác động tiêu cực.

Rủi ro cạnh tranh cao trong ngành

Có thể thấy rằng, các khu công nghiệp đang ở giai đoạn phát triển không ngừng trong những năm gần đây. Các chính sách thu hút đầu tư nước ngoài, khuyến khích đầu tư trong nước, sự hoàn thiện dần của cơ chế, chính sách đối với Khu công nghiệp đã tạo nền tảng cho sự phát triển này. Đây vừa là cơ hội, vừa là thách thức cho các công ty hoạt động trong ngành. Tuy các công ty thành viên của Tập đoàn có lợi thế về việc tận dụng đất rừng cao su để chuyển đổi thành khu công nghiệp, nhưng việc thu hút được hay không chủ yếu lại phụ thuộc lớn vào vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng... Do đó không có gì đảm bảo lĩnh vực hoạt động này của các công ty thành viên của Tập đoàn sẽ có thể cạnh tranh tốt nếu không đảm bảo được sự đầu tư hoàn thiện các cơ sở hạ tầng thiết yếu và có được vị trí thuận lợi so với các đối thủ trong ngành khác.

3.4. Rủi ro đặc thù của doanh nghiệp cổ phần hóa

Tập đoàn là doanh nghiệp cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần vào ngày 01/06/2018 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301266564 do Sở KH&ĐT TP. HCM cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 01/6/2018, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 30/7/2019. Hiện nay, Tập đoàn đang thực hiện công tác quyết toán cổ phần hóa và kiểm toán nhà nước cho giai đoạn cổ phần hóa từ 01/01/2016 cho đến thời điểm 31/05/2018 (là thời điểm kết thúc mô hình Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước, trước khi Tập đoàn chuyển đổi mô hình hoạt động theo Công ty cổ phần).

Do đó, sau khi Tập đoàn hoàn tất quyết toán cổ phần hóa và kiểm toán nhà nước, các chỉ tiêu, số liệu trên báo cáo tài chính có thể được điều chỉnh theo quyết định của các cơ quan có thẩm quyền.

4. Rủi ro biến động giá chứng khoán

Cổ phiếu GVR khi được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh sẽ giúp Tập đoàn nâng cao hình ảnh thương hiệu, thuận lợi trong việc mở rộng hợp tác với các đối tác chiến lược. Nhờ vào việc niêm yết, Tập đoàn sẽ có điều kiện tăng cường minh bạch thông tin

hoạt động kinh doanh, cải thiện quy trình quản trị, qua đó kỳ vọng gia tăng lợi nhuận cho Tập đoàn cũng như giá trị của cổ phiếu GVR trên thị trường.

Tuy nhiên, giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán còn chịu sự ảnh hưởng của thị trường chứng khoán nói chung, tâm lý nhà đầu tư nói riêng hoặc những thông tin ngắn hạn. Tập đoàn không thể kiểm soát được sự biến động của cổ phiếu do những tác nhân bên ngoài, đặc biệt là các yếu tố liên quan đến tâm lý thị trường. Do đó, Tập đoàn luôn tập trung vào hoạt động kinh doanh với kỳ vọng trong dài hạn, nhằm đảm bảo thực hiện các mục tiêu kế hoạch đã đề ra.

5. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro bất khả kháng khác như: rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... làm giảm lợi nhuận của Tập đoàn hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần (GVR)

Ông: Trần Ngọc Thuận

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: Huỳnh Văn Bảo

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Ông: Đỗ Khắc Thăng

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Ông: Phạm Văn Hải Em

Chức vụ: Phụ trách Kế toán, Phụ trách Ban TCKT Tập đoàn

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)

Ông: Trịnh Thanh Cần

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty TNHH Chứng khoán ACB tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Tập đoàn/VRG	: Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
CTCP	: Công ty cổ phần
Tổ chức tư vấn/ACBS	: Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Cổ phiếu	: Cổ phiếu Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
VĐL	: Vốn điều lệ
Bộ NN&PTNN	: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng quản trị
BTGD	: Ban Tổng Giám đốc
BKS	: Ban Kiểm soát
CBNV	: Cán bộ nhân viên
Giấy CNĐKKD	: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh
BCTC	: Báo cáo tài chính
BCTC KT	: Báo cáo tài chính kiểm toán
VND	: Đồng Việt Nam
N/A (No Available)	: Không xác định

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký niêm yết

Tên doanh nghiệp	TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
Tên tiếng Anh	VIET NAM RUBBER GROUP - JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	VRG
Địa chỉ	Số 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện theo pháp luật	Ông Trần Ngọc Thuận (<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i>) Ông Huỳnh Văn Bảo (<i>Tổng Giám đốc</i>)
Vốn điều lệ đăng ký	40.000.000.000.000 đồng (<i>Bốn mươi nghìn tỷ đồng</i>)
Vốn điều lệ thực góp	40.000.000.000.000 đồng (<i>Bốn mươi nghìn tỷ đồng</i>)
Điện thoại	(028) 39325235 – 39325234
Fax	(028) 39327341
Website	www.vnrubbergroup.com
Logo	
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301266564 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/6/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 01/6/2018, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 30/7/2019

Ngành nghề sản xuất kinh doanh

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP, mã số doanh nghiệp 0301266564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/06/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 01/6/2018, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 30/7/2019, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn gồm:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Trồng cây lâu năm khác	0129
2	Trồng cây hàng năm khác	0119
3	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: sản xuất kinh doanh các sản phẩm gỗ (bao gồm cả gỗ nguyên liệu và gỗ thành phẩm)	1629
4	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức nghiên cứu, tư vấn chuyển giao công nghệ trong sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ cây cao su và cây rừng trồng (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh sản phẩm công nghiệp cao su, nguyên phụ liệu ngành công nghiệp cao su, vật tư nông nghiệp	4669
6	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Cơ khí: đúc, cán thép; sửa chữa, lắp ráp, chế tạo và kinh doanh các sản phẩm cơ khí và thiết bị công nghiệp khác (không đúc, sắt thép và chế tạo sản phẩm cơ khí và thiết bị công nghiệp tại trụ sở)	2592
7	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng và bất động sản (trên cơ sở đất trồng cây cao su chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy hoạch của địa phương)	6810
8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ thanh toán, tín dụng Chi tiết: Hoạt động tài chính, tín dụng và dịch vụ tài chính	8291
9	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết : vận tải đường bộ.	4931

10	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán)	6619
11	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng, vật tư nông nghiệp (không sản xuất tại trụ sở). Công nghiệp sản xuất	3290
12	Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Cấp nước	3600
13	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở)	3700
14	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: đo đạc, bản đồ, kiểm định, giám định hàng hóa	7110
15	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: tin học	6209
16	In ấn. (trừ in, tráng bao bì kim loại và in trên các sản phẩm vải, sợi, dệt may, đan tại trụ sở)	1811
17	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: khách sạn (khách sạn phải đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở).	5510
18	Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch	7911
19	Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Dịch vụ xuất khẩu lao động	7830
20	Chăn nuôi khác. Chi tiết: Chăn nuôi gia súc (không hoạt động tại trụ sở).	0149
21	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: dịch vụ khoa học công nghệ, xuất bản; thương mại. Dịch vụ trong bảo vệ môi trường	7490
22	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: kinh doanh vật liệu xây dựng	4663
23	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh Chi tiết: chế biến và kinh doanh mũ cao su	2013
24	Trồng cây cao su Chi tiết: Trồng, chăm sóc khai thác mủ, gỗ, củi cao su	0125 (chính)

25	Vận tải hành khách đường thủy nội địa Chi tiết: Đầu tư phát triển, tổ chức quản lý, khai thác cảng biển, bến thủy nội địa và vận tải đường thủy	5021
26	Trồng cây ăn quả	0121
27	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
28	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
29	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
30	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
31	Hoạt động của các Bệnh viện, trạm y tế (không hoạt động tại trụ sở)	8610
32	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa (trừ lưu trú bệnh nhân).	8620
33	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp Chi tiết: Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ	0210
34	Sản xuất điện Chi tiết: Công nghiệp điện: đầu tư, khai thác, vận hành các nhà máy phát nhiệt điện, thủy điện, phong điện; kinh doanh điện theo đúng qui định của pháp luật.	3511
35	Truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Công nghiệp điện: đầu tư, khai thác, vận hành, các nhà máy phát nhiệt điện, thủy điện, phong điện, kinh doanh điện theo đúng qui định của pháp luật.	3512
36	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Đầu tư, xây dựng khai thác các nhà máy phát nhiệt điện, thủy điện, phong điện,; kinh doanh điện theo đúng qui định của pháp luật.	4299
37	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các qui định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các qui định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	Ngành, nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

❖ Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân là Ban Cao su Nam bộ, tháng 4 năm 1975 chuyển thành Tổng Cục Cao su thuộc Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam;
- Tháng 7 năm 1977 chuyển sang Tổng Công ty Cao su Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp theo Quyết định số 216/NNTC ngày 23/07/1977;
- Tháng 4 năm 1981 chuyển thành Tổng cục Cao su trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng theo Nghị định 159/NĐ-CP ngày 14/04/1981 của Hội Đồng Bộ Trưởng với hai chức năng chính: Quản lý nhà nước về chuyên ngành cao su và tổ chức sản xuất cao su;
- Năm 1989, theo Quyết định số 32/HĐBT ngày 27/03/1989 của Hội Đồng Bộ Trưởng, chuyển Tổng cục cao su thành Tổng Công ty Cao su trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Công Nghiệp Thực Phẩm;
- Năm 1995, theo Quyết định số 252/TTg ngày 29/4/1995 của Thủ tướng Chính phủ lập Tổng công ty Cao su Việt Nam, là Tổng Công ty Nhà Nước hạng đặc biệt theo Quyết định 91/TTg;
- Năm 2006, Chính phủ quyết định thành lập Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam theo quyết định số 248/2006/QĐ-TTg ngày 30/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;
- Đến năm 2010, theo Nghị định 25, Thủ Tướng Chính phủ có Quyết định số 981/QĐ-TTg ngày 25/6/2010 chuyển Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thành Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Tập đoàn là Doanh nghiệp Nhà nước có quy mô lớn, có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa cao; kinh doanh đa ngành, trong đó trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su là ngành kinh doanh chính; gắn kết chặt chẽ giữa trồng trọt, khai thác, sản xuất, kinh doanh với khoa học công nghệ, đào tạo; làm nòng cốt thúc đẩy ngành công nghiệp cao su Việt Nam phát triển nhanh, bền vững, hội nhập quốc tế. hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động được ban hành theo Nghị định số 28/2014/NĐ – CP ngày 10/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ và quy định pháp luật hiện hành.

❖ Cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam bao gồm:

- Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (doanh nghiệp cấp I) là doanh nghiệp

do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; được Nhà nước giao đất để thống nhất quản lý và bố trí diện tích sản xuất, kinh doanh cao su cho các công ty con; có chức năng đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác; giữ quyền chi phối các công ty con thông qua quản lý quỹ đất, vốn, công nghệ, thương hiệu, thị trường; trực tiếp kinh doanh và đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao theo quy định của pháp luật.

- Các đơn vị thành viên của Công ty mẹ - Tập đoàn gồm các Doanh nghiệp cấp II và Doanh nghiệp Cấp III được tổ chức, hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH MTV, các công ty cổ phần, liên doanh, công ty TNHH hai thành viên trở lên.

❖ **Quá trình Cổ phần hóa và chuyển đổi mô hình hoạt động**

- Ngày 26 tháng 12 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2090/QĐ-TTg Phê duyệt Phương án Cổ phần hóa và chuyển thành công ty cổ phần Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.
- Ngày 02 tháng 02 năm 2018, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đã thực hiện bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với số lượng cổ phần đưa ra đấu giá là 475.090.056 cổ phần với giá khởi điểm là 13.000 đồng/cổ phần.
- Ngày 22 tháng 5 năm 2018, Tập đoàn đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu thành lập Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP.

Ngày 01 tháng 6 năm 2018, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với tên gọi Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP. Tập đoàn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301266564 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/6/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 01/6/2018, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 30/7/2019, với mức vốn điều lệ ban đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần là 40.000.000.000.000 đồng.

Hiện nay, Tập đoàn đang thực hiện công tác quyết toán cổ phần hóa và kiểm toán nhà nước cho giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 01/01/2016 cho đến thời điểm 31/05/2018, là thời điểm kết thúc mô hình Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước, trước khi Tập đoàn chuyển đổi mô hình hoạt động theo Công ty cổ phần kể từ ngày 01/06/2018. Dự kiến công tác quyết toán cổ phần hóa sẽ được Tập đoàn hoàn tất trong năm 2020.

1.3. Thành tích, giải thưởng đạt được

Những thành tích, giải thưởng tiêu biểu mà VRG đã đạt được: Huân chương Lao động hạng

nhất, Huân chương Chiến công hạng nhất (1995), Huân chương Hồ Chí Minh (1996), Huân chương sao vàng (2011), Huân chương chiến công (2014), Cờ thi đua xuất sắc của Thủ tướng Chính phủ (2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2017)...



(Tập đoàn đón nhận Huân Chương Lao động hạng I ngày 26/10/2019)



(Tập đoàn đón nhận Huân Chương Sao Vàng ngày 08/04/2012)



HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG BA

**(LIÊN ĐOÀN CAO SU NAM BỘ)
SẮC LỆNH 134 - 02/09/2910**



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

**(TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
CAO SU VIỆT NAM
QĐ 809 KT/CT - 15/03/1996**



HUÂN CHƯƠNG SAO VÀNG

**(TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
CAO SU VIỆT NAM)
QĐ 416/QĐ-CTN - 24/03/2011**



HUÂN CHƯƠNG CHIẾN CÔNG HẠNG NHẤT

**(TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
CAO SU VIỆT NAM)
QĐ 1577/QĐ/CTN - 15/07/2014**



1950

HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG BA



1996

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



2011

HUÂN CHƯƠNG SAO VÀNG



1995, 2014

HUÂN CHƯƠNG CHIẾN CÔNG HẠNG NHẤT

1.4. Chương trình phát triển cao su bền vững

Với vị thế là một trong những Tập đoàn có quy mô lớn, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hiểu rõ vai trò và nhiệm vụ của doanh nghiệp phát triển bền vững là gắn liền với 3 khía cạnh: Phát triển kinh tế; Bảo vệ môi trường; Trách nhiệm đối với cộng đồng và công bằng xã hội. Trong những năm qua, cùng với việc gia tăng quy mô, đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng tăng trưởng, Tập đoàn rất chú trọng đến sự phát triển ổn định, bền vững. Với mục tiêu xây dựng định hướng về phát triển bền vững cho Tập đoàn trong giai đoạn 2019 – 2024, Tập đoàn đã ban hành Chương trình phát triển bền vững cho giai đoạn 2019 – 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2019.

Theo đó, Tập đoàn luôn tập trung hướng đến việc thực hiện thành công chứng chỉ FSC và các chứng chỉ quản lý rừng bền vững khác, đầu tư an sinh xã hội gắn với mục tiêu bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội trên cơ sở sản xuất kinh doanh ngày càng hiệu quả. Để chỉ đạo và thực hiện Chương trình phát triển bền vững cho giai đoạn 2019 – 2024, Tập đoàn đã xây dựng bộ khung về nhân sự từ cấp Tập đoàn đến các công ty thành viên, bao gồm việc thành lập Ban chỉ đạo phát triển bền vững, Tổ tư vấn phát triển bền vững, các Tổ trực thuộc Ban chỉ đạo phát triển bền vững gồm: Tổ thực hiện chứng chỉ quản trị rừng bền vững; Tổ hợp tác hiệp hội các nước sản xuất cao su thiên nhiên (ANRPC).



Trong năm 2019, Tập đoàn đã tổ chức Lễ ký kết quy chế phối hợp và công bố Chương trình Phát triển bền vững. Theo đó, Tập đoàn đã ký kết Quy chế phối hợp với Tổng cục Lâm nghiệp; Thỏa thuận hợp tác với tổ chức Oxfam, PanNature; ký hợp đồng tư vấn thực hiện chứng

chỉ rừng giữa các đơn vị thành viên của Tập đoàn với Viện Nghiên cứu Lâm sinh và Viện Nghiên cứu và Phát triển Lâm nghiệp nhiệt đới thuộc Bộ NN&PTNT.

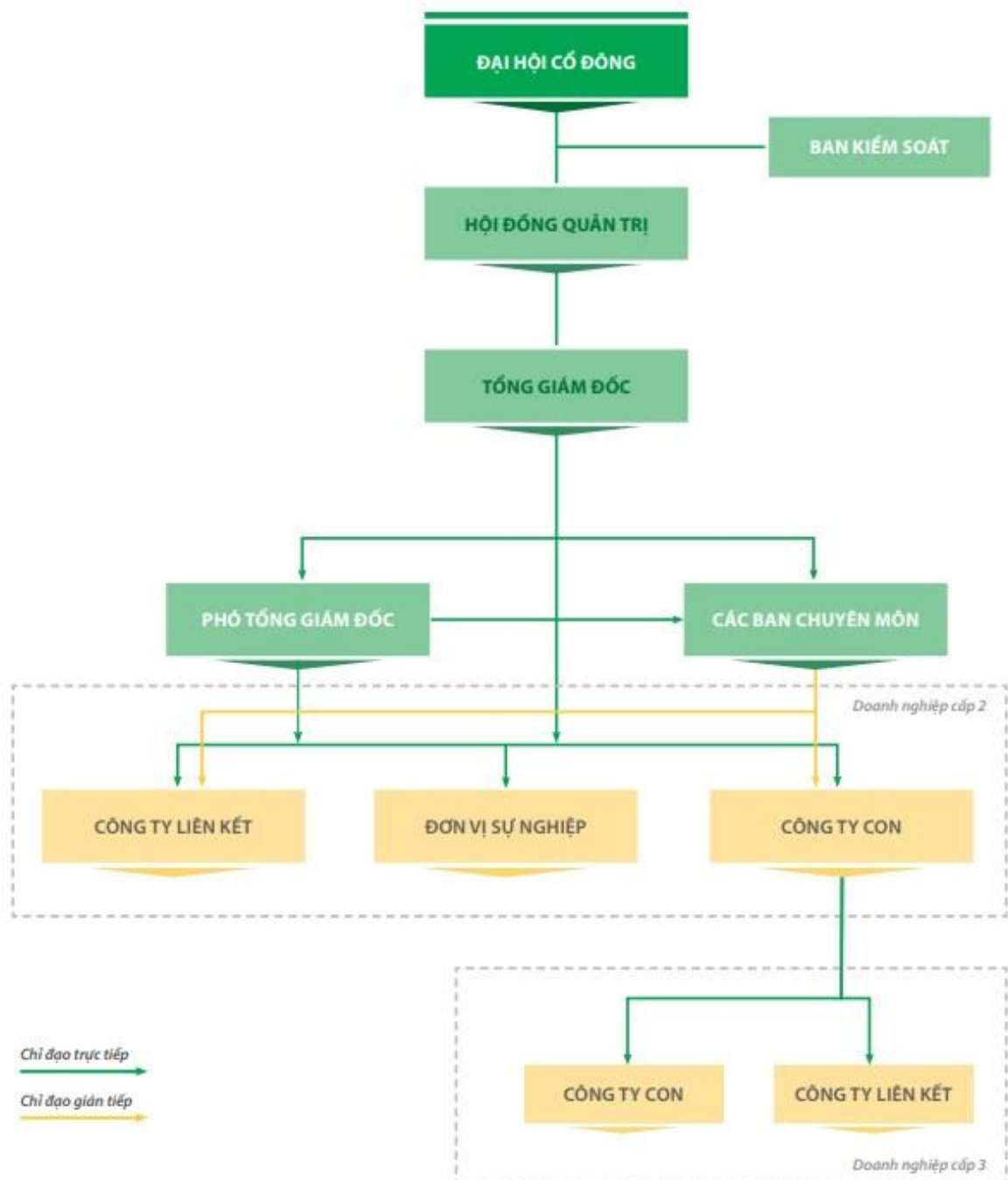
Ngày 26/11/2019, Tập đoàn có 10 đơn vị thành viên của Tập đoàn vinh dự được trao chứng nhận đạt top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững của năm 2019 do Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam trao tặng. Ngoài ra, có 2 đơn vị khác cũng được công nhận đạt chuẩn bền vững. Cũng trong năm 2019, VRG tiếp tục làm việc với các tổ chức trong và ngoài nước, xúc tiến việc cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững cho các đơn vị.



1.5. Quá trình tăng vốn điều lệ

Kể từ khi hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP chưa thực hiện tăng vốn điều lệ.

2. Cơ cấu tổ chức Tập đoàn



(Nguồn: VRG)

3. Cơ cấu bộ máy quản lý

Tập đoàn được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp được thông qua bởi Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014. Các hoạt động của Tập đoàn tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty. Tổ chức bộ máy quản lý hiện tại của Tập đoàn bao gồm:

❖ Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tập đoàn. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ:

- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và định hướng phát triển Tập đoàn
- Thông qua Báo cáo tài chính năm được kiểm toán, các báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật pháp và Điều lệ Tập đoàn.

❖ Hội đồng quản trị (HDQT)

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý trực tiếp tại Tập đoàn do ĐHĐCĐ bầu ra. Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao phù hợp với Điều lệ Tập đoàn và các quy định của pháp luật và có toàn quyền nhân danh Tập đoàn để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

❖ Ban kiểm soát

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tập đoàn; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Tập đoàn.

Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ và các nội dung theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

❖ Ban Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc là người tổ chức điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Tập đoàn theo các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh. Cùng với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đồng thời là người đại diện theo pháp luật, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu

trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Các Phó Tổng giám đốc: Giúp Tổng Giám đốc điều hành Tập đoàn có các Phó Tổng Giám đốc. Do VRG có quy mô lớn, hoạt động trên nhiều lĩnh vực, địa bàn hoạt động phân tán nên số lượng các Phó Tổng Giám đốc sẽ tùy theo nhu cầu thực tế, năng lực cán bộ để bổ nhiệm theo quy định.

Kế toán trưởng: Kế toán trưởng do Tổng Giám đốc đề nghị đề Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán của Tập đoàn theo đúng quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

Các phòng/ban chức năng chuyên môn: Văn phòng và các Phòng/Ban chuyên môn của Tập đoàn có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động của Tập đoàn, thực hiện công việc theo sự phân công của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; Chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát về mặt nghiệp vụ chuyên môn đối với các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn theo lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ. Chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng và các Phòng/Ban chuyên môn như sau:

Ban Công nghiệp

Ban Công nghiệp có chức năng tham mưu, giúp lãnh đạo Tập đoàn quản lý các lĩnh vực và thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tham mưu giúp lãnh đạo Tập đoàn quản lý các lĩnh vực công nghiệp chuyên ngành (công nghiệp chế biến sâu) kỹ thuật công nghiệp cao su sơ chế, chế biến gỗ, thủy điện và môi trường;
- Đầu mối tổ chức, nghiên cứu ứng dụng, tiến bộ khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực kể trên; đề xuất các dự án phát triển về công nghiệp cao su, chế biến gỗ, thủy điện và môi trường;
- Tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện các mục tiêu chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn trong lĩnh vực công nghiệp cao su, chế biến gỗ, thủy điện và môi trường;
- Thẩm định giải pháp kỹ thuật thuộc các dự án công nghiệp cao su, chế biến gỗ, thủy điện và môi trường;
- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác được quy định trong quyết định về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Công nghiệp;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc Tập đoàn giao.

Ban Kế hoạch đầu tư

Ban Kế hoạch đầu tư có các chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Tham mưu, giúp Lãnh đạo Tập đoàn quản lý về công tác kế hoạch, đầu tư, thống kê và quản lý đất đai, điều phối các nguồn lực của Tập đoàn;
- Tham mưu cho Lãnh đạo Tập đoàn về chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm; công tác quản lý đầu tư trong toàn Tập đoàn;
- Xây dựng chiến lược, kế hoạch 05 năm theo định hướng của Nhà nước và của Tập đoàn;
- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch xây dựng cơ bản hàng năm cho toàn Tập đoàn;
- Hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị thành viên trong việc xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm của đơn vị. Tham mưu lãnh đạo phê duyệt kế hoạch hàng năm của các đơn vị thành viên;
- Thực hiện các báo cáo liên quan công tác kế hoạch hàng quý, 6 tháng, năm, 5 năm cho Lãnh đạo Tập đoàn và Chính phủ, các Bộ ngành có liên quan;
- Tham mưu, giúp Lãnh đạo Tập đoàn theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện công tác đấu thầu, mua bán phân bón tại các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;
- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác được quy định trong quyết định về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc Tập đoàn giao.

Ban Lao động tiền lương

Ban Lao động tiền lương có các chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Tham mưu giúp Lãnh đạo Tập đoàn quản lý về công tác lao động, tiền lương, tiền công, việc làm, dạy nghề cho công nhân; bảo hiểm xã hội, an toàn lao động của Tập đoàn theo quy định của pháp luật;
- Nghiên cứu xây dựng chiến lược, chương trình, kế hoạch dài hạn và hàng năm, dự án, đề án về lĩnh vực lao động, tiền lương, tiền công trong phạm vi quản lý của Tập đoàn;

- Xây dựng các quy chế về lĩnh vực lao động, tiền lương, tiền công, an toàn lao động;
- Hướng dẫn thẩm định xếp hạng doanh nghiệp;
- Hướng dẫn xây dựng và thẩm định quy chế trả lương, quỹ tiền lương của các công ty thành viên;
- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác được quy định trong quyết định về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao.

Ban Quản lý Kỹ thuật

Ban Quản lý Kỹ thuật có chức năng tham mưu, giúp cho Lãnh đạo Tập đoàn quản lý và thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tham mưu giúp lãnh đạo Tập đoàn quản lý về chuyên ngành kỹ thuật nông nghiệp và các lĩnh vực khác liên quan đến chuyên ngành cao su thiên nhiên của Tập đoàn;
- Đầu mối tổ chức nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chuyên giao công nghệ trong lĩnh vực kể trên;
- Tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện các mục tiêu chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn trong lĩnh vực nông nghiệp, các lĩnh vực khác liên quan đến sản xuất cao su tự nhiên của Tập đoàn;
- Thẩm định giải pháp kỹ thuật thuộc các dự án nông nghiệp;
- Quản lý công tác kỹ thuật nông nghiệp, tham gia với Ban Công nghiệp trong việc quản lý chế biến, xử lý chất thải và chất lượng sản phẩm sơ chế;
- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác được quy định trong quyết định về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao.

Ban Tài chính Kế toán

Ban Tài chính Kế toán có các chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Tham mưu, giúp Lãnh đạo Tập đoàn quản lý về công tác tài chính kế toán và kiểm toán của Tập đoàn;

- Xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn, trung hạn và hàng năm trình Lãnh đạo Tập đoàn phê duyệt và tổ chức chỉ đạo thực hiện;
- Tổ chức, thực hiện và quản lý công tác tài chính kế toán của Công ty mẹ - Tập đoàn;
- Tham gia quản lý các nguồn vốn, gồm: Vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp và các quỹ tập trung như quỹ nghiên cứu khoa học và công nghệ, quỹ khen thưởng, phúc lợi.... Tham gia quản lý vốn và tài sản của Tập đoàn, bảo toàn và phát triển vốn;
- Tham gia hướng dẫn công tác quản lý tài chính, công tác kế toán đối với các đơn vị thành viên của Tập đoàn theo đúng quy định của Nhà nước;
- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác được quy định trong quyết định về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao.

Ban Kiểm tra Thanh tra

Ban Kiểm tra Thanh tra có các chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Tham mưu, giúp lãnh đạo Tập đoàn quản lý về công tác pháp lý; công tác an ninh, quốc phòng, giải quyết khiếu nại và tố cáo thuộc trách nhiệm của Tập đoàn;
- Tham mưu, tư vấn cho Lãnh đạo Tập đoàn về những vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn;
- Xây dựng chương trình công tác kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp dân theo thẩm quyền của Tập đoàn, tổ chức hướng dẫn và giám sát thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra của Tập đoàn đối với các đơn vị thành viên trực thuộc;
- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác được quy định trong quyết định về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao.

Ban Tuyên giáo Thi đua

Ban Tuyên giáo Thi đua có các chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Tham mưu, giúp lãnh đạo Tập đoàn quản lý về công tác thi đua khen thưởng, tuyên truyền, văn thể của Tập đoàn;

- Là thành viên thường trực của Hội đồng Thi đua Khen thưởng của Tập đoàn;
- Được Tổng Giám đốc ủy quyền, thừa lệnh ký các văn bản hướng dẫn về công tác nghiệp vụ chuyên môn gửi đến các đơn vị thành viên, xác nhận bản thành tích của tập thể và các cá nhân trình các cấp có thẩm quyền xét duyệt khen thưởng.
- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác được quy định trong quyết định về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao.

Ban Tổ chức Nhân sự

Ban Tổ chức Nhân sự có các chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Tham mưu, giúp Lãnh đạo Tập đoàn quản lý về lĩnh vực tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, đào tạo bồi dưỡng, chế độ chính sách đối với cán bộ công chức viên chức thuộc phạm vi Tập đoàn quản lý;
- Chịu trách nhiệm dự thảo, trình Lãnh đạo Tập đoàn đề án tổng thể về tổ chức bộ máy, ngành nghề kinh doanh, biên chế của các Ban, Công ty thành viên thuộc Tập đoàn;
- Chủ trì xây dựng, trình Lãnh đạo Tập đoàn việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các Ban, phòng thuộc Công ty mẹ Tập đoàn; các đơn vị trực thuộc Công ty; các Công ty đơn vị thành viên của Tập đoàn;
- Xây dựng, thẩm định trình Lãnh đạo Tập đoàn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các Ban phòng thuộc Công ty mẹ Tập đoàn và các Công ty đơn vị thành viên của Tập đoàn;
- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác được quy định trong quyết định về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao.

Ban Xây dựng cơ bản - Khu công nghiệp

Ban Xây dựng cơ bản – Khu công nghiệp có các chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Tham mưu, giúp lãnh đạo Tập đoàn quản lý về công tác xây dựng cơ bản của Tập đoàn;
- Tham gia quản lý các giai đoạn thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình đối với các dự

án do Tập đoàn quyết định đầu tư;

- Thẩm định các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán công trình, thẩm định công tác lựa chọn nhà thầu tư vấn, nhà thầu xây lắp; quản lý chất lượng công trình và các nội dung cơ bản khác theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình do Tập đoàn làm chủ đầu tư;
- Tham gia xét duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng hàng năm, trung hạn, dài hạn theo quy hoạch phát triển của Tập đoàn;
- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác được quy định trong quyết định về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao.

Ban Thị trường kinh doanh

Ban Thị trường kinh doanh có các chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Tham mưu, giúp lãnh đạo Tập đoàn quản lý về quản lý tiêu thụ các sản phẩm cao su, công tác kinh doanh xuất nhập khẩu của Tập đoàn, nghiên cứu tình hình về cung cầu, giá cả các sản phẩm, mủ cao su và sản phẩm từ cao su trong nước và nước ngoài để xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh xuất nhập khẩu của Tập đoàn;
- Trực tiếp tham gia kinh doanh xuất nhập khẩu cao su thiên nhiên;
- Thực hiện công tác xuất nhập khẩu và tiêu thụ sản phẩm cao su;
- Thực hiện công tác về thương mại điện tử; công tác về quản lý thị trường;
- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác được quy định trong quyết định về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao.

Văn phòng

Văn phòng có các chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Tham mưu, giúp Lãnh đạo Tập đoàn quản lý trong các lĩnh vực công tác: hành chính – quản trị, thư ký – tổng hợp, văn thư – lưu trữ, Công nghệ thông tin của Tập đoàn;

- Công tác hành chính: thư ký giúp việc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc công tác tổng hợp báo cáo văn thư lưu trữ và nhiệm vụ khác;
- Tổ chức, quản lý công tác văn thư lưu trữ hồ sơ, tài liệu, con dấu của Tập đoàn theo quy định của Nhà nước; Hướng dẫn, kiểm tra công tác nghiệp vụ văn phòng đối với các đơn vị trực thuộc và các phòng nghiệp vụ...;
- Công tác quản trị: Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị phương tiện và điều kiện làm việc của Cơ quan Tập đoàn; Tổ chức thực hiện công tác đảm bảo an toàn, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường tại Cơ quan; quản lý tài sản, cơ sở vật chất, vật tư thiết bị, phương tiện ô tô của cơ quan đúng chế độ và theo quy định của pháp luật...;
- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác được quy định trong quyết định về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao

Doanh nghiệp cấp 2: là Công ty liên kết, Công ty con, Công ty khoa học công nghệ thuộc sở hữu của Công ty mẹ - Tập đoàn.

Doanh nghiệp cấp 3: là Công ty con, Công ty liên kết của Công ty con (Doanh nghiệp cấp 2)

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

Bảng 3 - Cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	17.844	3.973.993.307	99,35%
1	Cá nhân	17.821	52.789.438	1,32%
2	Tổ chức	23	3.921.203.869	98,03%
II	Cổ đông nước ngoài	38	26.006.693	0,65%
1	Cá nhân	26	633.393	0,02%
2	Tổ chức	12	25.373.300	0,63%

III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
Tổng		17.882	4.000.000.000	100%

(Nguồn: Danh sách cổ đông do VSD cung cấp ngày **20/12/2019**)

Danh sách cổ đông sáng lập: Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa, Tập đoàn không có cổ đông sáng lập.

Bảng 4 - Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp	Số 6 Bà Huyện Thanh Quan, Ba Đình, Hà Nội	3.870.842.819	96,77%
Tổng cộng		3.870.842.819	96,77%

(Nguồn: Danh sách cổ đông do VSD cung cấp ngày **20/12/2019**)

5. Danh sách Văn phòng đại diện, những công ty mẹ và công ty con của Tổ chức Đăng ký Niêm yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức Đăng ký Niêm yết, những công ty mà Tổ chức Đăng ký Niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.

5.1. Danh sách Văn phòng đại diện:

STT	Tên văn phòng đại diện	Địa chỉ
1	Văn phòng Đại diện tại Hà Nội	56 Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
2	Văn phòng Đại diện tại Campuchia	7B, đường 466, Thủ đô Phnôm Pênh, Vương quốc Campuchia
3	Văn phòng Đại diện tại Lào	Bản HongKe, đường T4 Mường Xaysettha, Viêng chăn, CHDCND Lào.
4	Văn phòng Đại diện tại Trung Quốc	1720 Yu An Mansion, No 738 Dong FengRoad, Pudong Shanghai, PC:200120, CHND Trung hoa.

5	Văn phòng Đại diện tại Hoa Kỳ	1120 Avenue of the Americas, 4th floor, New York, Hoa Kỳ.
6	Văn phòng Đại diện tại Nga	3/201, Gruzinsky Pereulok, Moscow 123056, Cộng hòa Liên bang Nga
7	Văn phòng Đại diện tại Ukraine	Osvoboditel 1, office 304 – Kiev, UKraine

Nguồn: VRG

5.2. Danh sách Công ty mẹ của Tổ chức Đăng ký Niêm yết

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước, với đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp là Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp (trước đây là Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn). Tập đoàn không có Công ty mẹ.

5.3. Danh sách những Công ty con của Tổ chức Đăng ký Niêm yết

Đánh giá phân loại và danh sách Công ty con cấp II, cấp III của Tập đoàn:

Sau khi thực hiện cổ phần hóa và hoàn tất việc thoái vốn để cơ cấu lại vốn đầu tư, các doanh nghiệp thành viên (Công ty TNHH MTV 100% vốn, công ty con có quyền biểu quyết trên 50% vốn, công ty liên kết) được phân loại theo nhóm các công ty như sau:

- Công ty có quy mô lớn và hiệu quả: có mức vốn đầu tư lớn, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho VRG. Tập đoàn hạn chế đầu tư nguồn lực vào các đơn vị này do các đơn vị này đã đủ khả năng tự cân đối, có tích lũy và nộp lợi nhuận cho Công ty Mẹ.
- Công ty có quy mô vừa và hiệu quả: có quy mô ở mức trung bình nhưng hoạt động hiệu quả, mang lại kết quả kinh tế cao. Tập đoàn sẽ tiếp tục đầu tư vốn để nâng dần quy mô của doanh nghiệp tương ứng với hiệu quả mà công ty mang lại.
- Công ty đang trong giai đoạn đầu tư: Đây là những doanh nghiệp trong thời kỳ kiến thiết cơ bản hoặc là những doanh nghiệp đã hoàn thành công tác đầu tư nhưng mới đi vào hoạt động gặp nhiều khó khăn; về giải pháp Tập đoàn sẽ dùng các nguồn lực tập trung để hỗ trợ các đơn vị này như tiếp tục góp vốn điều lệ để giảm cơ cấu vốn vay, hỗ trợ về công nghệ, áp dụng cơ chế bán hàng hợp lý khi sử dụng dịch vụ trong cùng hệ thống...giúp các đơn vị hoàn thành công tác xây dựng cơ bản, giảm bớt khó khăn trong giai đoạn đầu mới đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh; lộ trình chuyển đổi dần từ doanh nghiệp đang trong giai đoạn đầu tư thành công ty hoạt động có hiệu quả.

- Công ty mang tính xã hội: Một số đơn vị hoạt động, đầu tư ở những địa bàn khó khăn, mục tiêu các đơn vị này ngoài yếu tố kinh tế còn gắn với an sinh xã hội, an ninh quốc phòng, phát triển kinh tế vùng lãnh thổ. Đặc điểm các công ty này năng suất, hiệu quả không cao, mục tiêu là bảo toàn vốn cho cả chu kỳ đầu tư. Đối với những đơn vị này, VRG có thể áp dụng các chính sách hỗ trợ đặc biệt về vốn, công nghệ... để công ty hoạt động thuận lợi.
- Doanh nghiệp khoa học công nghệ và Doanh nghiệp xã hội: các đơn vị này hoạt động và hưởng các cơ chế về tài chính theo quy định.
- Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết đối với các đơn vị thành viên mà Tập đoàn tham gia góp vốn, được trình bày trên các BCTC kiểm toán là thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Tỷ lệ lợi ích là tỷ lệ thể hiện lợi ích góp vốn của Công ty mẹ Tập đoàn và lợi ích được thông qua các Công ty con khi góp vốn tại các đơn vị thành viên. Tỷ lệ biểu quyết là tỷ lệ được xác định theo điều lệ khi đăng ký kinh doanh hoặc theo sự thống nhất giữa các bên khi tham gia góp vốn vào các đơn vị thành viên.

a) Các Công ty con do Công ty mẹ Tập đoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ

DVT: Triệu đồng

STT	Tên công ty con	Vốn điều lệ	Vốn thực góp	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai	3.025.798	3.025.798	100%	Áp Trung Tâm, xã Xuân Lập, thị Xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai	Trồng, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su thiên nhiên
2	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long	935.039	935.039	100%	Quốc lộ 13, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến, thương nghiệp buôn bán mủ và các dịch vụ cho việc phát triển cao su
3	Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng	2.530.772	2.530.772	100%	Thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	Trồng, chăm sóc và khai thác cao su thiên nhiên; trồng rừng, khai thác, chế biến các loại cây lâm nghiệp, công nghiệp và nông nghiệp

STT	Tên công ty con	Vốn điều lệ	Vốn thực góp	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
4	Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh	1.077.860	1.077.860	100%	Khu phố Ninh Thuận, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ sản phẩm cao su; Trồng, chăm sóc rừng, khai thác lâm sản
5	Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	1.502.015	1.502.015	100%	Xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	Trồng, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su thiên nhiên
6	Công ty TNHH MTV Cao su Krông Buk	714.392	714.392	100%	Xã Ea Hồ, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk	Trồng cây cao su, cà phê, cây nông nghiệp ngắn ngày; Mua bán, xuất nhập khẩu: Cao su, vật tư, thiết bị ngành cao su; cà phê, nông sản, thực phẩm
7	Công ty TNHH MTV Cao su Eah Leo	615.594	615.594	100%	499 đường Giải Phóng, thị trấn Ea Đrăng, huyện EaH'leo, tỉnh Đắk Lắk	Trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su thiên nhiên
8	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Prông	1.005.485	1.005.485	100%	Xã Ia Drăng, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Trồng, khai thác, chế biến và tiêu thụ cao su, cà phê; Sản xuất và chế biến gỗ; Công nghiệp hóa chất, phân bón và cao su; Khai thác và chế biến khoáng sản; Thương nghiệp bán buôn
9	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê	1.457.729	1.457.729	100%	420 Hùng Vương, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Trồng trọt; Công nghiệp hoá chất phân bón và cao su; Thương nghiệp bán buôn; Khai hoang xây dựng vườn cây
10	Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum	627.880	627.880	100%	258 Phan Đình Phùng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Trồng mới, khai thác, chăm sóc và chế biến mủ cao su
11	Công ty TNHH MTV Cao su Mang Yang	1.447.370	1.447.370	100%	536 Nguyễn Huệ, thị trấn Đăk Đoa, huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai	Bán buôn cao su; Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp, trồng cây cao su; Sản xuất phân

STT	Tên công ty con	Vốn điều lệ	Vốn thực góp	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
						bón và hợp chất ni tơ; Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp
12	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Păh	1.152.890	1.152.890	100%	01 Nguyễn Thị Minh Khai, thị trấn Phú Hoà, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến mủ cao su, cà phê, hồ tiêu, sản xuất gỗ thành phẩm; Sản xuất phân bón; Thương nghiệp bán buôn và trực tiếp xuất khẩu
13	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Nam	643.081	643.081	100%	Quốc lộ 1 A, xã Bình Nguyên, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Đầu tư trồng, chăm sóc cây cao su; Xây dựng công trình dân dụng, xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, miền núi
14	Công ty TNHH MTV Cao su Nam Giang - Quảng Nam	384.196	384.196	100%	Huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	Đầu tư trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm; Trồng rừng kinh tế, rừng nguyên liệu; Dịch vụ Khách sạn
15	Công ty TNHH MTV Cao su Hà Tĩnh	667.308	667.308	100%	Km22, QL 15A, xã Hà Linh, huyện Hương Khê, Tỉnh Hà Tĩnh	Trồng, bảo vệ và khoanh nuôi rừng; Khai thác, chế biến, tiêu thụ các loại lâm sản; Xuất khẩu sản phẩm cao su thành phẩm; sản xuất gạch ngói
16	Công ty TNHH MTV Cao su Hương Khê -Hà Tĩnh	625.706	625.706	100%	Xóm 12 xã Hương Long, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Trồng và chăm sóc, khai thác, chế biến, xuất khẩu sản phẩm Cao su
17	Công ty TNHH MTV Cao su Thanh Hóa	239.804	239.804	100%	Đường Lý Nam Đế, khu đô thị mới Đông Hưng, TP. Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Đầu tư trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm cao su

STT	Tên công ty con	Vốn điều lệ	Vốn thực góp	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
18	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	432.783	432.783	100%	264 đường Hùng Vương, Phường Đông Lương, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	Trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su thiên nhiên
19	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận	313.742	313.742	100%	Thị trấn Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận	Trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến mủ cao su
20	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Ngãi	79.426	79.426	100%	Xã Bình Hiệp, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Đầu tư trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm cao su

Nguồn: VRG

b) Các đơn vị sự nghiệp có thu do Công ty mẹ Tập đoàn nắm giữ 100% vốn

DVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Vốn điều lệ	Vốn thực góp	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1	Viện Nghiên cứu Cao su	131.788	131.788	100%	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật KH-CN các lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp cao su thiên nhiên
2	Trung tâm Y tế Cao su	1.720	1.720	100%	410 Trường Chinh, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Khám chữa bệnh, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động trong ngành cao su và ngành khác
3	Tạp chí Cao su	11.336	11.336	100%	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Báo chí và in ấn
4	Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su	18.965	18.965	100%	1428 Phú Riềng Đỏ, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	Đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong ngành cao su

Nguồn: VRG

c) Danh sách các công ty con do Công ty mẹ Tập đoàn nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên công ty con	Vốn điều lệ	Vốn thực góp	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1	Cty CP VRG Bảo Lộc	260.213	260.213	71,03%	263 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất kinh doanh thủy điện; Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện
2	Cty CP gỗ MDF-Geruco Quảng Trị	551.136	551.136	84,85%	KCN Nam Đông Hà, phường Đông Lương, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu gỗ ván nhân tạo MDF, Okal; Trồng, mua bán và khai thác nguyên liệu để sản xuất gỗ MDF, giấy và cây công nghiệp khác
3	Cty CP Thủy Điện Geruco Sông Côn	374.920	374.920	51,01%	Thôn Ngát, xã Jơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, sản xuất kinh doanh điện năng; Xây dựng các công trình dân dụng, thủy lợi, thủy điện, giao thông đường bộ, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng các khu đô thị và khu công nghiệp
4	Cty CP Công nghiệp & XNK CS	100.303	100.303	69,12%	64 Trương Định, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Công nghiệp chế biến sản phẩm từ cây cao su. Gia công, sản xuất, mua bán giày thể thao xuất khẩu. Mua bán cao su và sản phẩm cao su
5	Cty CP Đầu tư thủy điện VRG Phú Yên	324.826	324.826	81,77%	Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành và kinh doanh điện thương phẩm các nhà máy thủy điện. Đầu tư trồng, khai thác, chế biến cao su
6	Cty CP VRG Đắk Nông	297.728	297.728	68,60%	Phường Nghĩa Thành, TX. Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành và kinh doanh điện thương phẩm các nhà

STT	Tên công ty con	Vốn điều lệ	Vốn thực góp	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
						máy thủy điện; Đầu tư trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su, các loại cây công nghiệp khác và trồng rừng
7	Cty CP Thể Thao Ngôi Sao Geru	22.000	22.000	64,38%	1/1 Tân Kỳ Tân Quý, P. Sơn Kỳ, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Chuyên sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dụng cụ thể thao; Mua bán cao su; Nhập khẩu các loại vật tư nguyên liệu phục vụ cho sản xuất dụng cụ thể thao.
8	Cty CP Cao Su Sa Thầy	662.194	662.194	59,24%	308E Phan Đình Phùng, Phường Ngô Mỹ, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	Trồng và chăm sóc cây cao su
9	Cty CP Cao Su Sơn La	1.004.251	1.004.251	71,29%	Tổ 11, Phường Chiềng Lề, TP Sơn La, Tỉnh Sơn La	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
10	Cty CP Cao Su Tây Ninh	300.000	300.000	60,00%	Quốc lộ 22B, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ cao su thiên nhiên
11	Cty CP Cao Su Đồng Phú	430.000	430.000	55,81%	Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	Trồng trọt, chế biến nông sản, lâm sản; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Công nghiệp hóa chất phân bón và cao su
12	Cty CP Cơ khí Cao Su	27.000	27.000	60,00%	Số 12, Đường HT25, Khu phố 2, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	Chuyên sản xuất, chế tạo máy sơ chế mủ cao su

STT	Tên công ty con	Vốn điều lệ	Vốn thực góp	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
13	Cty CP Cao Su Hà Giang	321.345	321.345	82,25%	Nhóm 4, Tổ 9, Thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cây cao su; Dịch vụ hỗ trợ trồng mới; Chăn nuôi gia súc; Trồng và chăm sóc rừng; Chế biến gỗ; Đại lý mua bán tận thu mủ cao su
14	Cty CP Quasa-Geruco	813.372	813.372	74,97%	D21, Trung tâm Thương Mại Đông Nam Á, Thị trấn Lao Bảo, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su và rừng nguyên liệu
15	Cty CP Cao Su Phước Hòa	1.354.992	1.354.992	66,62%	Huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	Trồng cây cao su; Khai thác và chế biến mủ cao su; Thu mua mủ nguyên liệu; Bán lẻ xăng dầu; Mua bán và chế biến gỗ cao su
16	Cty CP Cao Su Hòa Bình	302.066	302.066	66,07%	Ấp 7, xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu	Trồng, chăm sóc, khai thác, sơ chế cao su thiên nhiên
17	Cty CP VRG Khải Hoàn	290.000	290.000	51,04%	Ấp Cầu Sắt, xã Lai Hưng, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Sản xuất găng tay y tế các loại
18	Công ty CP cao su Bà Rịa	1.125.000	1.125.000	97,47%	Huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su thiên nhiên; dịch vụ khách sạn và du lịch

STT	Tên công ty con	Vốn điều lệ	Vốn thực góp	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
19	Công ty CP cao su Tân Biên	879.450	879.450	98,46%	Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh	Trồng trọt, công nghiệp hóa chất phân bón và cao su; Sản xuất, kinh doanh vật tư, dụng cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp
20	Cty CP VRG Nhật Bản	10.500	10.500	50,00%	269A Nguyễn Trọng Tuyển, phường 10, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	Bán buôn cao su
21	Cty CP Cao Su Lai Châu	968.029	968.029	83,00%	Tổ 5, phường Đoàn kết, thị xã Lai Châu, Tỉnh Lai Châu	Trồng cây cao su và sơ chế mủ cao su; Dịch vụ hỗ trợ trồng mới tiêu điện; Trồng rừng; Đại lý bón phân; Kinh doanh xuất nhập khẩu
22	Cty CP Cao Su Điện Biên	679.433	679.433	61,82%	Đội 19, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	Trồng cây cao su và sơ chế mủ Cao su; Dịch vụ hỗ trợ trồng mới cây Cao su; Trồng rừng, chế biến gỗ, chăn nuôi gia súc; Đại lý mua bán, phân phối cây giống, phân bón, các sản phẩm Cao su
23	Cty CP Cao su Lai Châu II	723.385	723.385	87,98%	Thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
24	Cty CP Cao su Yên Bái	402.387	402.387	80,31%	Thôn 2, xã Tân Thịnh, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái	Trồng cây cao su và sơ chế mủ cao su
25	Cty CP Đầu tư phát triển Cao su Nghệ An	606.493	606.493	92,30%	Số 17, đường Phan Đăng Lưu, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ	Trồng cây cao su: trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su nguyên chất; Trồng rừng và chăm

STT	Tên công ty con	Vốn điều lệ	Vốn thực góp	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
					An	sóc rừng
26	Cty CP Gỗ MDF VRG Kiên Giang	479.000	479.000	99,58%	Lô M, đường số 1, KCN Thanh Lộc, xã Thanh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Trồng rừng và chăm sóc rừng
27	Cty CP TM DV và Du lịch Cao Su	427.000	427.000	48,20%	Đại lộ Hoà Bình, phường Trần Phú, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Kinh doanh xuất nhập khẩu cao su và các loại nông, lâm, thủy hải sản; thực hiện các dự án xây dựng khách sạn và khu du lịch; kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa

*Nguồn: VRG***5.4. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết của Công ty mẹ Tập đoàn***DVT: Triệu đồng*

STT	Tên công ty con	Vốn điều lệ	Vốn thực góp	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty TNHH Nghiên cứu Khoa học & SXTN Cao su Visorutex	35.540	35.540	27,57%	Số 8 Trần Quý Khoách, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Trồng, khai thác, chế biến và xuất khẩu cao su
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng Cao Su	60.000	60.000	28,00%	267 Điện Biên Phủ, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Thi công các công trình cấp thoát nước; Thi công xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, giao thông, cầu đường

STT	Tên công ty con	Vốn điều lệ	Vốn thực góp	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
3	Công ty CP khu CN Nam Tân Uyên	160.000	160.000	20,42%	Phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
4	Công ty CP Cao Su Việt Lào	775.000	775.000	20,66%	207 Nguyễn Văn Trỗi, phường 10, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	Khai hoang, trồng rừng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su (không kinh doanh tại TP. Hồ Chí Minh); Mua bán nguyên liệu cao su, khai thác gỗ (không hoạt động tại trụ sở)
5	Công ty CP Cao su Tân Biên Kampongthom	1.434.000	1.434.000	41,00%	Tổ 8, ấp Thanh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh	Trồng và chăm sóc cây cao su
6	Công ty Đầu tư Phát triển VRG Long Thành	100.000	100.000	22,00%	Lô E, KCN Lộc An, Bình Sơn, xã Bình Sơn, huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, nhà, cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu dân cư, khu kinh tế; Đầu tư xây dựng công trình thủy điện, nhiệt điện; Kinh doanh điện, nước trong khu công nghiệp và đô thị
7	Công ty CP gỗ MDF VRG-Dongwha	1.000.000	1.000.000	49,00%	Lô G, Khu công nghiệp Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước	Trồng rừng, khai thác, chế biến gỗ, dăm nguyên liệu; Sản xuất, kinh doanh gỗ nhân tạo MDF, hóa chất phục vụ ngành gỗ

STT	Tên công ty con	Vốn điều lệ	Vốn thực góp	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
8	Công ty CP Cao su Krông Buk - Ratanakiri	772.323	772.323	39,95%	Xã Ea Hồ, huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk	Đầu tư, chăm sóc, chế biến, tiêu thụ cao su; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng dân dụng; Mua bán xuất nhập khẩu cao su
9	Công ty CP Cao Su Dầu Tiếng Kratie	450.000	450.000	34,00%	Số 33, Tổ 26, khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
10	Công ty CP Công Nghiệp An Điền	100.000	100.000	38,50%	Khu Công Nghiệp Rạch Bắp, đường D1, xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
11	Công ty CP Cao su Bến Thành	123.750	123.750	48,85%	Lô B3,1 KCN Tây Bắc Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su; Băng tải, dây curroie, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật
12	Công ty CP Khu công nghiệp Hố Nai	75.000	75.000	35,84%	KCN Hố Nai, xã Hố Nai, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	Đầu tư và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp; cung cấp nước sinh hoạt và sản xuất; Tư vấn lập các loại dự án, thiết kế, thi công xây dựng nhà xưởng và các công trình hạ tầng kỹ thuật

STT	Tên công ty con	Vốn điều lệ	Vốn thực góp	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
13	Công ty CP Xây dựng & tư vấn đầu tư	19.988	19.988	47,88%	269A Nguyễn Trọng Tuyển, phường 10, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	Thi công xây dựng các công trình; Điều tra cơ bản, lập dự án đầu tư; Thiết kế và lập tổng dự toán công trình xây dựng dân dụng & công nghiệp
14	Công ty CP Cao Su Đồng Phú- Kratie	879.458	879.458	29,72%	Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su
15	Công ty CP Cao Su Đồng Nai- Kratie	852.000	852.000	20,77%	Áp Trung Tâm, xã Xuân Lập, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Trồng, khai thác và chế biến cao su và cây nông nghiệp. Sản xuất, mua bán vật tư nông nghiệp
16	Công ty CP Cao Su Bà Rịa Kampongthom	710.610	710.610	37,48%	Quốc lộ 56, xã Bình Ba, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
17	Công ty CP Cao Su Chư Sê Kampongthom	2.220.538	2.220.538	50,24%	Số 420 Hùng Vương, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Sản xuất sản phẩm khác từ cao su; Trồng cây cao su; Trồng cây điều; Trồng cây cà phê
18	Công ty CP Cao su Mang Yang - Ratanakiri	1.779.507	1.779.507	47,49%	Số 536 Nguyễn Huệ, thị trấn Đăk Đoa, huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai	Trồng cây cao su; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Chăn nuôi trâu, bò; Sản xuất phân bón NPK; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

STT	Tên công ty con	Vốn điều lệ	Vốn thực góp	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
19	Công ty CP Cao su Chư Prông - Stung Treng	625.349	625.349	31,34%	Xã Ia Drăng, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
20	Công ty CP Cao Su Phú Riềng Kratie	400.000	400.000	46,00%	Thôn Phú Nguyên, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su
21	Công ty CP Cao Su TP.HCM	312.933	312.933	27,14%	Số 636 đường Võ Văn Kiệt, phường 1, quận 5, TP. Hồ Chí Minh	Khai hoang, trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến và mua bán các sản phẩm từ cây cao su; sản xuất mua bán, chế biến nông lâm sản xuất khẩu
22	Công ty CP Cao Su Dầu Tiếng Campuchia	431.539	431.539	42,17%	Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su

Nguồn: VRG

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Giới thiệu về hoạt động kinh doanh và sản phẩm của Tập đoàn

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam là một Tập đoàn kinh tế công nông nghiệp có quy mô lớn hàng đầu Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực trồng và khai thác cao su tự nhiên. Hiện nay, Tập đoàn đã và đang đẩy mạnh việc đa dạng các sản phẩm công nông nghiệp để nâng cao hiệu quả; tăng cường áp dụng khoa học - kỹ thuật vào sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng trong chuỗi giá trị của sản phẩm; chủ động hội nhập quốc tế, tích cực tham gia các tổ chức, hiệp hội ngành nghề để tăng giá trị thương hiệu và mở rộng thị trường; thực hiện tốt vai trò trong chương trình phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn của Việt Nam, bao gồm phát triển sản xuất kết hợp với xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, không ngừng tăng năng suất và thu nhập của người lao động, nhất là đồng bào dân tộc. Từ đó, kết hợp hài hòa phát triển kinh tế với nhiệm vụ đảm bảo an sinh

xã hội, an ninh chính trị và quốc phòng trong phạm vi tổ chức sản xuất của Tập đoàn.

a) Trồng, khai thác và chế biến cao su

Hiện nay VRG đang quản lý diện tích hơn 405 nghìn ha cao su, trong đó diện tích cao su kinh doanh hơn 218,8 nghìn ha, cao su kiến thiết cơ bản, tái canh – trồng mới và diện tích khác hơn 186 nghìn ha. Năm 2019, năng suất vườn cây bình quân toàn Tập đoàn ước đạt trên 1,56 tấn/ha. Trong đó các công ty khu vực Đông Nam bộ đạt bình quân 1,87 tấn/ha. Những năm qua, VRG chú trọng áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm tăng năng suất vườn cây kinh doanh.



Vườn cây kiến thiết cơ bản đạt và vượt tiêu chuẩn, độ đồng đều cao, sinh trưởng nhanh và rút ngắn thời gian kiến thiết cơ bản trên 1 năm. Mỗi năm VRG chế biến trên 350.000 tấn mủ cao su. Bên cạnh đó, Tập đoàn còn cung cấp các chủng loại cao su giống và cây non, cũng như các phương pháp kỹ thuật canh tác cao su nhằm hỗ trợ cho nông dân.

b) Công nghiệp Cao su

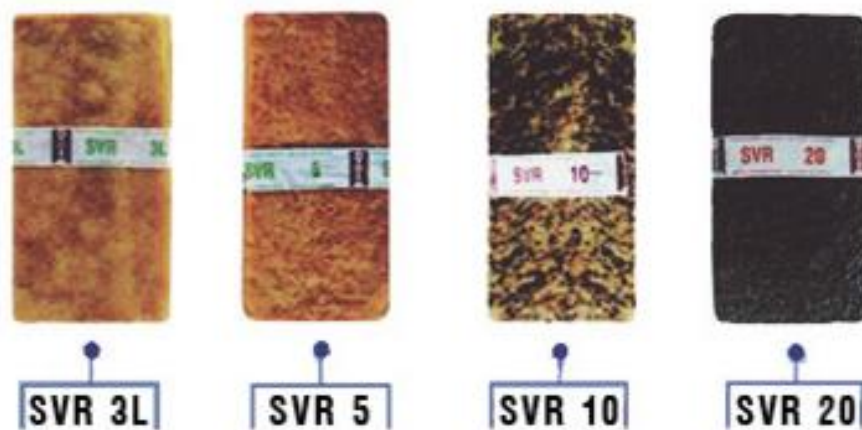
Các sản phẩm công nghiệp cao su của VRG hiện nay gồm: Liên kết sản xuất lốp xe thương hiệu *** VRG; sản xuất nệm, gối cao su; bóng thể thao các loại; găng tay; chỉ sợi cao su; dây chuyền băng tải... Các sản phẩm này đã, đang khẳng định được uy tín trên thị trường, được khách hàng trong nước và quốc tế tin cậy. Găng tay y tế của Tập đoàn hiện chiếm khoảng 30% nguồn cung trong nước, được xuất sang trên 40 nước và vùng lãnh thổ. Các sản phẩm băng tải cao su,

dây Courroie, cao su kỹ thuật các loại, nệm - gối cao su, bóng thể thao, chỉ thun có sản lượng ổn định và đang từng bước xây dựng thương hiệu để mở rộng quy mô. Riêng sản phẩm vỏ xe, Tập đoàn đi theo hướng xây dựng thương hiệu trước lúc thực hiện đầu tư nhà máy, đã phát triển sản phẩm lốp xe tải mang thương hiệu *** VRG, sản phẩm đạt tiêu chuẩn JIS D4230 của Nhật Bản và tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7533:2005.



✓ **Cao su định chuẩn kỹ thuật (TSR)**

Cao su thiên nhiên dưới dạng khối (cổm) được ép thành hình chữ nhật với trọng lượng và kích cỡ như sau: 670mm x 330mm x 170mm và cân nặng 33.3 kg hoặc 35 kg $\pm$ 5%.



Cao Su Định Chuẩn Kỹ Thuật (TSR)

✓ **Cao su ly tâm**

Mủ latex cô đặc theo công nghệ ly tâm và tạo kem, mủ ly tâm HA và LA.

Trước nhu cầu ngày càng tăng về mủ cô đặc trên thị trường thế giới, Tập đoàn đã đầu tư xây dựng thêm các nhà máy chế biến mủ ly tâm để sản xuất ra loại sản phẩm mủ ly tâm HA và LA. Nhằm đảm bảo đưa ra thị trường các loại mủ latex ly tâm có chất lượng ổn định, VRG đã phối hợp với Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng xây dựng tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6314 - 1997 dành riêng cho các loại mủ latex cô đặc theo công nghệ ly tâm và tạo kem. Với lợi thế quản lý vườn cây cao su đại điền cùng với các giống cao su phù hợp, mủ kem ly tâm của Tập đoàn rất được khách hàng trong và ngoài nước ưa chuộng để sản xuất các loại sản phẩm như găng tay y tế, bao cao su.



✓ **Cao su tờ (RSS)**

RSS được xếp theo chất lượng giảm dần từ RSS1, RSS2, RSS3, RSS4. Chất lượng này được xác định: Tờ mủ được trải ra trên màn kính được rọi đèn để xác định độ đồng nhất và các bọt khí xuất hiện. RSS1 được xem là hoàn hảo, trong suốt và không có bọt khí, các loại sau đó được xếp theo tính chất này tăng dần. Phân hạng cao su tờ xông khói (theo The Green Book - 1969).



✓ **Một số sản phẩm công nghiệp khác**



Lốp xe



Nệm



Gối



Băng tải tai bèo

Dây courroie loại
thông dụng

Phụ tùng cao su



Chỉ sợi cao su



Găng tay



Bóng thể thao

c) Lĩnh vực chế biến gỗ

VRG có thế mạnh và nguồn lực lớn về đất đai để phát triển trồng rừng nguyên liệu. Ngoài ra, với diện tích cao su thanh lý bình quân hơn 10.000 ha/năm, VRG có lợi thế lớn trong việc đảm bảo cung cấp nguồn nguyên liệu để chế biến, sản xuất các sản phẩm gỗ. Những năm qua, lĩnh vực chế biến gỗ của VRG ngày càng được mở rộng về quy mô và doanh thu liên tục tăng. Trong những năm tới, VRG tiếp tục tăng công suất các nhà máy chế biến gỗ hiện có, đầu tư các dự án khác, sản xuất những sản phẩm mới phù hợp với khả năng vùng nguyên liệu và thị trường. Tập đoàn hiện có 13 nhà máy với các sản phẩm gỗ gồm: ván MDF, gỗ ghép, gỗ tinh chế, gỗ cao su....



Các sản phẩm Gỗ cao su

d) Lĩnh vực đầu tư hạ tầng khu công nghiệp

VRG được Chính phủ cho phép đầu tư, phát triển các khu công nghiệp trên đất cao su ở những nơi đã có quy hoạch. Các khu công nghiệp của VRG có lợi thế là nằm ở các khu vực kinh tế phát triển năng động; chi phí đầu tư rẻ; hệ thống hạ tầng hoàn chỉnh; giá thuê đất cạnh tranh... Định hướng trong những năm tới, VRG tập trung khai thác hiệu quả các khu công nghiệp hiện có, đồng thời mở rộng giai đoạn hai các khu thuận lợi đã có quy hoạch. Hiện nay VRG đang quản lý 12 khu công nghiệp với tổng diện tích 6.000 ha, trong đó diện tích thương phẩm 4.013 ha. Năm 2018, tổng diện tích cho thuê là 378 ha vượt 31% kế hoạch, tỷ lệ lấp đầy đến cuối năm 2018 bình quân hơn 85% diện tích.



e) Lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cũng là một định hướng phát triển chiến lược của VRG nhằm tận dụng nguồn đất dồi dào, tăng hiệu quả sử dụng đất. VRG đã và đang chuyển một số diện tích đất trồng cao su có điều kiện phù hợp, thuận tiện giao thông, gần nguồn nước sang sản xuất sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao. Đến 2018, Tập đoàn đã thí điểm chuyển đổi gần 200 ha trồng chuối nuôi cấy mô tại Cao su Dầu Tiếng, Đồng Phú và Phước Hòa bước đầu đã khẳng định hiệu quả.



6.2. Trình độ công nghệ

Hiện tại, Tập đoàn và các đơn vị thành viên sở hữu các dây chuyền sản xuất mủ cốm SVR với các chủng loại sản phẩm sản xuất được như sau: SVR 3L, SVR 5, SVR 10, SVR 20, SVR CV50, SVR CV60, SVR 10CV, Skim Bloc.... Công nghệ của các chuyền này chủ yếu là công nghệ sản xuất trong nước, một số dây chuyền được nhập khẩu từ Châu Âu.

Nhìn chung, công nghệ sản xuất, chế biến của Tập đoàn và các đơn vị thành viên đạt công nghệ chuẩn của ngành và cũng thuộc công nghệ tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. Tập đoàn và các đơn vị thành viên luôn áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong khai thác như: công nghệ sử dụng bôi thuốc kích thích, bơm khí gatex, công nghệ cạo miệng úp.... Năng lực sản xuất của nhà máy có đủ khả năng đáp ứng chất lượng sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 3769:2004 và TCVN 6314:2013 và thời gian cung ứng sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng.

6.3. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng thống nhất tại Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và 20 đơn vị thành viên. Quy trình sản xuất các loại sản phẩm của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam dựa theo quy trình công nghệ chuẩn chế biến cao su được Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam ban hành:

- ✓ **TCCS 101:2002-** Quy trình công nghệ chuẩn chế biến cao su SVR 3L, SVR 5.
- ✓ **TCCS 102:2002-** Quy trình công nghệ chuẩn chế biến cao su SVR 10, SVR 20 từ mủ phụ.
- ✓ **TCCS 103:2002-** Quy trình công nghệ chuẩn chế biến cao su SVR CV50, SVR CV60.
- ✓ **TCCS 107:2012-** Quy trình công nghệ chế biến latex ly tâm cao su thiên nhiên cô đặc.

Tập đoàn đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008. Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 đã nâng cao nhận thức về chất lượng sản phẩm trong toàn Tập đoàn, nâng cao tinh thần trách nhiệm và kỹ năng của đội ngũ cán bộ công nhân viên trong toàn Tập đoàn, ổn định và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng nhằm thoả mãn ngày càng cao hơn nhu cầu của khách hàng.

Bộ phận kiểm tra chất lượng

Công tác quản lý chất lượng sản phẩm được thực hiện xuyên suốt cả quá trình từ khâu khai thác mủ tại vườn cây, vận chuyển mủ về nhà máy cho đến khâu chế biến, bảo quản, lưu kho. Tập đoàn quy định nghiêm ngặt về quản lý chất lượng mủ nguyên liệu từ vườn cây về nhà máy, đảm bảo không có lẫn tạp chất đối với tất cả các loại mủ nước, mủ tạp, mủ đông ...

Trong quá trình chế biến, nhà máy cùng với phòng Quản lý chất lượng của các đơn vị thành viên chịu trách nhiệm kiểm soát chặt chẽ toàn bộ quá trình từ khâu tiếp nhận nguyên liệu đến thành phẩm.

Đối với quy trình chế biến cao su SVR, kiểm tra chất lượng nguyên liệu mủ, kiểm soát xử lý đánh đông, vô trùng, nhiệt độ sấy, thời gian sấy, trọng lượng bành mủ, quy cách đóng gói bao bì, phân lô lấy mẫu, kiểm nghiệm các chỉ tiêu chất bản, tro, bay hơi, nitơ, Po, PRI, màu, độ nhót Mooney theo TCVN 3769:2004.

Đối với quy trình chế biến latex ly tâm, kiểm tra chặt chẽ các chỉ tiêu TSC, DRC, NH3, VFA, KOH, Mg, pH theo TCVN 6314:2013 từng công đoạn mưng tiếp nhận, hồ nạp liệu, bồn trung chuyển, bồn tồn trữ để có biện pháp điều chỉnh, xử lý hoá chất thích hợp.

6.4. Hoạt động Marketing

Giới thiệu thông tin về sản phẩm thông qua website của Tập đoàn, các đơn vị thành viên, công ty con, thường xuyên cập nhật thông tin trên website. Đăng ký giới thiệu thông tin về sản phẩm, về doanh nghiệp trong các buổi Hội nghị/Hội thảo/ tọa đàm trong và ngoài nước.

Thiết kế brochure, đăng báo quảng cáo sản phẩm của Công ty mẹ - Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam và các đơn vị thành viên.

Gửi thư chào hàng qua email, gửi mẫu cho khách hàng trong và ngoài nước

6.5. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Biểu tượng của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (logo):



Biểu tượng của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam được Cục sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 121481, theo Quyết định số 5324/QĐ-SHTT ngày 20-3-2009.

6.6. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã ký kết

Hiện nay, Công ty mẹ Tập đoàn có các hợp đồng lớn về việc cung cấp mủ cao su với đối tác trong và ngoài nước như sau:

- Hợp đồng với đối tác trong nước: Công ty mẹ Tập đoàn ký kết Hợp đồng tiêu thụ nội địa với Công ty TNHH Sailun Việt Nam (là nhà sản xuất lốp xe tại Việt Nam) về việc cung cấp 19.277,40 tấn mủ cao su.
- Hợp đồng với đối tác nước ngoài: Công ty mẹ Tập đoàn ký kết Hợp đồng xuất khẩu với Công ty Hevealand của Malaysia về việc cung cấp 1.530 tấn mủ cao su.
- Một số hợp đồng khác: Công ty mẹ Tập đoàn đang trong quá trình thương thảo và đàm phán với các đối tác để cung cấp các sản phẩm, mang lại những hợp đồng có giá trị, phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Đây là những đối tác đã có mối quan hệ lâu dài với Công ty mẹ Tập đoàn trong việc cung cấp các sản phẩm mủ cao su. Giá bán cho các đối tác được xác định tùy thuộc vào từng thời điểm các bên giao nhận sản phẩm, phù hợp theo tình hình thị trường.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh 2 năm 2017 – 2018 và 9 tháng 2019

Bảng 3 - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (Hợp nhất)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng/Giảm	9 tháng năm 2019
1	Tổng giá trị tài sản	74.482.709	77.308.203	3,79%	76.020.586
2	Vốn chủ sở hữu	47.889.679	49.509.444	3,19%	49.733.333
	<i>Trong đó: Cổ phiếu quỹ</i>	(171.923)	(107.406)	(37,53%)	(107.406)
3	Doanh thu và thu nhập	22.401.828	23.008.375	2,71%	14.779.525
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.480.026	2.389.374	(31,34%)	1.743.763
5	Lợi nhuận khác	1.227.512	1.862.363	51,72%	978.564
6	Lợi nhuận trước thuế	4.707.539	4.251.737	(9,68%)	2.722.327
7	Lợi nhuận sau thuế	3.935.807	3.333.664	(15,30%)	2.308.988
8	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	8.22%	6.73%	(17,95%)	4,65%

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2017, các BCTC kiểm toán 2018 và BCTC **9T/2019** - Hợp nhất)

Ghi chú:

- Giai đoạn trước 01/6/2018: Tập đoàn hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV
- Giai đoạn từ 01/6/2018 trở về sau: Tập đoàn hoạt động theo mô hình CTCP

Bảng 4 - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (Công ty mẹ)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng/Giảm	9 tháng năm 2019
1	Tổng giá trị tài sản	39.957.272	41.851.454	4,74%	41.619.467
2	Vốn chủ sở hữu	39.386.319	41.332.335	4,94%	41.187.944
	<i>Trong đó: Cổ phiếu quỹ</i>	-	-	-	-
3	Doanh thu và thu nhập	1.797.558	4.537.344	152,42%	1.579.702
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.005.064	2.734.208	172,04%	859.500
5	Lợi nhuận khác	7.277	5.586	(23,24%)	3.134
6	Lợi nhuận trước thuế	1.012.341	2.739.793	170,64%	862.634
7	Lợi nhuận sau thuế	1.020.737	2.739.793	168,41%	862.634
8	Tỷ lệ cổ tức (trên mệnh giá) (*)	N/A	2,5%	N/A	N/A
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (**)	N/A	75,37%	N/A	N/A
10	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	2,59%	6,63%	155,98%	2,09%

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2017, các BCTC kiểm toán **2018 và BCTC 9T/2019** - Công ty mẹ)

Ghi chú:

- Giai đoạn trước 01/6/2018: Tập đoàn hoạt động theo mô hình Công ty TNHH. MTV
- Giai đoạn từ 01/6/2018 trở về sau: Tập đoàn hoạt động theo mô hình CTCP
- (*): Tỷ lệ cổ tức năm 2018 là tỷ lệ cổ tức cho giai đoạn 7 tháng cuối năm 2018 khi Tập đoàn chính thức hoạt động theo mô hình CTCP từ ngày 01/06/2018.
- (**): Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức là tỷ lệ giữa phần lợi nhuận được trích ra để chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế của giai đoạn 7 tháng cuối năm 2018 khi Tập đoàn chính thức hoạt động theo mô hình CTCP từ ngày 01/06/2018.

Bảng 5 - Doanh thu và thu nhập trước thuế theo bộ phận (Hợp nhất)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Doanh thu theo bộ phận		Thu nhập trước thuế theo bộ phận	
		Năm 2018	9 tháng năm 2019	Năm 2018	9 tháng năm 2019
1	Sản xuất và kinh doanh mũ cao su	12.157.471	3.114.331	212.688	140.529
2	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su	1.454.521	399.347	(31.420)	104.799
3	Chế biến gỗ	3.471.249	888.495	937.353	390.785
4	Xây dựng, bất động sản, cơ sở hạ tầng	733.008	493.201	384.450	247.255
5	Dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn	6.345	230	(8.643)	(1.871)
6	Kinh doanh điện năng	494.466	115.951	203.089	46.205
7	Hoạt động kinh doanh khác	1.396.238	322.459	690.694	191.195
8	Điều chỉnh và loại trừ	-	-	-	46.800
Tổng cộng		19.713.298	5.334.014	2.388.211	1.165.697

(Nguồn: các BCTC kiểm toán 2018 và BCTC 9T/2019 – Hợp nhất)

Ghi chú:

- Giai đoạn trước 01/6/2018: Tập đoàn hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV
- Giai đoạn từ 01/6/2018 trở về sau: Tập đoàn hoạt động theo mô hình CTCP
- Từ năm 2018, Tập đoàn bắt đầu lập báo cáo doanh thu và thu nhập trước thuế theo từng bộ phận, lĩnh vực kinh doanh trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nhìn chung quy mô tổng tài sản và vốn chủ sở hữu Công ty mẹ Tập đoàn năm 2018 tăng nhẹ so với năm 2017, ở mức lần lượt tương đương với 4,74% và 4,94. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn tăng mạnh so với năm 2017 chủ yếu đến từ hoạt động doanh thu tài chính. Đây là các khoản lợi nhuận, cổ tức được chia từ việc đầu tư vào các Công ty con 100% vốn của Tập đoàn và từ các đơn vị thành viên. Qua đó, tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE) được tăng lên tương ứng, từ 2,59% năm 2017 lên 6,63% trong năm 2018.

Khoản mục Doanh thu và thu nhập của Công ty mẹ Tập đoàn trong năm 2018 có sự tăng trưởng mạnh so với năm 2017, ghi nhận giá trị hơn 4.537 tỷ đồng, chủ yếu đến từ khoản doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính. Đối với khoản doanh thu tài chính trong kỳ kế toán từ 1/1/2018 đến 31/05/2018, Công ty mẹ Tập đoàn ghi nhận giá trị doanh thu tài chính là hơn 1.734 tỷ đồng, trong đó Tập đoàn đã tiến hành điều chuyển quỹ đầu tư phát triển của các công ty TNHH MTV do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ về Công ty mẹ - Tập đoàn và ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ với số tiền là 894,5 tỷ đồng (*theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại Doanh nghiệp*).

Đối với khoản mục cổ phiếu quỹ thể hiện trên các Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn thì số dư cổ phiếu quỹ của toàn Tập đoàn là số dư cổ phiếu quỹ từ các công ty con được hợp nhất trong quá trình thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính. Đồng thời, các công ty con không sở hữu cổ phần của Công ty mẹ Tập đoàn. Từ khi cổ phần hóa đến nay, Công ty mẹ Tập đoàn không có giao dịch mua bán cổ phiếu quỹ, do đó Công ty mẹ Tập đoàn không có số dư cổ phiếu quỹ.

Trong quá trình cổ phần hóa Công ty mẹ Tập đoàn, thì Công ty mẹ Tập đoàn và các công ty con do Tập đoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ không thực hiện trích lập các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi, không trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định. Việc không trích lập các khoản mục nêu trên được thực hiện theo quy định tại Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 và các văn bản có liên quan khi Tập đoàn đang trong quá trình cổ phần hóa theo Quyết định số 401/QĐ-BNN-QLDN ngày 02/02/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Sau khi chuyển đổi hình thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/06/2018, Tập đoàn đã thực hiện việc trích lập các khoản mục nêu trên theo đúng quy định từ sau cổ phần hóa.

Tính đến hết 9 tháng năm 2019, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chưa được thuận lợi do phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức từ ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Giá mủ cao su vẫn duy trì ở mức thấp tương tự năm 2018, trong khi đó giá gỗ cao su giảm xấp xỉ 20% so với năm 2018. Lĩnh vực công nghiệp cao su phát triển chậm lại do áp lực cạnh tranh cũng như chi phí tài chính cao. Hoạt động đầu tư tài chính cũng bị ảnh hưởng chung do cơ chế thoái vốn còn nhiều vướng mắc, chưa được khai thông, dẫn đến một số khoản đầu tư cần được thoái vốn chưa thể triển khai, tương tự như các doanh nghiệp có vốn nhà nước khác. Bên cạnh đó, các dự án khu công nghiệp được xem là nguồn thu quan trọng hiện nay nhưng hầu hết không triển khai được vì gặp

nhiều trở ngại bởi các thủ tục về đất đai ngày càng phức tạp. Điều này ảnh hưởng khá lớn đến doanh thu và lợi nhuận chung của Tập đoàn.

7.2. Ý kiến kiểm toán đối với các Báo cáo tài chính đến thời điểm đăng ký niêm yết

Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2017 (Riêng và Hợp nhất)

- ✓ Tại Báo cáo tài chính riêng năm 2017 đã được kiểm toán, Công ty TNHH Hằng Kiểm toán AASC có nhấn mạnh như sau:

“Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về đặc điểm hoạt động của Tập đoàn được trình bày tại Thuyết minh số 01 và chính sách kế toán khoản nợ phải thu về cho vay khách hàng được trình bày tại thuyết minh số 2.8 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng”.

- ✓ 4Tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) có nhấn mạnh như sau:

“Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về đặc điểm hoạt động trong năm và sự kiện phát sinh sau niên độ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất (trình bày tại Thuyết minh số 1.05 và Thuyết minh VIII.03 kèm theo)”.

Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính 5 tháng năm 2018 cho giai đoạn hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV (Riêng và Hợp nhất)

- ✓ Tại Báo cáo tài chính riêng 5 tháng năm 2018 đã được kiểm toán, Công ty TNHH Hằng Kiểm toán AASC có vấn đề cần nhấn mạnh và vấn đề khác như sau:

“Vấn đề cần nhấn mạnh: Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về các nội dung như sau:

Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn được trình bày tại Thuyết minh số 01 và chính sách kế toán về khoản nợ phải thu về cho vay khách hàng được trình bày tại thuyết minh số 2.8 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Thông tin về tình hình nộp ngân sách Nhà Nước khoản thu về từ cổ phần hóa và xác định các khoản tiền được để lại doanh nghiệp tại thuyết minh số 20 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Như đã nêu tại thuyết minh số 33, Báo cáo tài chính riêng được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/05/2018 là kỳ kế toán tại thời điểm Tập đoàn chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, cơ quan chủ quản là Bộ Nông

Nghiệp và Phát triển Nông thôn vẫn chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Do vậy, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn có thể sẽ thay đổi sau khi được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại 31/05/2018.

Vấn đề khác:

Báo cáo này thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 080818.001/BCTC.HCM ngày 08/08/2018 theo Công văn số 1725/CSVN-TCKT ngày 20/11/2018 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc điều chỉnh bổ sung số liệu Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến 31/05/2018 do các đơn vị thành viên Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ điều chỉnh lại số liệu Báo cáo tài chính cùng kỳ theo biên bản quyết toán thuế đến thời điểm 31/05/2018”.

- ✓ Tại Báo cáo tài chính hợp nhất 5 tháng năm 2018 đã được kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) có nhận mạnh như sau:

“Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về đặc điểm hoạt động trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất trình bày tại Thuyết minh số 1.05”.

 Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính 7 tháng cuối năm 2018 cho giai đoạn hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần (Riêng và Hợp nhất)

- ✓ Tại Báo cáo tài chính riêng 7 tháng cuối năm 2018 đã được kiểm toán, Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC có nhận mạnh như sau:

“Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về các nội dung như sau:

Chính sách kế toán về ghi nhận dự phòng các khoản phải thu cho vay nhận sáp nhập từ Công ty TNHH MTV Tài chính Cao su Việt Nam được trình bày tại thuyết minh số 2.8 của bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/06/2018 đến ngày 31/12/2018 là kỳ kế toán đầu tiên sau khi Tập đoàn chuyển đổi thành Công ty cổ phần. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là Báo cáo tài chính riêng giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/05/2018. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, cơ quan chủ quản là Ủy ban Quản lý vốn Nhà Nước tại doanh nghiệp vẫn chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Do vậy, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn có thể sẽ thay đổi sau khi được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày 31/05/2018.

Các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi”.

- ✓ Tại Báo cáo tài chính hợp nhất 7 tháng cuối năm 2018 đã được kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) có nhấn mạnh như sau:

“Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/06/2018 đến ngày 31/12/2018 là kỳ kế toán đầu tiên sau khi Tập đoàn chuyển đổi thành Công ty cổ phần. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Tập đoàn và các Công ty con trực thuộc 100% vốn điều lệ chưa được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Do vậy, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có thể thay đổi sau khi được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày 31/05/2018”.

7.3. Những thuận lợi và khó khăn trong hoạt động kinh doanh của Tập đoàn

❖ Thuận lợi:

Sản phẩm cao su Việt Nam đã khẳng định vị trí vững chắc trên thị trường thế giới, bảo đảm tiêu chuẩn xuất khẩu với nhiều chủng loại khác nhau, đáp ứng yêu cầu đa dạng của khách hàng;

Cây cao su đã được Bộ NN & PTNT xác định là cây đa dụng, tạo điều kiện để mở rộng quy mô vườn cây cao su;

Có đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật và công nhân lành nghề, gắn bó với Tập đoàn;

Mô hình Tập đoàn đã phát huy được những điểm mạnh như: Tập trung được nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực tài chính để thực hiện các mục tiêu, chương trình lớn, xác lập được vị trí trong việc thương thảo, đàm phán với đối tác nước ngoài, điều tiết được sản lượng, giá cả sản phẩm; các doanh nghiệp cùng ngành hàng nhưng không phải là đối thủ cạnh tranh trực tiếp nên việc chuyển giao sáng kiến, học tập kinh nghiệm được tiến hành thường xuyên, giúp tăng năng suất, hạ giá thành và tăng hiệu quả; tạo cơ sở để phát triển các ngành công nghiệp liên quan đến sản phẩm chính như: công nghiệp chế biến gỗ, công nghiệp cao su và với cơ cấu ngành nghề tương đối giống nhau, dễ phân công trách nhiệm rõ ràng theo từng khâu nghiệp vụ theo mô hình quản lý trực tuyến nên Tập đoàn nắm chắc các khâu trọng yếu trong toàn ngành như kỹ thuật, khoa học công nghệ, kế hoạch, tài chính, thị trường...

Với những điểm mạnh đã được phát huy đã giúp cho Tập đoàn quản lý và điều hành có hiệu quả các hoạt động chung của toàn Tập đoàn, đồng thời đã chi phối, điều tiết được các hoạt động của các công ty con, các doanh nghiệp thành viên một cách nhịp nhàng, đảm bảo các mục

tiêu theo kế hoạch sản xuất kinh doanh chung của Tập đoàn.

❖ **Khó khăn**

Sản phẩm của Tập đoàn xuất khẩu là chính (mủ cao su, gỗ cao su, sản phẩm công nghiệp cao su) nên lệ thuộc vào giá cả thế giới, các biến động giá cả ngoài tầm kiểm soát nên khó khăn trong hoạch định kế hoạch sản xuất, thương mại và tài chính;

Sản phẩm mủ cao su giảm giá liên tục từ năm 2011 cho đến nay. Ngoài ra, nông nghiệp chịu sự tác động rất lớn của thời tiết, khí hậu, trong điều kiện biến đổi khí hậu toàn cầu theo chiều hướng ngày càng tiêu cực, trong các năm qua các cơn bão, lũ, rét đậm rét hại đã làm giảm năng suất vườn cây đáng kể và có tác động xấu đến các vườn cây KTCB;

Cây cao su có thời gian kiến thiết cơ bản dài, do trong giai đoạn 2000-2005 diện tích trồng mới ít nên diện tích đưa vào cạo mới trong giai đoạn này thấp hơn diện tích phải thanh lý tái canh, do vậy năng suất, sản lượng giảm;

Các loại vật liệu, nhiên liệu, năng lượng đầu vào nhất là tiền lương tăng giá và biến động liên tục làm tăng suất đầu tư trồng mới, chăm sóc cao su và giá thành sản phẩm cao su làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của toàn Tập đoàn; mất khả năng chủ động trong việc cân đối nguồn vốn cũng như tính toán hiệu quả dự án;

Chính sách tín dụng không ổn định, lãi suất biến động lớn, nguồn vốn vay bị hạn chế làm ảnh hưởng tiến độ đầu tư dự án.

7.4. Tình hình hoạt động kinh doanh của ngành cao su trong những năm qua

Từ năm 2013, Chính phủ đã ban hành Quyết định (899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013) phê duyệt đề án Tái cơ cấu Ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Tại Quyết định 419/QĐ-TTg ngày 05/4/2017 về Chương trình quốc gia giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng, trong đó, cao su là 1 trong 4 nông sản được đưa vào thí điểm mô hình phát triển bền vững.

Thực hiện phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới các Công ty nông lâm nghiệp thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo văn bản số 2296/TTg-ĐMDN ngày 16/12/2015, theo đó cổ phần hoá đồng thời Công ty mẹ Tập đoàn cùng 20 đơn vị thành viên và 4 đơn vị sự nghiệp. Từ ngày 01/6/2018, Công ty mẹ - Tập đoàn đã chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với vốn điều lệ là 40.000 tỷ đồng.

Địa bàn hoạt động của Tập đoàn trải dài trên khắp 29 tỉnh, thành phố từ miền Đông Nam

bộ, Tây Nguyên, Duyên hải miền Trung, khu vực Tây Bắc, Đông Bắc và hai nước bạn Lào, Campuchia. Tập đoàn hiện nay đang quản lý gần 410.000 ha cao su (trong nước hơn 293.000 ha, trong đó phía Bắc trên 28.000 ha, Lào và Campuchia hơn 116.000 ha), quản lý trực tiếp 20 đơn vị thành viên là Công ty TNHH MTV do Tập đoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ; 27 đơn vị là Công ty con do Tập đoàn nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên; cùng với các đơn vị là Công ty liên doanh, liên kết, đầu tư tài chính do Tập đoàn nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ; 04 đơn vị là đơn vị sự nghiệp có thu do Tập đoàn nắm giữ 100% vốn.



Các dự án trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và kinh doanh cao su của Tập đoàn, tại các đơn vị khu vực Tây Nguyên, Miền Trung những năm qua bị ảnh hưởng bởi mưa bão, gió lốc gây thiệt hại đến các vườn cây cao su, do đó một số đơn vị bị lỗ trong năm 2017; tại các khu vực còn lại bước đầu mới đưa vào khai thác nên hiệu quả của các dự án đầu tư chưa đạt như dự kiến.

Nhìn chung, ngành cao su trong những năm qua gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, với những điểm chủ yếu như sau:

Thứ nhất, do đặc thù lĩnh vực Nông nghiệp, Tập đoàn đang quản lý diện tích đất đai lớn, trải trên nhiều địa bàn với các chính sách ưu đãi về đất đai, ngành nghề khác nhau ở các địa

phương; cơ chế, chính sách của Nhà nước đã tương đối đầy đủ, tuy nhiên vẫn chưa bao quát hết những tình huống đặc thù của ngành Cao su.

Thứ hai, công tác quản lý, sử dụng đất đai còn nhiều khó khăn, vướng mắc như: thủ tục đo đạc và đăng ký quyền sử dụng đất khá phức tạp, chi phí liên quan cao; tình hình địa phương thu hồi để phát triển kinh tế, xây dựng các công trình công cộng, khu dân cư... gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty và Tập đoàn. Bên cạnh đó mô hình dân góp đất trồng cao su tại khu vực phía Bắc đang triển khai, Tập đoàn tiếp tục hoàn thiện về mặt pháp lý báo cáo các cơ quan thẩm quyền để bảo đảm quyền lợi lâu dài của Tập đoàn và người dân.

Thứ ba, sản phẩm mủ cao su, gỗ sản phẩm giảm giá liên tục và hiện nay giá vẫn ở mức thấp hơn so với giá dự kiến; một số các công ty cao su hiện đang đầu tư các dự án trồng cao su còn trong thời gian kiến thiết cơ bản, hoặc mới bắt đầu đưa vào khai thác (tại Campuchia, Lào, Tây Bắc, ...) chưa có nguồn thu lớn, hiệu quả thấp; một số dự án đầu tư với mục tiêu góp phần để giải quyết vấn đề xã hội, môi trường, vì lợi ích cộng đồng nhưng chưa được hưởng cơ chế ưu đãi dành cho Doanh nghiệp xã hội và vẫn phải thực hiện việc đánh giá hiệu quả hoạt động như các doanh nghiệp khác. Bên cạnh đó, sự tác động lớn của biến đổi thời tiết, khí hậu nhất là mưa lớn, lũ lụt xảy ra liên tục đã làm giảm đáng kể năng suất vườn cây kinh doanh và có tác động xấu đến các vườn cây kiến thiết cơ bản, đã làm ảnh hưởng đến kết quả xuất kinh doanh và hiệu quả đầu tư của Tập đoàn.

Thứ tư, về nguồn vốn cho đầu tư lãi suất thấp bị hạn chế, điều kiện thủ tục cho vay còn nhiều vướng mắc làm ảnh hưởng tiến độ dự án; một vài đơn vị gặp khó khăn, vướng mắc trong thực hiện đầu tư, hoạt động kinh doanh chưa đạt theo dự kiến.

Thứ năm, giá trị thu được từ gỗ cao su của vườn cây cao su sau khi hết chu kỳ thu hoạch mủ chưa được áp dụng chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp của sản phẩm trong ngành nông lâm nghiệp. Tuy nhiên, theo quyết định số 2855/QĐ-BNN-KHCN ngày 17/9/2008 của Bộ NN&PTNT về việc công bố xác định cây cao su là cây đa mục đích, có thể sử dụng cả cho các mục đích nông nghiệp và lâm nghiệp. Do đó, thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh gỗ cao su phải được xem là thu nhập chính trong nông lâm nghiệp và được hưởng ưu đãi về chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thứ sáu, ở một số địa phương còn vướng mắc trong giải quyết chính sách miễn giảm tiền thuê đất trong giai đoạn kiến thiết cơ bản (trồng mới cây cao su), chính sách ưu đãi thuế trong sản

xuất nông nghiệp.

Thứ bảy, sự chuyển dịch lao động từ khu vực nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ ngày càng nhiều làm thiếu hụt lao động tại vườn cây cao su, nhà máy chế biến mủ.

Thứ tám, chính sách về đầu tư của Chính phủ Lào và Campuchia còn nhiều vướng mắc nên làm ảnh hưởng đến việc đầu tư và mở rộng dự án; thủ tục bảo đảm theo yêu cầu của các tổ chức tín dụng nên việc vay vốn gặp khó khăn; Quota xuất khẩu, miễn thuế nhập khẩu phục vụ dự án với thời hạn sử dụng trong 01 năm và mất nhiều thời gian, chi phí do qua nhiều cơ quan, ban ngành nước sở tại; lệ phí visa cho cán bộ làm việc ở Campuchia còn quá cao và không đồng ý duy trì cán bộ đã công tác quá 4 năm tại Campuchia. Mặt khác hiện tượng người dân tái chiếm đất sau khi đã nhận tiền bồi thường; tình trạng khan hiếm lao động, đặc biệt là lao động có tay nghề kỹ thuật trong công tác khai thác mủ cao su.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Triển vọng phát triển của ngành

❖ Năng lực cạnh tranh của Việt Nam tăng

Về sản lượng: Việt Nam là nhà sản xuất và xuất khẩu cao su thiên nhiên lớn thứ 3 trên thế giới. Sau khi vươn lên vị trí thứ 3 toàn cầu về sản lượng cao su thiên nhiên từ năm 2013, Việt Nam tiếp tục giữ vững vị thế này với sản lượng gần 1,1 triệu tấn trên diện tích gần 1 triệu ha. Cao su thiên nhiên Việt Nam cũng đồng thời được xuất khẩu tới hơn 80 thị trường, chiếm gần 12% tổng sản lượng xuất khẩu toàn cầu (chỉ sau Thái Lan - gần 40% và Indonesia - khoảng 25-26%).

Về giá thành: giá thành sản xuất cao su Việt Nam thấp hơn so với các quốc gia trong khu vực do tận dụng được nguồn nhân công giá rẻ, năng suất khai thác cao. Tập đoàn cao su Việt Nam đang có những giải pháp giảm chi phí lao động, chi phí phân bón làm cỏ, ... Với những giải pháp này, giá thành cao su Việt Nam ước tính sẽ giảm đáng kể so với trong quá khứ.

❖ Hỗ trợ từ chính sách thuế:

Để tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp cao su Việt Nam, nhà nước cũng đã có các chính sách liên quan đến việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực trồng trọt, chế biến nông sản nói chung và cây cao su nói riêng. Theo đó, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trồng, chế biến mủ cao su thiên nhiên cho kỳ tính thuế TNDN từ năm 2015 được áp dụng như sau:

- Các doanh nghiệp trồng, sản xuất, chế biến mủ cao su thiên nhiên dù không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hay đặc biệt khó khăn đều được giảm 7% thuế suất thuế

TNDN. Từ năm 2015 thuế suất của các doanh nghiệp thuộc đối tượng này giảm xuống còn 15% (thay vì 22% như trước đây).

- Các doanh nghiệp có thu nhập từ chế biến nông sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn từ năm 2015 được bổ sung vào diện hưởng ưu đãi với mức thuế suất là 10% (thay vì 22% như trước đây).

❖ **Về chế biến và xuất khẩu gỗ**

Việc đồ gỗ Trung Quốc bị Mỹ áp thuế chống bán phá giá sẽ khiến cho các đơn hàng từ Mỹ dịch chuyển sang các nước xuất khẩu gỗ ở khu vực ASEAN, trong đó có Việt Nam. Mà Việt Nam lại đang là nước xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ lớn nhất ở ASEAN, nên cơ hội cho ngành gỗ Việt Nam tận dụng đơn hàng từ Trung Quốc chuyển sang là rất lớn, nhất là đồ gỗ nội thất. “Gỗ cao su hiện đang được sử dụng rất nhiều trong sản xuất đồ gia dụng, không chỉ cho thị trường trong nước mà còn phục vụ cho xuất khẩu. Dự báo, nhu cầu của thị trường sẽ vẫn tiếp tục nóng trong thời gian tới và mang lại nhiều lợi nhuận cho người trồng cao su”, một thương lái nói.

Theo dự báo từ nay đến năm 2020 nguồn cung gỗ nguyên liệu sẽ cần thêm 4 - 5 triệu m³/năm. Đây cũng là triển vọng khả quan cho ngành gỗ của Việt Nam nói chung trong đó có ngành gỗ của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam.

❖ **Về khai thác các khu công nghiệp**

Chính sách ưu đãi cho khu công nghiệp

Ngoài các chính sách ưu đãi cho khu công nghiệp trước đây thì Chính phủ vừa ban hành nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với cụm công nghiệp tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP. Theo đó, dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp được miễn tiền thuê đất 7 năm và hưởng các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật. Đây là một lợi thế để VRG phát triển các dự án khu công nghiệp trong giai đoạn sắp tới.

Với những triển vọng trong lĩnh vực cao su tự nhiên, những lợi thế trong khai thác gỗ cùng với những chính sách ưu đãi của nhà nước trong việc khai thác các khu công nghiệp. Các khu công nghiệp của VRG sẽ rất khả quan đối với tập đoàn cao su Việt Nam.

8.2. Vị thế của VRG trong ngành

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam là một Tập đoàn kinh tế công nông nghiệp có quy mô lớn hàng đầu Việt Nam hiện nay, đặc biệt trong lĩnh vực trồng và khai thác cao su tự nhiên thì toàn Tập đoàn là đơn vị đứng đầu trong cả nước về diện tích trồng cao su tự nhiên, với

diện tích trồng cao su khoảng hơn 405 nghìn hecta và sản lượng khai thác cao su tự nhiên theo kế hoạch dự kiến đến năm 2020 khoảng 360.000 tấn.

Tập đoàn hiện nay đang đẩy mạnh đa dạng các sản phẩm nông công nghiệp để nâng cao hiệu quả; đẩy mạnh và tăng cường hàm lượng khoa học - kỹ thuật trong sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng trong chuỗi giá trị của sản phẩm; tiếp tục thực hiện chủ trương tái cơ cấu, đa dạng hóa sở hữu trong Tập đoàn thông qua cổ phần hóa để nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, hiệu quả doanh nghiệp và tạo nguồn vốn để phát triển Tập đoàn; chủ động hội nhập Quốc tế, tích cực tham gia các tổ chức, hiệp hội ngành nghề để nâng cao thương hiệu và mở rộng thị trường; thực hiện tốt vai trò trong chương trình phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn của Việt Nam, bao gồm phát triển sản xuất kết hợp với xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, không ngừng tăng năng suất và thu nhập của người lao động, nhất là đồng bào dân tộc. Kết hợp hài hòa phát triển kinh tế với nhiệm vụ đảm bảo an sinh xã hội, an ninh chính trị và quốc phòng trong phạm vi tổ chức sản xuất của Tập đoàn.

8.3. Sự phù hợp định hướng phát triển của Tập đoàn với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Tập đoàn nhận thức được tiềm năng và triển vọng phát triển của doanh nghiệp đã đề ra và đang trong quá trình thực hiện những định hướng then chốt nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng doanh thu và tối đa hóa lợi nhuận cho toàn Tập đoàn.

Về cơ bản, định hướng phát triển Tập đoàn phù hợp với phát triển của ngành, điều này tạo điều kiện tốt nhất cho Tập đoàn có cơ hội phát triển và nhận được sự hỗ trợ nhiều mặt từ phía Nhà nước, nhất là hỗ trợ chuyên môn, vật chất. Trên hết, định hướng phát triển ngành cao su luôn gắn liền với kế hoạch hành động quốc gia vì sự phát triển bền vững đến năm 2030. Theo đó, ngày 10/05/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 về “Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững” với 17 mục tiêu. Điều đó thể hiện Chính phủ Việt Nam luôn có các kế hoạch hành động và đồng hành cùng với Liên Hợp Quốc trong Chương trình phát triển bền vững. Bên cạnh đó, được sự hỗ trợ của Chương trình Liên hợp quốc UN-REDD, VRA, VRG và Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam phối hợp xây dựng “Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật sản xuất cao su bền vững” từ khâu trồng, chăm sóc, thu hoạch đến chế biến mủ cao su và gỗ cao su.

Sau hơn 100 năm phát triển, ngành cao su hiện là một trong những ngành sản xuất nông lâm nghiệp quan trọng của Việt Nam, cả về kinh tế, xã hội và môi trường. Cây cao su đã mở rộng

địa bàn từ nam ra bắc, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người ở Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ và vùng Tây Bắc. Trong những năm gần đây, xu hướng phát triển bền vững của ngành cao su thiên nhiên đã chuyển biến nhanh trước yêu cầu của thị trường, đòi hỏi các nhà sản xuất không chỉ đảm bảo chất lượng, giá cả cạnh tranh, có uy tín kinh doanh, mà còn phải có trách nhiệm đối với xã hội và môi trường.



Với vị thế là doanh nghiệp nòng cốt của ngành cao su Việt Nam, Tập đoàn đã công bố cam kết phát triển bền vững vào cuối năm 2017 và tiếp tục khẳng định qua việc ban hành Nghị quyết số 16/NQ-HĐQTCSVN ngày 18/10/2018 của HĐQT Tập đoàn về Doanh nghiệp phát triển bền vững với mục tiêu phát triển kinh tế gắn với trách nhiệm xã hội và môi trường.

Tháng 11/2019 vừa qua, nhằm phát triển ngành cao su theo hướng hiệu quả, bền vững đến năm 2030 và xác định tầm nhìn cho những năm tiếp theo, Ban Kinh tế Trung ương phối hợp với Bộ NN&PTNT, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và các địa phương tổ chức Hội nghị Phát triển cao su hiệu quả, bền vững đến năm 2030. Hội nghị đã tập trung nghiên cứu, đánh giá, đề xuất chủ trương, chính sách đối với việc phát triển ngành cao su.

Để phát triển hiệu quả và bền vững trong thời gian tới, ngành cao su cần có tầm nhìn dài hạn, tổ chức lại sản xuất theo hướng liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm cao su;

quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp trồng cao su. Từ đó, ngành cao su hướng đến việc khuyến khích thu hút các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư phát triển sản xuất, trồng, chế biến các sản phẩm công nghiệp cao su.

9. Chính sách đối với người lao động

➤ Số lượng lao động hiện nay của toàn Tập đoàn là hơn 84 nghìn người. Số lượng lao động Công ty mẹ - Tập đoàn là hơn 220 người, chủ yếu tập trung tại Văn phòng Trụ sở làm việc của Tập đoàn, nơi điều hành công tác quản trị và mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

➤ Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Tập đoàn tổ chức làm việc không quá 8h/ngày, 48 giờ trong tuần. Tùy theo điều kiện, khối lượng công việc và khả năng thực hiện nhiệm vụ mà tổ chức thực hiện chế độ làm việc 40 giờ trong tuần (05 ngày) nghỉ thứ 7, chủ nhật. Trường hợp phải làm thêm giờ do yêu cầu của sản xuất kinh doanh không quá 04 giờ trong một ngày và 200 giờ trong một năm.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Tập đoàn được nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm, thai sản theo quy định của Bộ Luật lao động.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Những CBCNV do yêu cầu công việc phải đi công tác xa sẽ được hưởng phụ cấp công tác phí và thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật và quy chế của Tập đoàn.

➤ Chính sách lương và thưởng

CBCNV của Tập đoàn được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tùy cương vị công tác mà CBCNV Tập đoàn còn nhận được phụ cấp liên quan.

Tập đoàn luôn đảm bảo trả lương thỏa đáng đối với người có tài năng, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật và đóng góp nhiều cho Tập đoàn, nhằm tạo động lực khuyến khích, động viên CBCNV không ngừng phấn đấu tăng năng suất lao động, chất lượng công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

10. Chính sách cổ tức

HDQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để

trình ĐHCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Tập đoàn thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Tập đoàn cũng xét tới kế hoạch và định hướng, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.

Từ ngày 01/6/2018, Tập đoàn chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần và mức cổ tức chi trả cho 07 tháng cuối năm 2018 là 2,5%/mệnh giá.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Tập đoàn tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

Năm tài chính đầu tiên của Tập đoàn hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01/6/2018 và kết thúc vào ngày 31/12/2018.

a) Trích khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Tài sản cố định của Công ty được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản cố định của Công ty hiện tại như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 08 - 25 năm
- Máy móc thiết bị : 06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn : 05 – 08 năm
- Thiết bị văn phòng : 03 - 05 năm
- Các tài sản khác : 08 - 20 năm
- Phần mềm quản lý : 02 - 20 năm

b) Mức lương bình quân

Mức thu nhập bình quân của người lao động trong toàn Tập đoàn hiện nay vào khoảng 7,2 triệu đồng và mức thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty mẹ Tập đoàn vào khoảng

19 triệu đến 22 triệu đồng.

c) Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Căn cứ vào các Báo cáo tài chính kiểm toán, Báo cáo tài chính Quý 3/2019, đến thời điểm 30/09/2019, Tập đoàn không có các khoản nợ phải trả quá hạn.

d) Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 6 – Các loại thuế phải nộp của Tập đoàn (Hợp nhất)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	9 tháng năm 2019
1	Thuế giá trị gia tăng nội địa	670.819	766.106	493.636
2	Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	25.687	38.712	21.353
3	Thuế xuất nhập khẩu	13.792	31.568	22.035
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	756	5.175
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	770.176	1.011.206	553.100
6	Thuế tài nguyên	55.180	38.739	17.838
7	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	669.541	968.660	378.908
8	Thuế bảo vệ môi trường	10.129	4.849	6.580
9	Thuế môn bài	474	396	595
10	Thuế thu nhập cá nhân	47.833	59.256	36.945

11	Các loại thuế khác	23.966	16.955	21.418
12	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	713.277	987.630	5.438
Tổng cộng		3.000.875	3.924.836	1.563.200

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2017, các BCTC kiểm toán 2018 và BCTC **9T/2019** – Hợp nhất)

Ghi chú:

- Giai đoạn trước 01/6/2018: Tập đoàn hoạt động theo mô hình Công ty TNHH
- Giai đoạn từ 01/6/2018 trở về sau: Tập đoàn hoạt động theo mô hình CTCP

Bảng 7 - Các loại thuế phải nộp của Tập đoàn (Công ty mẹ)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	9 tháng năm 2019
1	Thuế giá trị gia tăng	-	-	4.197
2	Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	18
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.396)	-	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.418	2.229	2.990
5	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.145	1.563	1.723
6	Các loại thuế khác	3	3	170
7	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	712.528	942.380	-
Tổng cộng		709.698	946.175	9.099

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2017, các BCTC kiểm toán 2018 và BCTC **9T/2019** – Công ty mẹ)

Ghi chú:

- Giai đoạn trước 01/6/2018: Tập đoàn hoạt động theo mô hình Công ty TNHH
- Giai đoạn từ 01/6/2018 trở về sau: Tập đoàn hoạt động theo mô hình CTCP

e) Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tập đoàn thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn và quy định của pháp luật hiện hành.

Bảng 8 - Số dư các quỹ của Tập đoàn (Hợp nhất)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/9/2019
1	Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.873.024	1.229.368	766.309
2	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	182.621	192.657	191.135
3	Quỹ đầu tư phát triển	8.082.213	2.439.092	2.987.831
Tổng cộng		10.137.858	3.861.117	3.945.275

*(Nguồn: BCTC kiểm toán 2017, các BCTC kiểm toán 2018 và BCTC 9T/2019 – Hợp nhất)***Ghi chú:**

- Giai đoạn trước 01/6/2018: Tập đoàn hoạt động theo mô hình Công ty TNHH
- Giai đoạn từ 01/6/2018 trở về sau: Tập đoàn hoạt động theo mô hình CTCP

Bảng 9 - Số dư các quỹ của Tập đoàn (Công ty mẹ)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/9/2019
1	Quỹ khen thưởng phúc lợi	86.501	71.447	48.906
2	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	-	-
3	Quỹ đầu tư phát triển	4.642.923	-	319.723
Tổng cộng		4.729.424	71.447	368.629

*(Nguồn: BCTC kiểm toán 2017, các BCTC kiểm toán 2018 và BCTC 9T/2019 – Công ty mẹ)***Ghi chú:**

- Giai đoạn trước 01/6/2018: Tập đoàn hoạt động theo mô hình Công ty TNHH
- Giai đoạn từ 01/6/2018 trở về sau: Tập đoàn hoạt động theo mô hình CTCP

f) Tổng dư nợ vay

Bảng 10 – Tổng dư nợ vay của Tập đoàn (Hợp nhất)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/9/2019
1	Vay nợ ngắn hạn, trong đó:	3.328.465	3.367.803	2.563.346
1.1	- Vay ngân hàng	2.513.797	1.775.566	1.306.219
1.2	- Vay dài hạn đến hạn trả	814.668	1.592.237	1.257.127
2	Vay nợ dài hạn, trong đó:	10.109.574	10.031.646	9.662.028
2.1	- Vay ngân hàng	10.109.574	10.031.646	9.662.028
2.2	- Vay tổ chức, cá nhân khác	-	-	-
Tổng cộng		13.438.039	13.399.449	12.225.374

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2017, các BCTC kiểm toán 2018 và BCTC **9T/2019** – Hợp nhất)

Ghi chú:

- Giai đoạn trước 01/6/2018: Tập đoàn hoạt động theo mô hình Công ty TNHH
- Giai đoạn từ 01/6/2018 trở về sau: Tập đoàn hoạt động theo mô hình CTCP

Bảng 11 - Tổng dư nợ vay của Tập đoàn (Công ty mẹ)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/9/2019
1	Vay nợ ngắn hạn, trong đó:	34.171	31.515	31.515
1.1	- Vay ngân hàng	2.657	-	-
1.2	- Vay dài hạn đến hạn trả	31.515	31.515	31.515
2	Vay nợ dài hạn, trong đó:	252.117	220.602	173.330

2.1	- Vay ngân hàng	252.117	220.602	173.330
2.2	- Vay tổ chức, cá nhân khác	-	-	-
Tổng cộng		286.288	252.117	204.845

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2017, các BCTC kiểm toán 2018 và BCTC **9T/2019** – Công ty mẹ)

Ghi chú:

- Giai đoạn trước 01/6/2018: Tập đoàn hoạt động theo mô hình Công ty TNHH
- Giai đoạn từ 01/6/2018 trở về sau: Tập đoàn hoạt động theo mô hình CTCP

Tổng nợ vay của Tập đoàn và Công ty mẹ giảm dần từ năm 2017 đến hết 9 tháng năm 2019. Cơ cấu nợ vay chủ yếu từ các khoản vay ngân hàng và tỷ trọng chiếm lớn nhất là các khoản vay dài hạn. Đây là khoản vay AFD từ nguồn ODA để thực hiện dự án “Chương trình phát triển cao su quốc doanh khu vực Tây Nguyên”. Do ngành cao su phải trải qua giai đoạn xây dựng cơ bản kéo dài qua nhiều năm, rồi bước vào giai đoạn kinh doanh nên cơ cấu nợ vay chủ yếu được sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng cơ bản. Điều này phản ánh đúng về nguyên tắc an toàn trong rủi ro tín dụng là nguồn dài hạn sẽ được tài trợ cho tài sản dài hạn.

g) Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 12 -Số dư các khoản phải thu (Hợp nhất)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/9/2019
I	Phải thu ngắn hạn	3.295.173	3.525.376	2.852.286
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.778.530	1.758.682	1.056.265
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	610.736	552.429	526.991
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	9.995	12.793	2.430
4	Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-
5	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-	-
6	Phải thu ngắn hạn khác	964.273	1.334.271	1.494.546

7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(91.305)	(154.140)	(248.836)
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	22.944	21.341	20.890
II	Phải thu dài hạn	1.449.184	880.799	954.293
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-
2	Trả trước cho người bán dài hạn	75.464	76.909	76.031
3	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-	-
4	Phải thu nội bộ dài hạn	-	-	-
5	Phải thu về cho vay dài hạn	1.143.163	1.023.717	992.374
6	Phải thu dài hạn khác	261.527	278.362	311.873
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(30.971)	(498.190)	(425.985)
Tổng cộng		4.744.357	4.406.175	3.806.579

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2017, các BCTC kiểm toán 2018 và BCTC 9T/2019 – Hợp nhất)

Ghi chú:

- Giai đoạn trước 01/6/2018: Tập đoàn hoạt động theo mô hình Công ty TNHH
- Giai đoạn từ 01/6/2018 trở về sau: Tập đoàn hoạt động theo mô hình CTCP

Bảng 13 - Số dư các khoản phải thu (Công ty mẹ)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/9/2019
I	Phải thu ngắn hạn	892.634	1.971.221	1.442.575
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.535	6.227	13.627
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	21.327	5.585	61.860
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	131.105	231.983	295.626

4	Phải thu ngắn hạn khác	762.078	1.836.829	1.222.848
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(26.411)	(109.403)	(151.386)
II	Phải thu dài hạn	2.492.816	1.348.373	1.600.549
1	Phải thu về cho vay dài hạn	1.326.242	1.176.335	1.136.514
2	Phải thu dài hạn khác	1.169.129	643.030	940.075
3	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(2.555)	(470.992)	(476.040)
Tổng cộng		3.385.450	3.319.594	3.043.124

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2017, các BCTC kiểm toán 2018 và BCTC **9T/2019** – Công ty mẹ)

Ghi chú:

- Giai đoạn trước 01/6/2018: Tập đoàn hoạt động theo mô hình Công ty TNHH
- Giai đoạn từ 01/6/2018 trở về sau: Tập đoàn hoạt động theo mô hình CTCP

Các khoản công nợ phải thu của Tập đoàn có xu hướng giảm qua các năm, từ 3.385 tỷ đồng năm 2017, giảm nhẹ xuống 3.319 tỷ đồng vào năm 2018 và đến hết 9 tháng năm 2019, số công nợ phải thu giảm khá mạnh còn 3.043 tỷ đồng.

Trong cơ cấu nợ phải thu ngắn hạn, khoản chiếm tỷ trọng lớn nhất là khoản “Phải thu ngắn hạn khác” là 1.222 tỷ đồng, chiếm hơn 84,7% trong tổng nợ phải thu ngắn hạn. Khoản phải thu khác chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nợ phải thu chủ yếu do ghi nhận các khoản phải thu về lợi nhuận tập trung 714 tỷ đồng và phải thu về cổ phần hóa 211 tỷ đồng. Khoản chiếm tỷ trọng lớn thứ 2 trong cơ cấu nợ phải thu ngắn hạn là khoản “Phải thu về cho vay ngắn hạn” là 295 tỷ đồng, chiếm hơn 20,4%. Khoản phải thu này chủ yếu là các khoản cho đơn vị thành viên tập đoàn vay ngắn hạn để bù đắp nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

Nợ phải thu dài hạn chủ yếu tập trung ở khoản mục “Phải thu về cho vay dài hạn” là 1.136 tỷ đồng, chiếm hơn 71% trong cơ cấu các khoản phải thu dài hạn. Trong đó chủ yếu là các khoản cho vay được nhận sáp nhập từ Công ty TNHH MTV Tài chính Cao su Việt Nam là 942 tỷ đồng, còn lại là các khoản giải ngân hợp đồng vay vốn AFD từ nguồn OAD cho các dự án phát triển cao su khu vực Tây Nguyên. Bên cạnh đó khoản “Phải thu dài hạn khác” với hơn 940 tỷ đồng, chủ yếu là phải thu về từ tiền tạm ứng vốn điều lệ cho các đơn vị tập đoàn đầu tư 100% vốn để bổ sung nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

Khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đều thuộc diện trích lập dự phòng các khoản phải thu về cho vay, trong đó là khoản trích lập dự phòng hơn 476 tỷ đồng về các nhóm nợ đối với hoạt động tín dụng của Công ty TNHH MTV Tài chính Cao su Việt Nam. Các khoản dự phòng phải thu còn lại là khoản phải thu từ các hoạt động cho vay ngắn hạn đối với các Công ty con.

Bảng 14 – Số dư các khoản phải trả (Hợp nhất)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/9/2019
I	Nợ ngắn hạn	10.474.302	10.046.581	7.819.902
1	Phải trả người bán ngắn hạn	1.045.167	1.072.484	1.093.529
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	673.979	652.580	474.850
3	Thuế và các khoản phải nộp NN	343.045	624.789	317.593
4	Phải trả người lao động	1.583.104	1.359.200	850.804
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	241.949	306.927	440.742
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	-	-
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	169.414	227.210	182.307
9	Phải trả ngắn hạn khác	1.214.997	1.206.221	1.130.226
10	Vay & nợ thuê tài chính ngắn hạn	3.328.465	3.367.803	2.563.346
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.159	-	193
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.873.024	1.229.368	766.309
13	Quỹ bình ổn giá	-	-	-
14	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	-	-

II	Nợ dài hạn	15.974.140	17.693.318	18.467.352
1	Phải trả người bán dài hạn	2.046	2.087	118
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	71.239	185.363	148.891
3	Chi phí phải trả dài hạn	27.004	57.735	56.352
4	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	-	-	-
5	Phải trả nội bộ dài hạn	-	-	-
6	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	5.397.838	7.002.401	8.196.499
7	Phải trả dài hạn khác	183.797	221.430	212.149
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	10.109.574	10.031.646	9.662.028
9	Trái phiếu chuyển đổi	-	-	-
10	Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-
11	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20	-	-
12	Dự phòng phải trả dài hạn	-	-	-
13	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	182.621	192.657	191.135
Tổng cộng		26.448.441	27.739.890	26.296.254

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2017, các BCTC kiểm toán 2018 và BCTC **9T/2019** – Hợp nhất)

Ghi chú:

- Giai đoạn trước 01/6/2018: Tập đoàn hoạt động theo mô hình Công ty TNHH
- Giai đoạn từ 01/6/2018 trở về sau: Tập đoàn hoạt động theo mô hình CTCP

Bảng 15 - Số dư các khoản phải trả (Công ty mẹ)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/9/2019
I	Nợ ngắn hạn	335.274	314.876	243.096
1	Phải trả người bán ngắn hạn	13.046	51.023	29.198
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	8.811	6.347	6.772
3	Thuế và các khoản phải nộp NN	28.811	10.369	-
4	Phải trả người lao động	18.399	28.772	18.994
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	36.505	5.788	9.605
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	156	1.774	1.578
7	Phải trả ngắn hạn khác	108.872	107.841	96.528
8	Vay & nợ thuê tài chính ngắn hạn	34.171	31.515	31.515
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	86.501	71.447	48.906
II	Nợ dài hạn	235.678	204.244	188.426
1	Phải trả dài hạn khác	15.076	15.156	15.096
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	220.602	189.088	173.330
3	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	-	-
Tổng cộng		570.952	519.120	431.522

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2017, các BCTC kiểm toán 2018 và BCTC **9T/2019** – Công ty mẹ)**Ghi chú:**

- Giai đoạn trước 01/6/2018: Tập đoàn hoạt động theo mô hình Công ty TNHH
- Giai đoạn từ 01/6/2018 trở về sau: Tập đoàn hoạt động theo mô hình CTCP

Các khoản công nợ phải trả của Tập đoàn có chiều hướng giảm dần từ năm 2017 đến 9 tháng năm 2019. Tại thời điểm ngày 30/09/2019, tổng dư nợ phải trả của Tập đoàn là 431 tỷ đồng, trong đó nợ phải trả ngắn hạn là 243 tỷ đồng, chiếm 56,31% và dư nợ phải trả dài hạn là 188 tỷ đồng, chiếm 43,7% tổng dư nợ phải trả.

Nợ phải trả ngắn hạn chủ yếu tập trung trên khoản “Phải trả ngắn hạn khác” có mức dư nợ là 96 tỷ đồng, chiếm gần 40% trong tổng nợ phải trả ngắn hạn. Trong đó chủ yếu là dư nợ từ khoản phải trả về cổ phần hóa 75 tỷ đồng và khoản phải trả tiền lãi vay nhận từ Công ty TNHH MTV Tài chính Cao su Việt Nam 13 tỷ đồng. Khoản phải trả ngắn hạn khác ít biến động qua các kỳ kế toán. Ngoài ra các khoản mục nợ phải trả ngắn hạn khác chiếm tỷ trọng nhỏ và có mức biến động không lớn trong toàn bộ hoạt động chung của Tập đoàn.

Nợ phải trả dài hạn chủ yếu là do dư nợ về phải trả về “Vay và nợ thuê tài chính dài hạn” chiếm đến hơn 92% trong tổng nợ phải trả dài hạn. Khoản mục còn lại là “Phải trả dài hạn khác”, chiếm tỷ trọng không đáng kể, chủ yếu là khoản nhận ủy thác từ việc góp vốn vào Công ty Cổ phần VRG Đắk Nông và các khoản nhận ký quỹ dài hạn.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 16 - Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Tập đoàn (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	9 tháng năm 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,64	1,83	2,32
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,30	1,51	1,89
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,36	0,36	0,35
Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,55	0,56	0,53
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho bình quân	Lần	4,82	4,45	3,08

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	9 tháng năm 2019
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,27	0,25	0,17
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	19,63%	16,91%	17,83%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	8,44%	6,83%	4,65%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	5,46%	4,39%	3,01%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần	%	17,36%	12,12%	13,47%

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2017, các BCTC kiểm toán 2018 và BCTC 9T/2019 – Hợp nhất)

Ghi chú:

- Giai đoạn trước 01/6/2018: Tập đoàn hoạt động theo mô hình Công ty TNHH
- Giai đoạn từ 01/6/2018 trở về sau: Tập đoàn hoạt động theo mô hình CTCP

Bảng 17 - Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Tập đoàn (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	9 tháng năm 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	4,10	11,07	12,26
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	4,10	11,07	12,25
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,01	0,01	0,01
Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,01	0,01	0,01

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	9 tháng năm 2019
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho bình quân	Lần	32,29	694,11	338,29
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,01	0,01	0,01
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	185,60%	476,77%	165,46%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	2,73%	6,79%	2,09%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	2,67%	6,70%	2,07%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần	%	182,75%	475,80%	164,86%

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2017, các BCTC kiểm toán 2018 và **BCTC 9T/2019** – Công ty mẹ)

Ghi chú:

- Giai đoạn trước 01/6/2018: Tập đoàn hoạt động theo mô hình Công ty TNHH
- Giai đoạn từ 01/6/2018 trở về sau: Tập đoàn hoạt động theo mô hình CTCP

Hệ số về khả năng thanh toán trong toàn Tập đoàn luôn duy trì ở mức lớn hơn 1, phản ánh mức độ an toàn trong việc thanh toán các khoản nợ trong tương lai. Đặc biệt chỉ tiêu khả năng thanh toán nhanh cũng lớn hơn 1 và đạt 1,51 lần vào năm 2018. Điều này cho thấy khả năng thanh khoản trong việc quản lý công nợ của toàn Tập đoàn luôn ở mức an toàn. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Tập đoàn hầu hết đều tăng dần qua các năm 2017 và 2018. Đến 9 tháng đầu năm 2019, các hệ số về thanh khoản vẫn duy trì ở mức ổn định và có xu hướng tăng nhẹ, đảm bảo cho khả năng thanh toán của Tập đoàn, với hệ số thanh toán ngắn hạn là 2,32% và hệ số thanh toán nhanh là 1,89%.

Cơ cấu nợ của Tập đoàn luôn duy trì ở mức thấp, với chỉ tiêu Nợ/Tổng tài sản bình quân lần lượt vào các năm 2017, 2018 và 9 tháng năm 2019 đều đạt mức 0,35 lần đến 0,36 lần. Chỉ tiêu Nợ/Vốn chủ sở hữu luôn duy trì quanh mức 0,53 lần đến 0,56 lần cho thấy hầu hết nguồn lực của

Tập đoàn được tài trợ từ nguồn vốn tự có. Từ đó Tập đoàn luôn đảm bảo an toàn trong hoạt động, nhưng cũng khai thác đầy đủ sức mạnh từ các nguồn lực khác để có thể gia tăng lợi nhuận bằng đòn bẩy tài chính và đòn bẩy kinh doanh.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động trong 2 năm duy trì ở mức tương đối đồng đều. Chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho duy trì ở mức 4,82 lần và 4,45 lần tương ứng cho 2 năm 2017 và 2018. Tương tự là chỉ tiêu Doanh thu thuần so với tổng tài sản trong 2 năm 2017 và 2018 tương ứng ở mức 0,27 lần và 0,25 lần. Trong 9 tháng năm 2019, các chỉ tiêu này có xu hướng giảm nhẹ. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Tập đoàn có xu hướng giảm qua các năm từ 2017 đến 9 tháng năm 2019. Tuy nhiên, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế so với doanh thu thuần và chỉ tiêu lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh so với doanh thu thuần được cải thiện đáng kể và tăng lên ở mức tương ứng là 17,83% và 13,47%.

Trong 2 năm 2017 và 2018 là giai đoạn Tập đoàn tập trung nguồn lực để thực hiện công tác cổ phần hóa, chuyển đổi mô hình hoạt động, tập trung quản trị theo quy mô của một công ty cổ phần đại chúng. Điều này, đã ảnh hưởng đến khả năng sinh lời đối với các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Với những năm tiếp theo, khi thích ứng với mô hình hoạt động mới, phù hợp theo xu hướng của nền kinh tế thị trường, thì khả năng sinh lời của Tập đoàn sẽ được cải thiện theo hướng khả quan.

12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

STT	Họ tên các thành viên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Trần Ngọc Thuận	Chủ tịch HĐQT	
2	Ông Huỳnh Văn Bảo	Thành viên HĐQT	TV. HĐQT điều hành
3	Ông Trần Đức Thuận	Thành viên HĐQT	
4	Ông Phạm Văn Thành	Thành viên HĐQT	
5	Ông Hà Văn Khương	Thành viên HĐQT	
6	Ông Phan Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	TV. HĐQT độc lập

STT	Họ tên các thành viên	Chức danh	Ghi chú
7	Ông Nguyễn Hay	Thành viên HĐQT	TV. HĐQT độc lập

a) Ông Trần Ngọc Thuận – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 26/11/1960 Giới tính: Nam
- Nơi sinh: Nông trường Quyết Thắng, Huyện Vĩnh Linh, Tỉnh Quảng Trị.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Giấy CMND/Hộ chiếu số: 025162878 cấp ngày: 18/11/2009 tại CA TPHCM
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí - Đại học Nông Lâm TP.HCM
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tập đoàn: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- ***Quá trình công tác:***

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
3/1985 - 4/1986	Kỹ sư Xưởng Cơ khí - Xí nghiệp Cơ khí Chế biến - Cty Cao su Bình Long - Tổng cục Cao su.
5/1986 - 7/1986	Xưởng Phó Xưởng Cơ khí - Xí nghiệp Cơ khí Chế biến - Công ty Cao su Bình Long - TCCS
8/1986 - 01/1991	Phó Giám đốc Xí nghiệp Cơ khí Chế biến - Công ty Cao su Bình Long, Tổng cục Cao su
01/1991 - 12/1997	Thường vụ Đảng ủy Công ty, Giám đốc Xí nghiệp Cơ khí Chế biến - Công ty Cao su Bình Long - Tổng Công ty Cao su Việt Nam.
01/1998 - 01/2001	Thường vụ Đảng ủy Công ty - Phó Giám đốc Công ty Cao su Bình Long - Tổng Công ty Cao su Việt Nam; Đại biểu Hội đồng Nhân dân Tỉnh Bình Phước (1999 - 2004).
02/2001 - 9/2005	Thường vụ Đảng ủy, Giám đốc Công ty Cao su Bình Long - Tổng Công ty Cao su Việt Nam; Tỉnh ủy viên Tỉnh Bình Phước (Khoá VII , Năm 2001 - 2005).
10/2005 - 04/2007	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cao su Việt Nam (Ủy viên BCH Hội Nông dân Việt Nam từ 2003 - 2008).

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
04/2007- 04/2009	Ủy viên BCH Đảng bộ - Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; Ủy viên Thường vụ Công đoàn Cao su Việt Nam.
04/2009 - 03/2010	Phó Bí thư Đảng ủy - Ủy viên Hội đồng Quản trị - Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; Ủy viên Thường vụ Công đoàn Cao su Việt Nam.
03/2010 - 07/2010	Phó Bí thư Đảng ủy - Ủy viên Hội đồng Quản trị - Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; Ủy viên Thường vụ Công đoàn Cao su Việt Nam; Phó Chủ tịch Hiệp hội Cao su Việt Nam.
08/2010 - 01/2012	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy khối Doanh nghiệp Trung ương; Bí thư Đảng ủy - Thành viên Hội đồng Thành viên - Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; Ủy viên Thường vụ Công đoàn Cao su Việt Nam; Đại biểu Quốc hội Khóa XIII; Phó Chủ tịch Hiệp hội Cao su Việt Nam.
01/2012 - 06/2012	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy khối Doanh nghiệp Trung ương; Bí thư Đảng ủy - Phụ trách Hội đồng Thành viên - Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; Ủy viên Thường vụ Công đoàn Cao su Việt Nam; Đại biểu Quốc hội Khóa XIII; Chủ tịch Hiệp hội Cao su Việt Nam.
06/2012 - 06/2013	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy khối Doanh nghiệp Trung ương; Bí thư Đảng ủy - Thành viên Hội đồng Thành viên - Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; Ủy viên Thường vụ Công đoàn Cao su Việt Nam; Đại biểu Quốc hội Khóa XIII; Chủ tịch Hiệp hội Cao su Việt Nam.
06/2013 - 06/2015	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy khối Doanh nghiệp Trung ương; Bí thư Đảng ủy - Thành viên Hội đồng Thành viên - Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; Đại biểu Quốc hội Khóa XIII; Chủ tịch Hiệp hội Cao su Việt Nam; Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nông dân Việt Nam Khoá VI, nhiệm kỳ 2013 - 2018.

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
06/2015 - 5/2018	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy khối Doanh nghiệp Trung ương; Bí thư Đảng ủy - Thành viên Hội đồng Thành viên - Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; Chủ tịch Hiệp hội Cao su Việt Nam, Ủy viên BCH Hội Nông dân Việt Nam Khoá VI, Thành viên Hội đồng Trường Đại học Nông Lâm Tp.HCM (từ năm 2016 - nay)
05/2018 – đến nay	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy khối Doanh nghiệp Trung ương; Bí thư Đảng ủy Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; Chủ tịch Hiệp hội Cao su Việt Nam, Ủy viên BCH Hội Nông dân Việt Nam Khoá VI; Thành viên Hội đồng Trường Đại học Nông Lâm Tp.HCM (từ năm 2016 - nay)
06/2018 – đến nay	Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần

- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu cá nhân: 204.700 cổ phần, tỷ lệ: 0,0051%
 - + Sở hữu đại diện (*Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại **Doanh nghiệp***): 1.270.797.719 cổ phần, tỷ lệ: 31,77%.
- Danh sách những người có liên quan sở hữu cổ phần của Tập đoàn:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu (nếu có)	Mối quan hệ
1.	Trần Thị Kim Thanh	13.200 cổ phần; tỷ lệ: 0,0003%	Em gái
2.	Lê Văn Vui	5.200 cổ phần; tỷ lệ: 0,0001%	Em rể

- Các khoản nợ đối với Tập đoàn: không.
- Lợi ích liên quan với Tập đoàn: Thành viên HĐQT không điều hành.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tập đoàn : không.

b) Ông Huỳnh Văn Bảo : Thành viên Hội đồng quản trị – Tổng giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 01/01/1963 Giới tính: Nam
- Nơi sinh: An Nhơn, Bình Định.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Hộ chiếu số: C3392100; Ngày cấp: 31/5/2017; Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tập đoàn: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
1984 - 1994	Cán bộ Kế toán Công ty Cao su Đồng Nai.
1994 - 2004	Kế toán Trưởng - Trưởng Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cao su Bà Rịa.
2004 - 03/2009	Phó Giám đốc, Giám đốc; Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình; UVTV Công ty Cao su Bà Rịa.
04/2009 - 09/2010	Kế toán Trưởng kiêm Trưởng Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn Công nghiệp Cao su VN.
09/2010 - 07/2013	Kế toán Trưởng kiêm Trưởng Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn Công nghiệp Cao su VN kiêm Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam.
07/2013 - 12/2015	Kế toán Trưởng kiêm Trưởng Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn Công nghiệp Cao su VN; kiêm Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam và Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long.
12/2015 - 09/2016	Kế toán Trưởng kiêm Trưởng Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn Công nghiệp Cao su VN; kiêm Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long.
09/2016 - 12/2017	Phó Tổng Giám đốc, Kế toán Trưởng kiêm Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; kiêm Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long. UVTV Đảng ủy Tập đoàn, Bí thư Đảng ủy Cơ quan.

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
01/2018 - 5/2018	Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; kiêm Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long; UVTV Đảng ủy Tập đoàn, Bí thư Đảng ủy Cơ quan.
6/2018 – đến nay	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần; UVTV Đảng ủy Tập đoàn, Bí thư Đảng ủy Cơ quan.

- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu cá nhân: 15.800 cổ phần; tỷ lệ: 0,0004%
 - + Sở hữu đại diện (*Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp*): 800.103.210 cổ phần; tỷ lệ: 20%
- Danh sách những người có liên quan sở hữu cổ phần của Tập đoàn:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu (nếu có)	Mối quan hệ
1	Lê Thị Kim Thảo	102.800 cổ phần; tỷ lệ: 0,0026%	Vợ

- Các khoản nợ đối với Tập đoàn: không
- Lợi ích liên quan với Tập đoàn: Thành viên HĐQT Điều hành.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tập đoàn : không.

c) Ông Trần Đức Thuận – Thành viên Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 25/01/1961 Giới tính: Nam
- Nơi sinh: TP. Huế, Thừa Thiên - Huế
- Quốc tịch: Việt Nam
- Căn cước công dân số: 046061000195; Ngày cấp: 23/10/2018; Nơi cấp: Cục Quản lý Hành chính và Trật tự xã hội.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán; Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tập đoàn: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Trưởng Ban Tổ chức Nhân sự, Trưởng Ban Kiểm tra Thanh tra.

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- **Quá trình công tác:**

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
4/1986 - 1989	Cán bộ Vụ Tài chính Kế toán Tổng cục Cao su.
1989 - 9/1995	Cán bộ Phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Cao su Việt Nam.
9/1995 - 12/2003	Phó Trưởng Phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Cao su Việt Nam.
12/2003 - 04/2007	Phó Trưởng Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty Cao su Việt Nam.
04/2007 - 12/2010	Phó Trưởng Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.
12/2010 - 09/2012	Kiểm soát viên Phụ trách chung kiêm Phó Trưởng Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.
09/2012 - 08/2013	Thành viên Hội đồng Thành viên kiêm Phó Trưởng Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.
08/2013 - 11/2014	Thành viên Hội đồng Thành viên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.
11/2014 - 07/2015	Thành viên Hội đồng Thành viên kiêm Trưởng Ban Tổ chức Cán bộ Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.
07/2015 - 5/2018	Thành viên Hội đồng Thành viên kiêm Trưởng Ban Tổ chức Cán bộ Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; Ủy viên UBKT Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương; Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; Phó Bí thư Chi bộ Lãnh đạo Tập đoàn.
6/2018 – đến nay	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Trưởng Ban Tổ chức Nhân sự, Trưởng Ban Kiểm tra Thanh tra Tập đoàn; Ủy viên UBKT Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương; Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy Tập đoàn; Phó Bí thư Chi bộ Lãnh đạo Tập đoàn.

- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu cá nhân: 20.100 cổ phần; tỷ lệ 0,0005 %
 - + Sở hữu đại diện (*Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp*): 599.980.630 cổ phần; tỷ lệ 15%
- Danh sách những người có liên quan sở hữu cổ phần của Tập đoàn: Không có
- Các khoản nợ đối với Tập đoàn: không.
- Lợi ích liên quan với Tập đoàn: Thành viên HĐQT.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tập đoàn : không.

d) Ông Phạm Văn Thành - Thành viên Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 20/11/1962 Giới tính: Nam
- Nơi sinh: Phước Thành, Tuy Phước, Bình Định.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Giấy CMND/Hộ chiếu số: 052062000179 cấp ngày: 11/02/2019 tại Cục cảnh sát QLHC và TTXH.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tập đoàn: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Trưởng Ban Kế hoạch Đầu tư.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP VRG Đá Bình Định; Thành viên HĐQT Công ty Khoáng sản Fico Tây Ninh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
1980-1985	Học tại trường Đại học Nông nghiệp IV TP HCM
10/1985-1992	Nhân viên Công ty Xây dựng và Tư vấn đầu tư
1992-9-1998	Phó Giám đốc Xí nghiệp Tư vấn - Công ty Xây dựng và Tư vấn đầu tư
9-1998 -5/2007	Chuyên viên Ban Kế hoạch Đầu tư Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
5/2007 -2/2009	Phó trưởng Ban Kế hoạch Đầu tư Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
2/2009 - 9/2016	Trưởng Ban Kế hoạch Đầu tư Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
9/2016 - 5/2018	Thành viên Hội đồng Thành viên kiêm Trưởng Ban Kế hoạch Đầu tư Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
6/2018 - đến nay	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Trưởng Ban Kế hoạch Đầu tư Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần

- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu cá nhân: 53.100 cổ phần; tỷ lệ: 0,0013%
 - + Sở hữu đại diện (*Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp*): 599.980.630 cổ phần; tỷ lệ: 15%
- Danh sách những người có liên quan sở hữu cổ phần của Tập đoàn:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu (nếu có)	Mối quan hệ
1.	Võ Thị Hoàng Hồng	1.800 cổ phần; tỷ lệ: 0,00005%	Vợ

- Các khoản nợ đối với Tập đoàn: không.
- Lợi ích liên quan với Tập đoàn: Thành viên HĐQT.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tập đoàn : không.

e) Ông Hà Văn Khương - Thành viên Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 13/02/1970 Giới tính: Nam
- Nơi sinh: Vĩnh Sơn-Vĩnh Tường-Vĩnh Phúc
- Quốc tịch: Việt Nam
- Giấy CMND/Hộ chiếu số: 026070002487; Ngày cấp: 08/10/2018; Nơi cấp: Cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Khoa học Nông nghiệp – Chuyên ngành Khoa học đất trồng - Đại học Adelaide - Úc
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tập đoàn: Thành viên Hội đồng quản trị, kiêm Trưởng ban Quản lý Kỹ thuật Tập đoàn;
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQTV Xí nghiệp liên doanh nghiên cứu Khoa học và Sản xuất thực nghiệm cao su Việt Xô (Visorutex), Chủ tịch HĐQTV Công ty TNHH MTV Cao su Nam Giang - Quảng Nam, Chủ tịch HĐQTV Công ty TNHH MTV Cao su Thanh Hóa
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
02/1989 - 5/1989	Nhập ngũ huấn luyện Quân sự tại Trường sỹ quan Biên phòng
6/1989 - 02/1990	Học viên Trường Trung cấp Thông tin liên lạc - Bộ Nội vụ tại Văn Giang - Hải Hưng (nay là Hải Dương).
3/1990 - 7/1992	Bảo vệ viên (Trung sỹ) - Đơn vị C20, Thường trực Bộ Tư lệnh Biên phòng, Cơ quan Thường trú tại phía Nam - Số 1 Phạm Viết Chánh - Quận 1 - TP. HCM
8/1992 - 02/1998	Sinh viên Trường Đại học Nông lâm, TP. Hồ Chí Minh.
02/1998 - 02/2004	Chuyên viên Ban Quản lý Kỹ thuật - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.
02/2004 - 9/2005	Học Cao học tại Australia, theo chương trình học bổng của Chính phủ Việt Nam, tại Trường Đại học ADALAIDE University, ngành Bảo dưỡng và Quản lý Đất trồng
9/2005 - 11/2011	Chuyên viên Ban Quản lý Kỹ thuật Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.
11/2011 - 03/2013	Phó Ban Quản lý Kỹ thuật Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.
03/2013 - 07/2015	- Phó Ban Quản lý Kỹ thuật Tập đoàn Công nghiệp Cao su VN; - Ủy viên HĐQT CTCP Cao su Sa Thầy.
07/2015 - 09/2016	- Phó Ban Quản lý Kỹ thuật; Phó Bí thư Chi bộ; UV. BCH Đảng bộ Tập đoàn, Đảng bộ Cơ quan; - Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận; - Ủy viên HĐQT CTCP Cao su Sa Thầy;
09/2016 - 3/2017	- TV. HĐQT kiêm Phó Ban Quản lý Kỹ thuật; Phó Bí thư Chi bộ; Bí thư Chi bộ; UV. BCH Đảng bộ Tập đoàn, Đảng bộ Cơ quan; - Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận; - Ủy viên HĐQT CTCP Cao su Sa Thầy;

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
03/2017 - 8/2017	- TV. HĐQT kiêm Phó Ban Quản lý Kỹ thuật; Phó Bí thư Chi bộ; Bí thư Chi bộ; UV. BCH Đảng bộ Tập đoàn, Đảng bộ Cơ quan; - Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận; - Ủy viên HĐQT CTCP Cao su Sa Thầy; - Chủ tịch Xí nghiệp Liên doanh Visorutex;
08/2017 - 05/2018	- TV. HĐQT kiêm Phó Ban Quản lý Kỹ thuật; Phó Bí thư Chi bộ; Bí thư Chi bộ; UV. BCH Đảng bộ Tập đoàn, Đảng bộ Cơ quan; - Chủ tịch Xí nghiệp Liên doanh Visorutex;
06/2018 – đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Trưởng Ban Quản lý Kỹ thuật Tập đoàn Chủ tịch HĐQT Xí nghiệp liên doanh nghiên cứu Khoa học và Sản xuất thực nghiệm cao su Việt Xô (Visorutex); Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Cao su Nam Giang - Quảng Nam, Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Cao su Thanh Hóa

- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu cá nhân: 7.300 cổ phần; tỷ lệ: 0,00018%
 - + Sở hữu đại diện (*Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp*): 599.980.630 cổ phần; tỷ lệ: 15,00%
- Danh sách những người có liên quan sở hữu cổ phần của Tập đoàn: Không có
- Các khoản nợ đối với Tập đoàn: không.
- Lợi ích liên quan với Tập đoàn: Thành viên HĐQT Điều hành.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tập đoàn : không.

f) Ông Phan Mạnh Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/9/1962
- Nơi sinh: Nông trường Rạng Đông, tỉnh Nam Định
- Số CMND: 285380794; Ngày cấp: 04/4/2013; Nơi cấp: Bình Phước
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Văn khoa; Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Chức vụ hiện nay tại Tập đoàn: Thành viên Hội đồng quản trị.

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Công đoàn Cao su Việt Nam.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
1982 – 1986	Học Khoa văn tại trường ĐH Tổng hợp TP.HCM
1994 – 2000	Học Quản trị Kinh doanh tại trường ĐH Mở TP.HCM
1997 – 2000	Học Lý luận Chính trị tại trường Học viện Chính trị Quốc gia
11/1986 - 01/1988	Thư ký Đảng vụ Văn phòng Đảng ủy Công ty Cao su Bình Long
01/1988 - 03/1988	Cán bộ Tổng hợp ban Thi đua Công ty Cao su Bình Long
3/1988 - 30/3/1988	Trợ lý Kế hoạch khu du lịch Sóc Xiêm Công ty Cao su Bình Long
04/1988 - 05/1988	Cán bộ Tổng hợp ban Thi đua Công ty Cao su Bình Long
06/1988 - 04/1989	Cán bộ Tổng hợp phòng Kế hoạch Công ty Cao su Bình Long
04/1989 - 10/2002	Bí thư Đoàn Thanh niên Công ty Cao su Bình Long
1992 – 2002	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương đoàn khóa VI, VII
04/1996 - 12/2002	Phó Bí thư Đảng ủy Công ty Cao su Bình Long
13/12/2002 - 2008	Bí thư Đảng ủy Công ty Cao su Bình Long
07/2005 – 6/2010	Phó Giám đốc Công ty Cao su Bình Long
07/2010 - 04/2013	Chủ tịch Hội đồng thành viên Cty TNHH MTV Cao su Bình Long

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
05/2013 – đến nay	Chủ tịch Công đoàn Cao su Việt Nam
06/2018 – đến nay	Thành viên HĐQT độc lập - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty Cổ phần

- Số cổ phần nắm giữ: Không có, chiếm: 0% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: không có
 - + Cá nhân sở hữu: không có
- Danh sách người có liên quan sở hữu cổ phần của Tập đoàn:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu (nếu có)	Mối quan hệ
1.	Nguyễn Thị Nhân	3.100 cổ phần; tỷ lệ: 0,00008%	Vợ

- Các khoản nợ đối với Tập đoàn: không.
- Lợi ích liên quan với Tập đoàn: Thành viên HĐQT độc lập.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tập đoàn : không.

g) Ông Nguyễn Hay - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 09/8/1959
- Nơi sinh: Đà Lạt, Lâm Đồng
- Số CMND: 021789421 Ngày cấp: 11/3/2008 Nơi cấp: CA TP.Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Giáo sư – Tiến sĩ ngành Cơ khí – Động lực
- Chức vụ hiện nay tại Tập đoàn: Thành viên hội đồng quản trị độc lập.
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Hiệu trưởng Đại học Nông Lâm TP.HCM; Thành viên Hội đồng chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư Ngành Cơ khí -Động lực
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
1984-1989	Giảng viên khoa Cơ khí Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM
1989-1998	Giảng viên; Phó chủ nhiệm khoa Cơ khí Trường Đại học Nông Lâm

	TP.HCM
1998-2002	Giám đốc, Bí thư chi bộ Trung Tâm Nghiên Cứu & Chuyên Giao Khoa Học Công Nghệ Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM
2002-2008	Giảng viên chính; Trưởng khoa Cơ khí Công nghệ Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM
2006-2012	Giám đốc Phân hiệu đại học Nông Lâm TPHCM tại Gia Lai Phó hiệu trưởng, Bí thư chi bộ Tổ Chức- Hành Chánh Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM
2012 – đến nay	Giám đốc Phân hiệu đại học Nông Lâm TP HCM tại Gia Lai Hiệu Trưởng , Bí thư Chi bộ Tổ chức – Hành chính – Tài chính, Phó Bí thư Đảng Ủy Trường Đại học Nông Lâm TP HCM.
06/2018 - đến nay	Giám đốc Phân hiệu đại học Nông Lâm TP HCM tại Gia Lai Hiệu Trưởng , Bí thư Chi bộ Tổ chức – Hành chính – Tài chính, Phó Bí thư Đảng Ủy Trường Đại học Nông Lâm TP HCM. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP

- Số cổ phiếu nắm giữ: Không
- + Cá nhân sở hữu: Không
- + Đại diện: Không
- Danh sách người có liên quan sở hữu cổ phần của Tập đoàn: Không có
- Các khoản nợ đối với Tập đoàn: không.
- Lợi ích liên quan với Tập đoàn: Thành viên HĐQT độc lập.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tập đoàn: không.

12.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ tên các thành viên	Chức danh
1	Ông Đỗ Khắc Thăng	Trưởng BKS
2	Ông Trần Khắc Chung	Thành viên BKS
3	Ông Giang Hoa Vũ	Thành viên BKS

a) Ông Đỗ Khắc Thăng : Trưởng Ban kiểm soát

- Ngày tháng năm sinh: 10/6/1963 Giới tính: Nam
- Nơi sinh: Quảng Trị
- Quốc tịch: Việt Nam
- Giấy CMND/Hộ chiếu số: 023746947 cấp ngày: 03/02/2010 tại TP.Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tập đoàn: Trưởng Ban kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
01/1988-12/1991	Cán bộ Kỹ thuật Nhà máy Bột ngọt Biên Hòa – Đồng Nai
12/1991-9/1992	Cán bộ kỹ thuật Nhà máy Bifood, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
9/1992-8/1996	Theo học Cao học tại Khoa QTKD – Trường Đại học Kỹ thuật TP. HCM
9/1996-01/1999	Cán bộ Công ty Cổ phần Thời trang Việt Nam – Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh
01/1999-01/2007	Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam, từ: - 1999 – 2001: Trợ lý Giám đốc - 2001 – 2003: Phó Phòng Đầu tư - 2003 – 01/2007: Trưởng Phòng Kinh doanh
02/2007-9/2008	Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Cao su
03/2010 – 07/2013	Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn, kiêm nhiệm các chức vụ : Trưởng Ban Kiểm soát các Công ty Cổ phần: Cao su Điện Biên, Cao su Sơn La, Cao su Sa Thầy, Kho vận và Dịch vụ Hàng hóa Cao su; Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên, Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP cao su Phước Hòa.
07/2013 – 01/2015	Trưởng Ban Kiểm soát Nội bộ Tập đoàn
01/2015 – 05/2018	Kiểm soát viên chuyên trách Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
06/2018 – đến nay	Trưởng Ban kiểm soát Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty Cổ phần

- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần Tỷ lệ: 0%
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần Tỷ lệ: 0%

- Danh sách người có liên quan sở hữu cổ phần của Tập đoàn: Không có
- Các khoản nợ đối với Tập đoàn: không.
- Lợi ích liên quan với Tập đoàn: Trưởng Ban Kiểm soát
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tập đoàn: không.

b) Ông Trần Khắc Chung : Thành viên Ban kiểm soát

- Ngày tháng năm sinh: 04/3/1968 Giới tính: Nam
- Nơi sinh: An Lộc - Bình Long
- Quốc tịch: Việt Nam
- Giấy CMND/Hộ chiếu số: 070068000029 cấp ngày 24/4/2019 tại Cục Cảnh sát QLHC và TTCH
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tập đoàn: Thành viên ban kiểm soát, kiêm Trưởng Ban Lao động Tiền lương.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
1990 - 1993	Kế toán Tổng hợp - Nông trường Tân Quang – Công ty Cao su Bình Long
1993 – 1995	Kế toán trưởng - Nông trường Tân Quang – Công ty Cao su Bình Long
1995 – 1996	Kế toán Tổng hợp - Nông trường Xa Trạch – Công ty Cao su Bình Long
1996 – 2002	Kế toán tổng hợp, Bí thư Đoàn thanh niên - Nông trường Lợi Hưng – Công ty Cao su Bình Long
2002 – 2008	Trợ lý Tài chính Kế toán, Bí thư Chi bộ, Đảng ủy viên Cơ sở Nông trường Minh Hưng – Công ty Cao su Bình Long
2008 – 2010	Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần KCN Minh Hưng III – Công ty Cao su Bình Long
2010 - 6/2015	Kiểm soát viên, Kiểm soát viên Phụ trách chung Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

7/2015 – đến nay	Trưởng Ban Lao động Tiền lương - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
6/2018 – đến nay	Thành viên Ban kiểm soát kiêm Trưởng Ban Lao động Tiền lương - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty Cổ phần

- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu cá nhân: 2.500 cổ phần; tỷ lệ: 0,00006%
 - + Sở hữu đại diện: không
- Danh sách người có liên quan sở hữu cổ phần của Tập đoàn:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu (nếu có)	Mối quan hệ
1.	Trần Khắc Chiến	2.000 cổ phần; tỷ lệ: 0,00005%	Em ruột

- Các khoản nợ đối với Tập đoàn: không.
- Lợi ích liên quan với Tập đoàn: Thành viên Ban Kiểm soát.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tập đoàn : không.

c) Ông Giang Hoa Vũ : Thành viên Ban kiểm soát

- Ngày tháng năm sinh: 02/9/1969 Giới tính: Nam
- Nơi sinh: xã Thịnh Đức, tỉnh Thái Nguyên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Giấy CMND/Hộ chiếu số: 023796683 cấp ngày: 04/9/2012 tại TP.Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế học
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tập đoàn: Thành viên ban kiểm soát, kiêm Phó Trưởng Ban kiểm tra Thanh tra Tập đoàn.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
01/1994 - 01/2001	Công ty Cơ Khí Xây dựng TP.Hồ Chí Minh
01/2001 - 3/2004	Xí nghiệp cao su Tam Hiệp – Đồng Nai

03/2004 - 3/2007	Công ty CP Thể thao Ngôi sao Geru
3/2007 – 05/2018	Ban Thanh tra Bảo vệ Quân sự Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam
06/2018 – đến nay	Thành viên ban kiểm soát, kiêm Phó Trưởng Ban kiểm tra Thanh tra Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty Cổ phần

- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu cá nhân: 7.000 cổ phần; tỷ lệ: 0,0002%
 - + Sở hữu đại diện: không
- Danh sách người có liên quan sở hữu cổ phần của Tập đoàn: Không có
- Các khoản nợ đối với Tập đoàn: không.
- Lợi ích liên quan với Tập đoàn: Thành viên Ban Kiểm soát
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tập đoàn : không.

12.3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ tên các thành viên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Huỳnh Văn Bảo	Tổng Giám đốc	Thành viên HĐQT kiêm TGD
2	Ông Nguyễn Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc	
3	Ông Trần Công Kha	Phó Tổng Giám đốc	
4	Ông Trương Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc	
5	Ông Lê Thanh Tú	Phó Tổng Giám đốc	

a) Ông Huỳnh Văn Bảo : Thành viên Hội đồng quản trị – Tổng giám đốc

(Tham khảo nội dung trong mục các thành viên Hội đồng Quản trị)

b) Ông Nguyễn Tiến Đức : Phó Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 10/8/1961
- Nơi sinh: Bình Dương
- Số CMND/Hộ chiếu: 280154122, ngày cấp 19/9/2013, nơi cấp Công an tỉnh Bình Dương.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nông nghiệp
- Chức vụ hiện nay tại Tập đoàn: Phó Tổng Giám đốc.
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch HĐQT tại các đơn vị:
 - ✓ Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai
 - ✓ Công ty Cổ phần Cao su Việt Lào
 - ✓ Công ty Cổ phần Quasa Geruco
 - ✓ Công ty Cổ phần Cao su Sơn La
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
1986 -1988	Công tác tại Phòng Kế hoạch Công ty Cao su Dầu Tiếng
1988 - 1989	Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Nông nghiệp Công ty Cao su Dầu Tiếng
1989 - 2004	Giám đốc Xí nghiệp Chế biến Công ty cao su Dầu Tiếng
2004 - 2010	Phó Giám đốc Công ty Cao su Dầu Tiếng
2010 - 2014	Thành viên Hội đồng thành viên - Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng.
05/2014 - 07/2015	Thành viên Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.
07/2015 - 05/2018	Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.
06/2018 - nay	Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần

- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Cá nhân sở hữu: 4.600 cổ phần, tỷ lệ: 0,0001%
 - + Đại diện sở hữu: Không

- Danh sách người có liên quan sở hữu cổ phần của Tập đoàn: Không có
- Các khoản nợ đối với Tập đoàn: không.
- Lợi ích liên quan đối với Tập đoàn (nếu có): Phó Tổng Giám đốc
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tập đoàn (nếu có): Không

c) Ông Trần Công Kha : Phó Tổng giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 29/4/1974 Giới tính: Nam
- Nơi sinh: Bến Tre
- Quốc tịch: Việt Nam
- Giấy CMND/Hộ chiếu số: 024341553 cấp ngày: 25/3/2005 tại TP.Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tập đoàn: Phó Tổng Giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần KCN Nam Tân Uyên
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
09/1996 - 10/2007	Công tác tại Công ty Liên doanh khai thác kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu chế xuất Sài Gòn Linh Trung (Sepzone Linh Trung) giữ chức vụ Phó phòng Tổ chức Hành chính; Trưởng Ban điều hành KCX Linh Trung 1 và 2 ; Trưởng phòng Tiện tích công cộng.
11/2007 - 09/2016	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG
09/2016 - 05/2018	Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
06/2019 - nay	Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty Cổ phần

- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu cá nhân: 5.100 cổ phần; tỷ lệ: 0,0001%
 - + Sở hữu đại diện: không
- Danh sách người có liên quan sở hữu cổ phần của Tập đoàn: Không có
- Các khoản nợ đối với Tập đoàn: không
- Lợi ích liên quan với Tập đoàn: Phó Tổng Giám đốc
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tập đoàn : không

d) Ông Trương Minh Trung : Phó Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/12/1968
- Nơi sinh: Xã Phú Hữu, Huyện Châu Thành, TP. Cần Thơ
- Số CMND: 093068000095 Ngày cấp: 30/01/2018 Nơi cấp: Công an TP. HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Chức vụ hiện nay tại Tập đoàn: Phó Tổng Giám đốc.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT các Công ty CP Gỗ MDF Dongwha, MDF Quảng Trị, MDF VRG Kiên Giang, Thủy điện VRG Phú Yên.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
11/1990 - 07/1998	Giảng viên Khoa Công nghệ - Trường Đại học Cần Thơ
07/1998 - 05/2005	Chuyên viên Ban Quản lý kỹ thuật - Bộ phận cơ điện biển chế thuộc Tổng Công ty Cao su Việt nam
05/1995 - 10/2010	Thư ký Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; Được bổ nhiệm làm Phó Chánh văn phòng Tập đoàn năm 2010.
10/2010 - 08/2012	Thư ký Tổng Giám đốc - Phó Chánh văn phòng Tập đoàn.
08/2012	Chánh Văn phòng Tập đoàn kiêm Trợ lý TGD,
08/2015	Chánh Văn phòng Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
06/2017 – 05/2018	Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
06/2018 – đến nay	Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty Cổ phần

- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Cá nhân sở hữu: 7.600 cổ phần, tỷ lệ: 0,00019%
 - + Đại diện sở hữu: Không
- Danh sách người có liên quan sở hữu cổ phần của Tập đoàn: Không có
- Các khoản nợ đối với Tập đoàn: không.
- Lợi ích liên quan với Tập đoàn: Phó Tổng Giám đốc
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tập đoàn : không

e) Ông Lê Thanh Tú: Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/01/1963
- Nơi sinh: Quảng Trị
- Thẻ Căn cước công dân số: 045063000095; Ngày cấp: 05/3/2018; Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú DLQG về dân cư
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế (Tài chính Kế toán)
- Chức vụ hiện nay tại Tập đoàn: Phó Tổng Giám đốc.
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
01/1981 - 1982	Kế toán Nông trường Lộc Tấn, Cty Cao su Lộc Ninh
1982 - 1985	Học Trung cấp Vật tư 2, Tp.HCM
1985 - 10/1998	Công tác tại Phòng Kế toán Công ty Cao su Lộc Ninh
10/1998 - 08/2002	Phó phòng Kế toán Công ty Cao su Lộc Ninh.
09/2002 - 09/2005	Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty Cao su Phú Riềng
10/2005 - 07/2010	Phó Giám đốc Công ty Cao su Phú Riềng
08/2010 – 09/2018	Thành viên Hội đồng Thành viên - Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng.
10/2018 - đến nay	Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần

- Số cổ phiếu nắm giữ:
 - + Cá nhân sở hữu: **6.100 cổ phần; tỷ lệ: 0,00015%**
 - + Đại diện sở hữu: **không**

- Danh sách người có liên quan sở hữu cổ phần của Tập đoàn:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu (nếu có)	Mối quan hệ
1.	Lê Thanh Nghị	1.000 cổ phần; tỷ lệ: 0,00003%	Em ruột

- Các khoản nợ đối với Tập đoàn: không.
- Lợi ích liên quan với Tập đoàn: Phó Tổng Giám đốc
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tập đoàn : không

12.4. Phụ trách Kế toán, Phụ trách Ban Tài chính Kế toán

- Họ tên: **Ông Phạm Văn Hải Em**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 13/10/1975
- Nơi sinh: Đồng Tháp
- Giấy CMND/Hộ chiếu số: 024353011; Ngày cấp: 26/5/2005; Nơi cấp: CA TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế (Kế toán Kiểm toán)
- Chức vụ hiện nay tại Tập đoàn:
 - ✓ Phụ trách Kế toán kiêm Phụ trách Ban Tài chính Kế toán;
 - ✓ Người được ủy quyền công bố thông tin.
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
11/1999 - 09/2005	Kinh tế viên, Công ty kiểm toán và Tư vấn A&C. Cung cấp dịch vụ Kế toán, kiểm toán, thuế.
10/2005 - 07/2007	Phụ trách nhóm Công ty TNHH kế toán và tư vấn Đồng Khởi (Thành viên Công ty Kiểm toán A&C)
08/2007 - 07/2008	Kiểm toán viên Chi nhánh Công ty kiểm toán Việt Nam (Delitte Việt Nam)
08/2008 - 12/2008	Kế toán trưởng Công ty CP Gỗ MDF Dongwha
01/2009 - 02/2009	Làm việc nhà tại A 6.28 Chung cư Gia Phú - Bình Tân - TP.HCM

03/2009 - 09/2009	Chuyên viên Phụ trách kế toán Chi nhánh TP.HCM . Cty TNHH Bảo hiểm phi nhân thọ MSIG Việt Nam.
08/2009 - 12/2014	Kế toán trưởng Cty CP Gỗ MDF VRG Dongwha
11/2015 – 09/09/2018	Phó tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Gỗ MDF VRG Dongwha
10/09/2018 - 12/2018	Phó Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP.
01/01/2019 - đến nay	Phó Ban Tài chính Kế toán, Phụ trách Kế toán kiêm Phụ trách Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP

- Số cổ phiếu nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu: **không**
 - + Cá nhân sở hữu: **không**
- Danh sách người có liên quan sở hữu cổ phần của Tập đoàn: Không có
- Các khoản nợ đối với Tập đoàn: không.
- Lợi ích liên quan với Tập đoàn: Phụ trách Kế toán
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tập đoàn: không

13. Tài sản

13.1. Tài sản cố định

Bảng 18 - Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 30/9/2019 (Hợp nhất)

DVT: triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)
I	Tài sản cố định vô hình	179.436	117.324
1	Quyền sử dụng đất	121.283	102.072
2	Bản quyền, bằng sáng chế	248	(32)

3	Phần mềm, bản quyền máy tính	46.773	10.625
4	Tài sản cố định vô hình khác	11.132	4.658
II	Tài sản cố định hữu hình	40.533.882	27.581.935
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	11.145.175	5.970.016
2	Máy móc thiết bị	6.080.195	3.147.830
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.768.400	578.263
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	184.887	28.806
5	Vườn cây kinh doanh	21.259.442	17.827.217
6	Tài sản cố định khác	95.783	29.802
Tổng cộng		40.617.373	27.950.654

(Nguồn: BCTC 9T/2019 – Hợp nhất)

Bảng 19 - Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 30/9/2019 Công ty mẹ)

ĐVT: triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)
I	Tài sản cố định vô hình	20.591	13.555
1	Quyền sử dụng đất	11.110	11.110
2	Phần mềm máy tính	9.481	2.445
II	Tài sản cố định hữu hình	254.859	112.956
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	157.775	111.941
2	Máy móc thiết bị	4.589	-
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	21.780	852
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	70.716	163
Tổng cộng		285.450	126.511

(Nguồn: BCTC 9T/2019 – Công ty mẹ)

13.2. Tình hình sử dụng đất đai

Diện tích đất đai Tập đoàn đang quản lý, sử dụng sau cổ phần hóa như sau:

Bảng 20 - Quỹ đất toàn Tập đoàn quản lý, sử dụng sau cổ phần hóa

Đơn vị tính: m²

Stt	Địa bàn	Diện tích đất quản lý	Phân loại đất	
			Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp
I	Quỹ đất Công ty Mẹ, 20 Công ty TNHH MTV & 4 đơn vị sự nghiệp	2.163.726.110	2.122.949.941	40.776.169
II	Quỹ đất của các công ty CP-TNHH quản lý	2.755.569.598	2.617.814.011	137.755.587
1	Đất trong nước	1.259.922.877	1.181.920.797	78.002.080
2	Đất ngoài nước	1.495.646.721	1.435.893.214	59.753.507
2.1	Nước cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào	292.790.660	283.114.067	9.676.593
2.2	Vương quốc Campuchia	1.202.856.061	1.152.779.147	50.076.914
Tổng cộng		4.919.295.708	4.740.763.952	178.531.756

(Nguồn: VRG)

Bảng 21 - Quỹ đất của các Công ty cổ phần, Công ty TNHH quản lý chia theo nhóm ngành

Đơn vị tính: m²

Stt	Khu vực / Ngành	Tổng diện tích	Đất Nông nghiệp	Phi Nông nghiệp
A	Đất trong nước	1.259.922.877	1.181.920.797	78.002.080
I	Cao su	1.202.349.358	1.177.987.547	24.361.811
1	Đông Nam Bộ	597.966.783	589.154.809	8.811.974

2	Tây Nguyên	200.246.737	197.048.300	3.198.437
3	Duyên hải Miền Trung	48.795.000	45.810.000	2.985.000
4	Miền núi phía Bắc	355.340.838	345.974.438	9.366.400
II	Ngành khác	57.573.519	3.933.250	53.640.269
1	Công nghiệp Cao su	268.136	0	268.136
2	Chế biến gỗ	1.416.269	0	1.416.269
3	Khu công nghiệp	44.384.393	0	44.384.393
4	Thủy điện	11.455.226	3.933.250	7.521.976
5	Khác	49.495	0	49.495
B	Đất nước ngoài	1.495.646.721	1.435.893.214	59.753.507
I	Lào	292.790.660	283.114.067	9.676.593
II	Campuchia	1.202.856.061	1.152.779.147	50.076.914
	TỔNG CỘNG	2.755.569.598	2.617.814.011	137.755.587

Nguồn: VRG

Toàn bộ quỹ đất của Tập đoàn quản lý và sử dụng cũng như quỹ đất của các Công ty cổ phần, Công ty TNHH quản lý chia theo nhóm ngành là quỹ đất đã được phê duyệt theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 2090/QĐ-TTg ngày 26/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay, quỹ đất có giảm nhưng không đáng kể so với toàn bộ quỹ đất của Tập đoàn đang quản lý và sử dụng. Diện tích đất giảm chủ yếu do các chính sách thu hồi đất, để bàn giao mặt bằng từ các địa phương, trong đó có hơn 1.798,9 ha phần diện tích đất sẽ bị thu hồi từ UBND Tỉnh Đồng Nai nhằm phục vụ cho dự án trọng điểm - Sân bay Quốc tế Long Thành.

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

14.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2019 - 2020

Bảng 22 - Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2019 - 2020

DVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Ước thực hiện 2019	Năm 2020
1	Doanh thu (Hợp nhất)	24.224	23.973	24.647
	Doanh thu (Công ty mẹ)	4.612	3.765	3.578

2	<i>Lợi nhuận sau thuế (Hợp nhất)</i>	4.150	3.465	4.029
	<i>Lợi nhuận sau thuế (Công ty mẹ)</i>	2.900	2.450	2.575
3	<i>Tỷ lệ LNST/Doanh thu (Hợp nhất)</i>	17,10%	17,13%	17,1%
	<i>Tỷ lệ LNST/Doanh thu (Công ty mẹ)</i>	62,9%	65,31%	71,97%
4	<i>Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ (Hợp nhất)</i>	10,40%	10,37%	10,4%
	<i>Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ (Công ty mẹ)</i>	7,25%	6,15%	6,43%
5	<i>Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu (Hợp nhất)</i>	8,37%	6,99%	8,12%
	<i>Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu (Công ty mẹ)</i>	6,88%	5,81%	6%
6	<i>Tỷ lệ chia cổ tức (Công ty mẹ)</i>	6%	6%	6%
7	<i>Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (Công ty mẹ)</i>	82,76%	97,96%	93,2%

(Nguồn: VRG)

Ghi chú:

- Kế hoạch kinh doanh 2019 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên **2019**
- Kế hoạch kinh doanh 2020 theo Tờ trình Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp, để làm cơ sở trình ĐHĐCĐ thường niên 2020.

14.2. Một số giải pháp để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 2020

 Về lĩnh vực sử dụng đất đai và kỹ thuật nông nghiệp:

- Tăng cường công tác quản lý, tổ chức sản xuất và tiếp tục thực hiện các giải pháp linh hoạt cho từng vùng trong công tác quản lý kỹ thuật nông nghiệp từ vườn cây (khai thác, Kiến thiết cơ bản, Tái canh) đến công tác quản lý chuyên ngành (giống, phân bón, BVTV,...) nhằm thích nghi và ứng phó với các khó khăn trong sản xuất nông nghiệp, có giải pháp thích hợp để giải quyết tình trạng thiếu hụt lao động hiện nay;
- Quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả đất đai đã được thuê, triển khai chặt chẽ thủ tục các dự án đầu tư, chăm sóc tốt các vườn cây đã trồng mới ở trong và ngoài nước; thực hiện luân canh, chuyển đổi cơ cấu cây trồng (bao gồm cả cây rừng gỗ lớn) với những diện tích cao su hiệu quả thấp, đặc biệt cây trồng đủ điều kiện ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao;
- Tiếp tục thực hiện việc trồng xen trên hàng và trên vùng cao su ở các nơi có điều kiện

để đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, bảo đảm tiêu chuẩn FSC và tạo nguồn nguyên liệu cho các nhà máy gỗ Tập đoàn;

- Trên cơ sở những dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tiếp tục chủ động rà soát quy hoạch và mở rộng quy mô đầu tư, bao gồm tự đầu tư và hợp tác với đơn vị có năng lực để thực hiện đầu tư, hợp tác xây dựng mô hình điểm về chuyển đổi cây trồng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất;
- Tập trung chỉ đạo, giám sát công tác quản lý đầu tư theo trọng tâm, trên quan điểm đầu tư phù hợp với tiềm năng, năng suất của từng vùng sinh thái;
- Cải tiến việc quản lý đất đai, phân bón, công tác bảo vệ thực vật, quản lý phòng trị bệnh hại (ưu tiên *Corynespora*, *Botryo* và phấn trắng trên vườn cây khai thác); khai thác tích cực, đúng kỹ thuật để giới hạn tác động của bệnh hại cả ảnh hưởng của việc biến đổi khí hậu; tăng cường công tác tập huấn kỹ thuật theo từng chuyên đề cụ thể; tổ chức các hội nghị giao ban nông nghiệp, hội nghị đầu bờ đi đầu vào đúng thực chất hiệu quả.
- Về phân bón; tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý thích nghi để bảo đảm hiệu quả sản xuất, nhất là đảm bảo giá thành đối với sản phẩm khai thác; chủ động điều tiết và rà soát các diện tích cần bón và không bón theo hướng dẫn của Tập đoàn;
- 🌱 Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá, quản lý hiệu quả chất lượng của các sản phẩm của Tập đoàn như sản phẩm mủ cao su, sản phẩm công nghiệp cao su: Găng tay, Băng tải, Nệm – Gối, Chi thun, Bóng thể thao..., các sản phẩm gỗ của Tập đoàn trên tinh thần đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng theo quy định và phù hợp với các yêu cầu của các đối tác, khách hàng.
- 🌱 Tiếp tục đẩy mạnh xúc tiến thương mại, khai thác, mở thêm thị trường mới, đặc biệt là tăng cường tỷ lệ bán cho các đơn vị trực tiếp sản xuất cả trong và ngoài nước. Tăng cường công tác thu mua để tăng doanh thu và đảm bảo tiền lương công nhân, cũng như thực hiện vai trò dẫn dắt, điều tiết thị trường; các đơn vị mới có vườn cây khai thác, chủ động tìm kiếm thị trường, hợp tác, học hỏi các công ty lớn và tuân thủ các hướng dẫn của Tập đoàn trong công tác tiêu thụ, quản lý chất lượng.
- 🌱 Xây dựng giải pháp tiết kiệm chi phí thiết thực, phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị ngay ở bước lập kế hoạch đầu năm để hạ giá thành, bảo đảm hiệu quả trong điều kiện giá cao su thấp như hiện nay, cụ thể:
 - Về phân bón: tối đa tương đương với thực hiện năm 2019, các đơn vị tùy điều kiện thực tế và chất lượng vườn cây của mình được chủ động điều tiết lượng phân bón giữa

- các nhóm cây, phù hợp với thực trạng thổ nhưỡng và vườn cây của đơn vị;
- Về Lao động Tiền lương: tiếp tục áp dụng các biện pháp trong quản lý và kỹ thuật để tăng năng suất và giảm chi phí tiền lương trên tấn sản phẩm, góp phần nâng thu nhập cho người lao động:
 - + *Cân đối chuyển đổi sang chế độ cạo D5, D6 để mùa đông tại lô để tăng năng suất lao động, đặc biệt tại một số đơn vị thiếu lao động, vườn cây mới năng suất vườn cây thấp; bảo đảm tiền lương lao động trực tiếp được điều chỉnh phù hợp với mức thu nhập năm 2018 và quy định hiện hành;*
 - + *Đối với các đơn vị có tỷ lệ lao động gián tiếp cao trên 10% (tính theo số lao động trực tiếp sau khi chuyển đổi chế độ cạo), kiên quyết xem xét việc tiết giảm chi phí tiền lương bộ máy gián tiếp thông qua sắp xếp lại bộ máy, kể cả việc giảm biên chế bộ máy.*
 - Về trang bị vật tư khai thác, công cụ lao động thường xuyên: tiếp tục rà soát lại định mức cho phù hợp thực tế tại đơn vị, theo hướng giảm tỷ lệ trang bị thay thế;
 - Các chi phí khác: xây dựng với tinh thần tiết kiệm để giảm chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng
 - Với các đơn vị có diện tích dự kiến mở cạo trong năm 2020 lớn, để giải quyết vấn đề đào tạo lao động, tính toán phương án cạo rải vụ phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị;
- ✚ Các công ty chế biến gỗ đã có sản phẩm tinh chế cần tăng sản lượng sản xuất nhất là sản phẩm từ gỗ cao su, tăng lượng gỗ ghép tâm để thuận tiện hơn và tăng giá trị trong xuất khẩu; các nhà máy MDF khai thác hết và vượt công suất thiết kế, giảm tỷ lệ phế phẩm để tăng hiệu quả và gia tăng thị phần; thực hiện nhanh các dự án để tăng các loại ván có giá trị gia tăng cao như ván phủ melamin, verner, ván sàn V,V...
- ✚ Các khu công nghiệp tích cực phối hợp với các đơn vị tư vấn, các cơ quan quản lý Nhà nước, Tập đoàn để hoàn thành các thủ tục mở rộng khu công nghiệp để bảo đảm tốc độ tăng trưởng về lâu dài, thực hiện việc hạch toán doanh thu một lần phù hợp với quy định.
- ✚ Huy động tổng hợp nhiều nguồn vốn để đầu tư: Lợi nhuận và khấu hao của các công ty thành viên, vốn vay trong và ngoài nước trên nguyên tắc bảo đảm hiệu quả đầu tư, bảo đảm khả năng thu hồi và tỷ lệ nợ/Vốn chủ sở hữu, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước hỗ trợ đúng theo quy định.
- ✚ Tăng cường thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí theo chủ trương của Đảng và Nhà nước nhằm đảm bảo sử dụng vốn có hiệu quả.

- ✚ Phát huy vai trò người đứng đầu cơ quan, đơn vị; tiếp tục củng cố, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu hội nhập, phát triển quy mô Tập đoàn và đủ kiện để tiếp cận, sử dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật. Bố trí nhân sự chuyên môn đúng người, đúng việc, giới hạn việc điều chuyển công việc các cán bộ chuyên môn đã được đưa đi đào tạo hoặc tập huấn theo chương trình của Tập đoàn.

15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Duy trì và phát triển vị thế là một Tập đoàn kinh tế nông công nghiệp có quy mô lớn; đa dạng các sản phẩm nông, công nghiệp để nâng cao hiệu quả toàn diện của Tập đoàn.

Tiếp tục đẩy mạnh và tăng cường áp dụng khoa học – kỹ thuật vào sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng trong chuỗi giá trị của sản phẩm; tăng dần giá trị sản phẩm công nghiệp, dịch vụ trong tổng giá trị sản phẩm của Tập đoàn. Theo yêu cầu của Chính phủ về định hướng của Tập đoàn sau cổ phần hóa, hoạt động kinh doanh chỉ tập trung phát triển các lĩnh vực chính là trồng và khai thác mủ cao su; công nghiệp cao su; chế biến gỗ cao su; phát triển khu công nghiệp trên đất cao su và nông nghiệp công nghệ cao.

Thực hiện chủ trương tái cơ cấu, Tập đoàn sẽ hướng đến việc đa dạng hóa sở hữu trong Tập đoàn, bao gồm vận hành tốt hoạt động Tập đoàn theo mô hình công ty cổ phần, thoái vốn ở các công ty đã đủ điều kiện và sắp xếp lại cơ cấu doanh nghiệp để tạo nguồn vốn đầu tư phát triển và tăng cường hiệu năng quản lý, tái đầu tư góp vốn vào các công ty hoạt động phù hợp với ngành sản xuất kinh doanh chính của Tập đoàn.

Đến nay, với sự tồn tại hơn 100 năm qua, ngành cao su đã khẳng định được vị trí của mình cùng với sự phát triển của nền kinh tế. Môi trường kinh tế xã hội cho phát triển cao su đang có nhiều thay đổi, do đó cần phải có sự đánh giá khách quan về vai trò, vị trí, và định hướng, chính sách phát triển về cây cao su cho thời gian tới. Cùng với đó, cần nhận diện những thách thức, những tồn tại trong phát triển của ngành cao su nói chung, để xác định những phương hướng nhằm thúc đẩy, phát triển ngành cao su trong trong dài hạn, trước mắt là đến năm 2030 và tầm nhìn xa hơn là đến năm 2045.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) đã tiến hành khảo sát, thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Dựa trên kết quả kinh doanh của Tập đoàn qua các năm 2017, 2018 cho đến 9 tháng năm 2019, khả năng triển khai và vận hành công tác tổ chức, quản lý doanh nghiệp, cùng với việc áp dụng đồng bộ các giải pháp phát triển kinh doanh, trong trường hợp nền kinh tế vĩ mô không có những biến động lớn và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh, thì kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà Tập đoàn đưa ra là có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư, không đảm bảo chắc chắn cho kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Tập đoàn cũng như bao hàm giá trị chứng khoán của Tập đoàn.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Hiện nay, Tập đoàn đang trong quá trình xử lý các vấn đề tồn tại phát sinh từ việc thực hiện sáp nhập Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam vào Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Việc thực hiện sáp nhập Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam vào Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam được thực hiện theo Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 05/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, trong đó thực hiện sáp nhập Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam vào Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; Quyết định số 1634/QĐ-TTg ngày 22/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam vào Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, trong đó: Công ty mẹ - Tập đoàn được kế thừa các nghĩa vụ, quyền và lợi ích từ Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam được xác lập và còn tồn tại để tiếp tục xử lý thu hồi nợ và trả nợ, không thực hiện mới các chức năng liên quan đến hoạt động tín dụng, như: huy động vốn, cho vay và không nhận tiền gửi thanh toán

Theo đó, Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam đã thực hiện bàn giao nguyên trạng (tài sản, vật tư, hàng hoá, công nợ, lao động, ...) sang Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam tại thời điểm 01/12/2015 theo Hợp đồng sáp nhập số 2818/HĐ-CSVN ngày 21/10/2015, với

các khoản dư nợ gốc là hơn 1.318 tỷ đồng.

Đến nay, Tập đoàn đã và đang tiến hành thu hồi khoản cho vay do sáp nhập Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam. Kể từ ngày nhận bàn giao do sáp nhập Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam, Tập đoàn thực hiện các biện pháp để thu hồi nợ cho vay, từ năm 2016 đến năm 2018, số dư nợ mà Tập đoàn còn phải thu từ các khoản dư nợ gốc cho vay tính đến 31/12/2018 là: 959 tỷ đồng.

Trong 9 tháng đầu năm 2019, Tập đoàn đã thu được nợ gốc với số tiền là 40 tỷ đồng và số dư cho vay do sáp nhập Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam tính đến 30/9/2019 là 919.281 triệu đồng, Tập đoàn đã trích lập dự phòng đối với khoản nợ gốc này với số tiền là 476.040 triệu đồng.

Tình hình hồ sơ mà Tòa án đang thụ lý để có biện pháp để thu hồi nợ trong năm 2019, được thể hiện cụ thể tại Báo cáo kiểm toán 2017, 2018 và BCTC Quý 3/2019.

Tuy nhiên, trong các khách hàng còn nợ tiền của Tập đoàn, đa số là nhóm khách hàng khó thu hồi nợ, do sai phạm trong quá trình cho vay vì vậy phải tích cực làm việc với các khách hàng và nhờ đến sự hỗ trợ, phối hợp cùng các cơ quan chức năng nhằm đảm bảo việc thu hồi nợ một cách hiệu quả.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

- 1. Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông
- 2. Mệnh giá:** 10.000 đồng/ cổ phần
- 3. Tổng số chứng khoán niêm yết:** 4.000.000.000 cổ phiếu
- 4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng**
 - Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: **1.612.700** cổ phiếu
 - Lý do hạn chế chuyển nhượng: là số cổ phiếu mà CBCNV được mua theo số năm cam kết làm việc lâu dài của CBCNV theo phương án cổ phần hóa.
 - Thời gian hạn chế chuyển nhượng: kể từ ngày 01/6/2018 (theo Giấy Chứng nhận ĐKKD của Công ty Cổ phần) cho đến hết thời gian cam kết làm việc lâu dài của CBCNV.
 - Số lượng cổ phiếu niêm yết bị hạn chế chuyển nhượng theo số năm như sau:
 - ✓ *Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 10 năm đến 31/05/2028: 867.100 cổ phiếu;*
 - ✓ *Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 09 năm đến 31/05/2027: 52.200 cổ phiếu;*

- ✓ Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 08 năm đến 31/05/2026: 64.600 cổ phiếu;
- ✓ Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 07 năm đến 31/05/2025: 68.300 cổ phiếu;
- ✓ Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 06 năm đến 31/05/2024: 58.900 cổ phiếu;
- ✓ Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 05 năm đến 31/05/2023: 187.200 cổ phiếu;
- ✓ Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 04 năm đến 31/05/2022: 112.100 cổ phiếu;
- ✓ Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 03 năm đến 31/05/2021: 202.300 cổ phiếu.

Ngoài số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo đề án cổ phần hóa của Tập đoàn nêu trên, thì số cổ phiếu do các thành viên HĐQT, Ban TGD, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng, cổ đông lớn là người có liên quan đến cổ đông nội bộ được các thành viên cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết là **333.900** cổ phiếu (chiếm 0,0084% vốn điều lệ Tập đoàn) và cam kết nắm giữ 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo là **166.950** cổ phiếu (chiếm 0,0042% vốn điều lệ Tập đoàn).

Số lượng cổ phiếu do các thành viên HĐQT, Ban TGD, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng, cổ đông lớn là người có liên quan đến cổ đông nội bộ được các thành viên cam kết nắm giữ như sau:

Bảng 23 – Danh sách cam kết nắm giữ cổ phiếu

DVT: cổ phiếu

STT	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng (1)	Tổng số cổ phiếu sở hữu (2)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phiếu cam kết nắm giữ 100% trong 06 tháng kể từ ngày niêm yết	Số cổ phiếu cam kết nắm giữ 50% trong 06 tháng tiếp theo
1	Ông Trần Ngọc Thuận	Chủ tịch HĐQT	203.200	1.500	204.700	0,0051%	204.700	102.350
2	Ông Huỳnh Văn Bảo	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	15.800	0	15.800	0,0004%	15.800	7.900
3	Ông Trần Đức Thuận	Thành viên HĐQT	20.100	0	20.100	0,0005%	20.100	10.050
4	Ông Phạm Văn Thành	Thành viên HĐQT	53.100	0	53.100	0,0013%	53.100	26.550
5	Ông Hà Văn Khương	Thành viên HĐQT	2.300	5.000	7.300	0,0002%	7.300	3.650
6	Ông Phan Mạnh	Thành viên HĐQT	0	0	0	0%	0	0

	Hùng							
7	Ông Nguyễn Hay	Thành viên HĐQT	0	0	0	0%	0	0
8	Ông Nguyễn Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc	3.100	1.500	4.600	0,0001%	4.600	2.300
9	Ông Trần Công Kha	Phó Tổng Giám đốc	100	5.000	5.100	0,0001%	5.100	2.550
10	Ông Trương Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc	2.600	5.000	7.600	0,0002%	7.600	3.800
11	Ông Lê Thanh Tú	Phó Tổng Giám đốc	3.600	2.500	6.100	0,0002%	6.100	3.050
12	Ông Đỗ Khắc Thăng	Trưởng BKS	0	0	0	0%	0	0
13	Ông Trần Khắc Chung	Thành viên BKS	2.500	0	2.500	0,0001%	2.500	1.250
14	Ông Giang Hoa Vũ	Thành viên BKS	2.000	5.000	7.000	0,0002%	7.000	3.500
15	Ông Phạm Văn Hôi Em	Kế toán trưởng	0		0	0%	0	0
Tổng cộng			308.400	25.500	333.900	0,0084%	333.900	166.950

Ghi chú:

- (1) *Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: là số cổ phiếu mà CBCNV được mua theo số năm cam kết làm việc lâu dài tại Tập đoàn theo phương án cổ phần hóa và bị hạn chế chuyển nhượng theo số năm cam kết làm việc.*
- (2) *Tổng số cổ phiếu sở hữu: là số lượng cổ phiếu sở hữu của cá nhân, không bao gồm số cổ phiếu đại diện sở hữu của Nhà nước.*

5. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu dự kiến của cổ phiếu GVR được xác định dựa trên 2 phương pháp tính giá, bao gồm: phương pháp giá trị sổ sách tại thời điểm 30/09/2019 và phương pháp giá theo thị trường là bình quân giá đóng cửa của ít nhất 20 (hai mươi) phiên giao dịch gần nhất trước khi hủy đăng ký giao dịch Upcom trên SGDCK Hà Nội.

Lưu ý: Các phương pháp tính giá này chỉ nhằm mục đích tham khảo. Giá tham chiếu chính thức còn phụ thuộc vào yếu tố cung – cầu trên thị trường chứng khoán và thời điểm tính giá sẽ được xác định trên cơ sở cổ phiếu GVR hủy đăng ký giao dịch trên Sở GDCK Hà Nội.

❖ Phương pháp Giá trị sổ sách của cổ phiếu GVR

Giá trị sổ sách của cổ phiếu Tập đoàn được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị 1 Cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

📅 Tại ngày 30/9/2019 (theo BCTC hợp nhất):

Giá trị vốn chủ sở hữu của Tập đoàn tại 30/9/2019 là: **49.733.332.591.483** đồng.

Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại 30/9/2019 là: **4.000.000.000** cổ phiếu.

Vậy, giá trị sổ sách của cổ phiếu GVR tại thời điểm 30/9/2019 (theo BCTC hợp nhất) là:

$$\text{Giá trị 1 cổ phiếu} = \frac{49.733.332.591.483}{4.000.000.000} = 12.433 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

📅 Tại ngày 30/9/2019 (theo BCTC Công ty mẹ):

Giá trị vốn chủ sở hữu của Tập đoàn tại 30/9/2019 là: **41.187.943.966.982** đồng.

Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại 30/9/2019 là: **4.000.000.000** cổ phiếu.

Vậy, giá trị sổ sách của cổ phiếu GVR tại thời điểm 30/9/2019 (theo BCTC Công ty mẹ) là:

$$\text{Giá trị 1 cổ phiếu} = \frac{41.187.943.966.982}{4.000.000.000} = 10.297 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

❖ Phương pháp giá theo thị trường

Phương pháp theo giá thị trường được xác định theo thực tế giao dịch của cổ phiếu GVR trên thị trường Upcom. Giá trị cổ phiếu GVR theo phương pháp thị trường là bình quân giá đóng cửa của 20 phiên giao dịch tạm tính từ ngày 28/11/2019 đến ngày 25/12/2019 là: **12.315** đồng/cổ phiếu.

Mức giá tham chiếu chính thức trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu GVR sẽ được xác định lại sau khi Sở GDCK TP.HCM cấp Quyết định niêm yết và cổ phiếu GVR của Tập đoàn được hủy đăng ký giao dịch trên Sở GDCK Hà Nội. Tập đoàn sẽ thông báo đến Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM về mức giá tham chiếu chính thức và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

❖ Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên trên Sở GDCK TP. HCM:

Giá chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên trên Sở GDCK TP. HCM được xác định theo khoản 2.5 Điều 5 Quyết định 85/QĐ-SGDHCM ngày 19/3/2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.

HCM. Theo đó, Tập đoàn sẽ xác định giá tham chiếu chính thức trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu GVR là bình quân giá đóng cửa của **20** (hai mươi) phiên giao dịch cuối cùng trước khi hủy đăng ký giao dịch Upcom trên Sở GDCK Hà Nội.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP đã là Công ty đại chúng, do đó tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài cần phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán. Căn cứ vào các ngành nghề kinh doanh hiện tại, cơ cấu vốn theo phương án cổ phần hóa và Nghị quyết ĐHĐCĐ lần thứ nhất của Tập đoàn ngày 22/05/2008, thì tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phiếu GVR của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam được xác định tối đa là **13%** vốn điều lệ hiện hành (tương đương **520.000.000** cổ phần).

7. Các loại thuế có liên quan

b) Thuế áp dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn phải chịu các mức thuế suất theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 được Quốc Hội ban hành ngày 19/06/2013, từ 01/01/2014 và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Ngoài ra, Tập đoàn cũng thực hiện nghĩa vụ thuế khác như: thuế giá trị gia tăng, thuế sử dụng đất, thuế môi trường, thuế môn bài...

c) Thuế liên quan đến nhà đầu tư, cổ đông của Tập đoàn

❖ Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 26/2012/QH13, ban hành ngày 22/11/2012 và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27/06/2013 của Chính phủ về các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- ✓ Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- ✓ Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán)

được xác định như sau:

- Nếu cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
- Nếu người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
- Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

❖ **Đối với nhà đầu tư tổ chức**

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau: Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất. Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.
- Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau: Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

1. Công ty kiểm toán BCTC Công ty mẹ: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
- Điện thoại: 024 3824 1990 Fax: 024 3825 3973
- Website: www.aasc.com.vn

2. Công ty kiểm toán BCTC Hợp nhất: Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam AVA.

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 14, Tòa nhà Sudico, Đường Mễ Trì, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.
- Điện thoại: 024 3868 9566 Fax: 024 3868 6248
- Website: www.kiemtoanava.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)

Địa chỉ: Số 41 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (84. 28) 3823 4160

Fax: (84. 28) 3823 5060

Website: www.acbs.com.vn

VII. GIỚI THIỆU DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN

STT	VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN
1	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành
2	Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành
3	Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành
4	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành
5	Luật số 69/2014/QH13 quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại Doanh nghiệp
6	Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008, Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành
7	Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006
8	Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế
9	Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp
10	Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 hướng dẫn Quản trị Công ty

STT	VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN
11	Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán.
12	Nghị định 108/2013/NĐ-CP ngày 23/09/2013 và Nghị định 145/2016/NĐ-CP ngày 01/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán
13	Thông tư 155/2015/TT-BTC hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
14	Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn nghị định 71/2017/NĐ-CP
15	Và một số văn bản pháp luật khác có liên quan

VIII. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Phụ lục 2. Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua việc niêm yết

Phụ lục 3. Điều lệ Tập đoàn

Phụ lục 4. Báo cáo tài chính Kiểm toán riêng và hợp nhất 2017, 2018

Phụ lục 5. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý 3/2019

Và các phụ lục khác



TP. HCM, ngày 27 tháng 12 năm 2019

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM – CTCP**



TỔNG GIÁM ĐỐC

HUỲNH VĂN BẢO

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

ĐỖ KHẮC THĂNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN NGỌC THUẬN

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

PHẠM VĂN HỒI EM

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB (ACBS)**

ACBS



TỔNG GIÁM ĐỐC

TRỊNH THANH CÀN